

SAN FRANCISCO PUBLIC LIBRARY



3 1223 11307 3986

HOÀNG CÔNG DANH

khói
sẽ làm
mắt tôi
cay

tùy bút



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



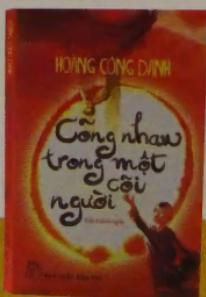
HOÀNG CÔNG DANH

Tác giả Hoàng Công Danh sinh năm 1987, quê Triệu Phong - Quảng Trị. Chuyên ngành của anh là vật lý, đam mê với văn có lẽ nhờ cái "duyên". Lấy bằng thạc sĩ ở Belarus, khi về nước, Hoàng Công Danh đã chọn trở về quê nhà Quảng Trị để sống và làm việc.

Tập tùy bút này được tác giả viết trong thời gian du học ở Belarus (từ 2007 đến 2010).

Đã in:

Tập truyện ngắn
Cõng nhau trong
một cõi người,
NXB Trẻ



khói
sẽ làm
mắt tôi
cay



BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Hoàng Công Danh, 1987-

Khói sẽ làm mắt tôi cay : tản văn / Hoàng Công Danh. - T.P. Hồ Chí Minh :
Trẻ, 2014.

220tr. ; 20 cm.

1. Văn xuôi Việt Nam – Thế kỷ 21. 2. Văn học Việt Nam – Thế kỷ 21.
1. Vietnamese prose literature – 21st century. 2. Vietnamese literature
– 21st century.

895.9228084 – dc 23
H678-D18

ISBN 978-604-1-02998-9

Khói sẽ làm mắt tôi cay



HOÀNG CÔNG DANH

khói
sẽ làm
~~mắt~~ ~~tối~~
cay



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

3 1223 11307 3986

nhà dưới gác lầu mìn và trai em là bà con họ nhà.
Còn mèo là con mèo nhà của nhà bà con, bà con cũng
không thèm睬理 mèo dù mèo đây là mèo nhà.
Trong năm trước nay là mèo nhà em và bà con, không dám
kết bạn với mèo nhà như là mèo nhà bà con.
Hàng tháng hàng tháng mèo nhà bà con
đem mèo nhà về nhà.

Nhen lửa nướng khoai

Những chớm gió đông khe khẽ lướt qua làng. Buổi chiều thường hay rắc vài hạt mưa như cối trời tỏa xuống. Ấy là vào độ cuối tháng mười âm lịch. Đường như chính cái sắt se của buổi đất trời vào đông đã cối lại nơi tôi một nốt thắt đáng nhớ.

Trên bãi đất tục gọi cồn Mai, nghĩa địa chôn cất người làng, lú trẻ chăn trâu bắt đầu bày trò để chơi. Vào độ này, chúng tôi thường nhen lửa nướng khoai. Phía bên cồn có một bãi đất nhỏ, ở đây người ta tria rau cải vào mùa xuân, trồng ớt vào mùa hè, sau đó thì đến khoai, cứ xen nhau như vậy. Độ cuối tháng mười thì khoai có củ. Các bác ở làng nói mấy đứa cổ gắng đừng để trâu bò ăn kẹt ăn lá thì đến khi khoai có củ cứ thế mà moi, không cần xin phép. Một đứa chạy qua bãi đất thọc tay moi vài củ khoai to nhất. Muốn biết gốc nào có củ to rất dễ. Chỉ cần sờ vào cọng khoai, thấy nó cứng là biết ngay gốc khoai đã già.

Nhiên liệu để nướng khoai không phải củi mà là phân bò khô – một thứ chất đốt quê mùa nhưng rất đượm lửa than. Ở xứ Nga, những loại chất đốt như thế

này được gọi bằng một cái tên chung là *ki-giắc* (кизяк). Có một lần trên đường ra sân bay Minsk, khi xe chạy qua thảo nguyên, tôi đã nhìn thấy rất nhiều *ki-giắc* vương vãi trên cỏ. Chợt như trước mắt tôi, hình ảnh cô bé Antunai trong tiểu thuyết của Aitmatov đang hiện diện, nàng khom lưng cõng một túi *ki-giắc* nặng trĩu lê bước vào hoàng hôn.

Chúng tôi gom phân bò lại thành một đống nhỏ, châm lửa đốt và lăn những củ khoai vào trong đó. Ngồi đợi. Những đốm lửa bắt đầu bén từ dưới lên. Phân bò khô chín lại màu da bò, rồi rực rỡ và bắn ra vài tia lửa nhỏ cùng với những tiếng lép bếp. Có một nguyên lý chung của chất đốt, đó là hễ thứ nào càng khô thì tiếng nó càng mạnh.

Mùa này, buổi chiều lạ lăm. Như thể có một ai đó vừa quét bột hồ và phết lên trên nền trời, nó vừa trắng đục vừa dẻo và sánh lại. Một thoảng gió mang hương cỏ tràn vào tâm hồn trẻ thơ. Sau này, có nhiều lần tôi về lại nơi bái đất cồn Mai ấy, và cảm giác những hòn hoa khi xưa chưa hề cũ đi, cũng không hề mới lên, cứ như thế mãi mãi... Tôi biết, kỷ niệm của quãng đời ấu thơ vẫn nguyên vẹn nằm lại nơi làng quê của mình.

Khói phân bò không ngòm ngộm như khói rom rạ, nhưng nó bay lên đủ để bùi ngùi một buổi chiều. Tôi cảm nhận được sự yên bình mỗi khi nhìn ngọn khói ở quê nhà. Có lẽ, ngay từ buổi đầu hình thành nên ngôn ngữ, người Việt đã mượn một ngọn khói (*yên*) để

viết vào cuốn tự điển của mình hai chữ *bình yên*. Thôi Hiệu nói “yên ba giang thượng sử nhân sầu” là ngọn khói trên sông gọi cảm giác buồn. Còn với tôi, “yên túc thảo vi cảm hoài” – là ngọn khói đậu trên búp cỏ khiến người ta phải nhớ thương. Mùa khói hôm xưa cứ thắc thэм trong tâm hồn tôi, bao giờ cần yên tĩnh thì lấy ra mà ngắm. Do đó tôi nghĩ rằng, sự yên bình vốn là một khái niệm thuộc về cõi lòng chứ không phải môi trường bên ngoài.

Những đứa trẻ làng như tôi ngày ấy đã từng thích thú vô cùng với khói. Lửa nhúm, khói vừa len lén lên thì đứa nào đứa nấy reo cười. Ôi, phải chăng chính khói là cội nguồn đánh thức niềm vui an lạc? Chẳng thế mà ông vua Ngô Phù Sai sau bao lần tìm cách mua vui cho Tây Thi nhưng thất bại, cuối cùng vua ra lệnh đốt khói yên dài và thế là mỹ nhân đã bật cười. Nếu một ngày nào đó có người con gái đến với tôi, nàng cũng đẹp như Tây Thi nhưng ít cười, thì chắc chắn tôi sẽ dắt nàng về bãi đất làng mình và cùng nhau nhen lửa đốt khói, để cho nụ cười được tươi lên trên khuôn mặt ấy.



Chị hơn tôi mười tuổi. Vâng, người chị hồng nhan bạc phận ấy đã ám ảnh tôi từ bấy đến giờ, và có thể sẽ dư âm cho đến cuối đời. Chị trở thành nhân vật của tôi. Có một buổi chiều, tôi ngồi nướng khoai với chị trên

bãi đất làng. Gió se buồn. Hai chị em vừa khều khoai vừa nuốt nước bọt vì đói. Tôi nói sau này nếu có tiền, em sẽ đưa chị đi tới một quán ăn thật sang trọng. Chị mỉm cười nhẹ. “Thôi, không cần. Mi mua cho chị một rổ khoai là được rồi. Để tiền mà nuôi vợ”. “Em không lấy vợ. Em sẽ ở với chị suốt đời”. Chị cú vào đầu tôi. “Ngốc lắm em ạ. Đàn ông gì yếu ớt như mày sau này con gái nó ăn hiếp đấy”. Và quả thế thật. Sau ngày chị mất. Tôi đã nhút nhát đi nhiều, tôi tránh gặp con gái. Đường như ngoài chị ra, không còn người con gái nào đủ cho tôi tin cậy nữa.

Sum là một người bạn ở làng khiến tôi rung rung mỗi khi nhớ về. Đã không biết bao nhiêu lần hai đứa thả bò trên cồn và cùng nhau nướng khoai. Sum gầy, nhưng mạnh mẽ, con trai làng mình đứa nào cũng dồi dào sức khỏe. Có lần Sum nói, khoai là phải nướng và nướng bằng phân bò mới ngon. Không biết cái kinh nghiệm ấy ai bày cho hắn, nhưng đến khi hắn thốt ra thì y như đóng đinh một triết lý. Rồi cũng chính nơi bãi đất cồn nhỏ bé nhưng nhiều cỏ ấy, tôi và Sum đã có một buổi chiều dầm mưa bụi lất phất, cùng ngồi với một ngọn lửa ấm tình bè bạn. Năm ấy hai đứa mười tám tuổi, ở làng tuổi đó được coi là lớn lăm rồi. Sum buột miệng: “Ở đời được sống thì dễ, nhưng sống được mới khó!”. Tôi im lặng một chút rồi nói vui, như để xoa dịu cái trăn trở của bạn. “Những thằng ăn khoai nướng nặc mùi phân bò đôi khi lại chín chắn sớm hơn, hè?”

Không biết nữa. Nhưng có một điều chắc chắn là bất cứ ai sinh ra và lớn lên nơi một làng quê nghèo thì đều già trước tuổi. Đó là một quy luật tất yếu, một thứ đòi hỏi của cuộc sống. Bởi những gian truân nắng mưa buộc trẻ con chúng tôi phải sớm biết lo liệu và chịu đựng. Ấy là trải nghiệm bằng cuộc đời thực chứ không phải kiểu sách vở. Như Sum cũng vậy, chữ nghĩa chỉ đủ dùng thôi, nhưng nói về những kinh nghiệm lao động và ứng xử thì hắn thuộc dạng thầy của những đứa khác. Chính nhẽ đó mà tôi luôn trân trọng những người bạn ở làng.



Khoai chín là lúc lớp vỏ nứt ra mấy kẽ hở và để lộ những thớ ruột màu vàng hươm. Vỏ khoai cháy thành một màng cứng cứng. Mùi khoai thơm trộn với mùi khói phân bò tạo thành một hương vị quê kiểng. Hầu như ở làng, tất cả những chất đốt đều có chung mùi này, chẳng hạn như mùi rơm vào mùa đốt đồng sau vụ gặt, hay là mùi lá săn khô. Riêng mùi phân bò lại có một chút khai khai nhẹ. Thật ra, phân bò khi còn tươi thì rất bẩn, nhưng qua vài nắng, tất cả những chất đậm ni-tơ đã bay đi gần hết, chỉ còn lại cái chất xơ tạo thành những miếng như bánh xốp. Bò ăn cỏ, nên phân bò khô thì cũng chả khác chi là cỏ phơi khô. Đó là nguyên tắc khiến ta dùng phân bò làm chất đốt mà không dùng thứ phân khác.

Khoai vừa khều ra, mõi đứa nhón một củ đương nóng, vừa cầm vừa lăn chuyền qua về hai tay. Hơi nóng của khoai ú vào đôi bàn tay, ấm lại ngày chớm gió. Sau đó bóc vỏ một cách từ tốn. Cái khác biệt của khoai nướng và khoai luộc là ở chỗ bóc. Khoai luộc có thể ăn ngang, không cần bóc vỏ. Còn khoai nướng thì phải bóc chừng nào ăn chừng đấy, để cái mùi thơm của khói được toát ra từ từ. Đấy, riêng cái chuyện ăn khoai thôi cũng đòi hỏi sự tỉ mỉ. Cái ngon ở đòi hỏi khi không phải sơn hào hải vị, mà ở chỗ biết cách ăn như thế nào.

Cung lớn hơn tôi một tuổi, người nó chắc nịch và nụ cười rất đáng yêu. Cung lanh lợi, tháo vát nhiều việc. Nó được xem như một bác sĩ đồng quê bởi những phương thức chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe rất đơn giản mà hiệu quả. Ví như chuyện ăn khoai nướng, nó bảo là rất tốt cho đường ruột. Thứ nhất, mùi vị khoai nướng có chức năng trừ giun sán. Thứ hai, ăn khoai thì không lo bị bệnh táo bón, hơi nóng của khoai làm thông các ống ruột. Nghe rất phù hợp. Tôi lại ngộ ra một điều rằng, những kinh nghiệm dân gian sẽ rất dễ lưu truyền nếu như có một cơ sở lý luận giải thích. Và không nhất thiết phải người lớn tuổi, chính trẻ con cũng có một phương pháp luận của riêng mình.

Vừa ăn khoai nướng, chúng tôi vừa trò chuyện téo táo. Những chiếc răng chưa hết mùi sữa cứ thế cười ra với cánh đồng. Trong những câu chuyện hôm xưa, nhất quyết tôi phải kể lại cho bạn nghe chuyện này. Ông cố

nội nhà tôi mỗi lần luộc khoai xong thì đổ ra chiếc rá. Đứa nào cầm khoai lên mà thả xuống lại thì ông cố đặt riêng củ đó một bên, lát nữa không cho chọn lại. Cố dạy: “Đến củ khoai mà còn chê thì mần răng biết quê hương là chi?” Đây là bài học đáng nhớ, bài học theo chân tôi xuyên suốt hành trình làm người.

Trên hoang thảo miền của tôi, người làng cứ đi qua, in lên đó bao nhiêu dấu chân hình trái bí đao. Nhưng có thì ngàn năm vẫn xanh, như buổi chiều đã xưa lắm rồi mà kỷ niệm còn tươi mới. Tôi sẽ về nhặt lại, một củ khoai còn sót dưới chân cỏ dĩ vãng, một nhúm phân bò khô trong hanh nắng thời gian, một cọng khói ngủ quên trên khung trời cổ xứ. Và chắc chắn là khói sẽ làm mắt tôi cay.

Chòi

sī

tǔ

Chòi canh cá nằm giữa cánh đồng làng. Nơi ấy, một phần đời tôi đã sống và lớn lên nhờ hương sữa lúa mùa kết chẹn, lớn lên theo tiếng quay thở của những chú cá buồm sớm mai, lớn lên cùng nhịp điệu ánh mặt trời, mỗi bình minh hay hoàng hôn đều đượm một sắc vàng chín tới.

Giữa cánh đồng Mặt Bằng có cái hố bom rộng, nước lướt phẳng, sóng thi thoảng mới gợn nhấp nhô khi có gió tạt qua. Ông nội be bờ đất xung quanh hố bom. Thả vài chỏm nè vào giữa như làm dấu thánh với đất với trời, rằng đây là nơi tôi mưu sự. Tháng Mười âm lịch bắt đầu mua cá giống từ thị xã Quảng Trị về thả. Ông chặt tre dựng bên hồ một cái chòi nhỏ, vách gót, mái lợp lá tàu dừa. Bên cạnh chòi trồng một cây chanh leo, loại chanh này rất hiếm, nó thuộc chi Lạc Tiên trong giới thực vật. Vài tháng sau, dây chanh bò phủ kín cái chòi, xung quanh và cả trên mái chằng chít thân với lá đan xen nhau rườm rà. Hoa chanh leo nở ra tím nhạt phớt phơ tựa màu hoa cà. Rồi những quả chanh tròn to cỡ nắm tay đậu chi chít. Chim sẻ đồng sà xuống gó mỏ sừng lách tách vào lớp vỏ quả chanh như sú chửa

gõ mõ tụng kinh. Cảnh yên lặng rất thiền. Trong chòi kê một chông tre, cái chặn để ít đồ đặc thô sơ và một cây đèn dầu hỏa.

Những năm học phổ thông, tôi thường cắp mấy cuốn sách men theo chân ruộng, băng qua đồng ra chỗ chòi vừa canh cá vừa học bài. Đường chân ruộng có cỏ lopus lót lối người đi, xanh mơn man mềm nhũn nhại xát vào da thịt, sương có khi biếc nắng mà hồng theo một cách trong veo. Sao thứ có áy lại đầm thắm và có ma lực đến thế. Cứ như muốn dính chặt bước chân người ta vào đất. Quang đường từ nhà ra chòi không xa lắm, nhưng mỗi lần đi qua tôi đều phải mất khá nhiều thời gian, bởi cỏ cứ khiến chân tôi dùng dằng nửa muối bước đi nửa du di đòi nán lại. Và trời thì như kéo ngược cái nhìn của tôi lên mà trát vào khuôn mặt non nớt những phả sương mùa xuân. Một thảm nhiêu hoa dệt từ những triền thoai thoải lúa tháng ba xoáy vào tôi niềm xôn xao lay động đến tận sâu thẳm tâm hồn.

Ra đến chòi, tôi ngồi xếp bằng trên cái chông tre, đặt máy cuốn sách gần khung cửa sổ. Xung quanh chòi miệt mài những thửa ruộng xếp kín mép vào nhau như những bản tranh dân gian giấy dó xứ Bắc đem ra phơi, từng lát từng lát liếm mép hôn nhau điệu đà. Tôi tự thưởng cho mình những phút giây ngắm cảnh và rồi bị mê hoặc đi bởi cái lâng đâng toát lên từ sự bình dị nơi làng quê của mình.

Tôi ở nơi chòi ấy suốt ngày, có khi quên bữa thì ông nội bụng cơm ra tận nơi cho. Những tháng ngày ở đó, tôi ngồi đọc sách và đọc lại chính bản lý lịch của mình: *Kẻ quê mùa khai sinh bởi hạt lúa*. Tôi cứ ước cho mình được ở đây mãi mãi. Gió sẽ trải chiếu cho tôi ngả lưng. Mây sẽ lót gối cho tôi tựa đầu. Chim vỗ cánh cắp giấc mơ bay trước để tôi mê mải đuổi theo. Và nếu sách hết thì tôi sẽ đọc cánh đồng. Không hề gì. Ở bất cứ đâu người ta vẫn có thể học được, miễn là ta phải hiểu ngôn ngữ của nó. Bản khai sinh của tôi được viết bởi hạt lúa, và hạt lúa chính là ngôn ngữ của cánh đồng. Ý niệm ấy tôi nhận được từ một người nông dân ở làng, nhân một lần ra đồng vãi thóc giống, bác đã nói với tôi rằng cháu học bài cũng như bác gieo hạt. Là sao nhỉ? Tôi giữ mãi thắc thòm này cho đến khi được biết một câu ngạn ngữ Gruzia: “*Học tập là hạt giống của kiến thức, kiến thức là hạt giống của hạnh phúc*”. Chao ôi, một người nông dân tưởng như không mấy ngày được đến trường lại có thể thấu triệt sự học với một niềm kiêu hãnh như thế. Người không học như cánh đồng không có hạt giống, tức là không thể tươi vui. Chính bác nông dân ấy đã đặt tên cho cái túp mái lá này là “chòi sĩ tử”.

Ngày xưa trò Siêu cũng từng ngồi nơi một chòi lá như thế này để học bài. Chàng buộc một sợi dây trên xà mái chòi thả xuống và cột túm lấy chỏm tóc, nhỡ khi nào ngủ gục thì sợi dây sẽ căng giật cho tỉnh táo. Nhờ cách học ấy mà trò Siêu đã trở thành danh sĩ Nguyễn

Văn Siêu uyên bác lẫy lùng một trời Kinh Bắc thế kỷ mười chín, người đời vẫn xưng gọi Thần Siêu đấy thôi.

Ông nội nói ra ngoài chòi thì học bài rất dễ “vô”. Quả thế thật. Ở chòi tôi học được nhiều thứ không biên trong sách vở. Tôi học cách làm đồng của bà con, từ việc lật đất tria hạt cho đến ngày luốt hái gặt về. Tôi học cách nẩy mầm thành cây xanh rồi học ngọn lúa uốn nhành chịu gió. Học sự biến đổi màu nắng, học những kiểu trời làm mưa, từ sớm đến trưa gọi là... một buổi. Học cả những cơn giông ập đến bất thình lình khi chớm hạ, hay là ngọn khói chầm chậm thả lên trời vào mùa đốt đồng sau vụ gặt. Cánh đồng cho lúa già gạo tôi ăn, hương sưa tràn qua cho hồn tôi uống. Người nói quê mình cực, tôi cười: sướng! Sướng theo cái kiểu biết chấp nhận và yêu.



Sau kì thi đại học, tôi vẫn giữ thói quen ra chòi ngồi đọc sách. Tâm niệm vĩnh hằng của kẻ sĩ xa xưa hay sĩ tử thời nay là sự học vốn không ngoi nghỉ. Bởi thế nên “sĩ tử” không phải chỉ để gọi tên những người học trò ở trường lớp mà đó là tên gọi theo suốt con người ta đến hết cuộc đời như một cái-tên-nhiệm-vụ. Tôi ra chòi, ngoài hứng thú đọc sách còn là để thỏa cái niềm khao khát bình yên thư thả mà lăm của nả nhiều bậc tiền chưa chắc mua được. Ở Belarus, vào mùa hè nóng nực, người dân thủ đô Minsk thường đi ra những vùng

ngoại ô thành phố và nghỉ ở đó cho hết kỳ thời tiết khắc nghiệt. Họ dựng sẵn ở giữa khu rừng cổ cây những cái “đa cha” (*dača*) như là chòi gỗ mộc kiên cố. Người Belarus thích đọc sách, đọc bất cứ nơi đâu, vào bất cứ lúc nào khi rỗi rã, trên ghế đá công viên vào ngày đẹp trời hay trong một đoạn cách bến mettro ngắn ngủi. Và tất nhiên, đến khi đi “đa cha” thì họ không quên mang theo một túi sách để đọc trong suốt thời gian ở đó. Một người Belarus nói với tôi rằng: “Lạ chưa? Chính những người giàu có lại ưa thích chốn hoang dã phủ cỏ phên cây, cậu ạ”. Chợt tôi nghĩ về nơi cổ quận của mình. Vậy thì người quê kiểng có cái chòi lá nằm giữa cánh đồng cũng là giàu sang lắm rồi. Đường như cái chòi lá giản đơn ấy đã thành căn nhà trú ngụ bền vững cho thuở tôi mới lớn, một cái “đa cha” để cõi lòng tôi bớt khô khan khi mùa gió phơn tây nam từ Lào xốc về.

Có một cô bé chăn trâu nhỏ nhắn, da ram rám nắng, e thẹn nép ngoài cửa chòi. Tôi gọi vào hỏi mới biết đây là bé Liên con chú Du ở làng Võ Thuận. Liên kém tôi ba tuổi, lanh lợi hồn nhiên và vừa đạt giải Ba môn văn cấp tỉnh. Đi chăn trâu, Liên nhét trong túi cây bút với cuốn sổ để... mần thơ. Thế rồi mỗi buổi chiều, Liên dắt trâu đến thả bên ngoài chòi và đọc thơ mới viết cho tôi nghe. Tiếng răng trâu xén cỏ nghe roàn roạt từng miếng từng miếng. Hương cỏ tươi non theo gió lùa qua chòi và ủ vào trang giấy chép thơ của Liên. Tôi nói thơ em hiền như cỏ. Liên cười, thì thơ của đứa chăn trâu

mà. Mải đọc thơ, trâu chạy xuống đầm lầy. Liên vội vàng nhét cuốn thơ vào tay tôi rồi lao theo lối trâu. Tôi túm tóm cười, chợt nghĩ: Liên nghĩa là hoa sen, Liên lội xuống đầm là hoa sen nở trong bùn.

Buổi tối có khi tôi ở lại ngoài chòi và ngủ qua đêm. Những hôm trăng sau rằm thì ánh sáng màu vàng cháy rất đẹp. Cả cánh đồng như được ướp bởi ánh trăng để tươi mãi. Trăng tràn từ phía nhà thờ họ Hoàng, lẩn lách phản qua từng chân cỏ. Ở dưới cỏ có chú dế đêm rỉnh rỉnh xèo cánh phơi trăng, có con châu chấu nghiêng mình đưa mắt soi trăng. Cánh đồng mở dạ hội cho muôn loài. Ếch tấu lên khúc ca trù muôn thuở. Bước chân ai đẹp cỏ nghe rào rạo? Thì ra Sum đang tới, hắn đứng ngoài cửa chòi, tay đưa lên chai rượu. È, nhậu! Lát sau Xăm và Mèo cũng xuống. Bốn thằng quây tròn giữa chòi mà uống cho đến khi canh tư trăng lặn. Hết rượu, cả bốn thằng ôm nhau nằm xoài ra ngủ. Lát sau Sum tỉnh dậy lôi cái cần câu ra đào giun câu cá. Nửa đêm nửa hôm cá nó mắc ngủ chó đâu có ngu mà thức dậy cắn lưỡi. Thế là Sum đào săn củ lên, lấy rạ nhen lửa và lúi húi nướng. Rồi lại ngồi nói chuyện cho đến sáng trời. Chòi sĩ tử thành ra chòi... sĩ tử. Vĩnh nói uống rượu đâu có phải hư, uống rượu cũng là một cách học đấy thôi, học sống tử tế với bạn.

Buổi sáng, ông nội thường ra thăm trại cá sорм. Ông nhúm ít lửa củi bên chòi, kê kiềng đun ấm nước rồi chắp tay sau lưng đi một vòng quanh hồ. Đến khi ông quay lại thì nước đã sôi, rót ra pha trà khai ấm ban mai. Ông cầm chén trà nóng, đứng thong thả nhìn cá móng nước. Từng vòng sóng đồng tâm loang ra, tan ra, nhạt dần rồi chìm vào mặt nước một cách bình lặng như chưa hề có chuyện gì xảy ra vậy.

Ngay buổi sớm mùa xuân hôm ấy, nhìn một chú cá ngoi đầu lên hớp sương, tự nhiên ông nội lại nói chuyện hình tượng cá trong mạch ngầm văn hóa làng mành. Ông nhấp một ngụm trà, chíp môi rồi bắt đầu đọc hai câu thơ của cụ Hoàng Trọng Thuần khắc trên tấm bia đá ở cồn Sanh. “*Mảnh đất cá nhảy ba tầng/ Nền khoa cử sầm vang nơi vũ cấp*”. Vốn xa xưa làng trù phú, có cảnh đồng có dòng sông, con nước mênh mông chảy vào trang sách ướt đẫm niềm hiếu học. Những sĩ tử của làng thuở ấy cũng dựng chòi lá như thế này bên dòng sông, ngày ngày họ đọc sách và chơi với cá chép trên sông, để một hôm cá chép vượt vũ môn và hóa thành rồng bay về ẩn mình vào linh thổ tạc nên dáng làng uống hình “phi long” như bây giờ. Ôi, sao nghe chuyện của ông như một huyền thoại. Huyền thoại thì không có thực nhưng chưa bao giờ vô ích.

Độ cuối mùa xuân bắt đầu đợt kéo cá. Mà ông nội thả cá ở đây như một thú chơi, vui là chính chứ có kiếm được đồng nào đâu. Quê nhà thật hay, cứ như làm giàu

không được thì thôi làm để lấy niềm vui sống. Be bờ gầy hồ nuôi cá cũng vậy. Lại lời chả có chi nhưng niềm vui thì rất nhiều, vui vì được thả mình với đất trời bình dị, vui vì được ngồi chòi ngắm trăng đêm... Riêng đối với tôi, chòi canh cá còn là trường học vĩ đại mà ở đó, chính vị giáo sư mang tên Quê Hương đã mượn cánh đồng làm trang vở, lấy gió trời thay mực vẩy lên trên thảm lúa bao nhiêu bài học giá trị, bồi đắp cho trí tuệ và tâm hồn.

Chòi sĩ tử vẫn còn đó, như suốt đời ta vẫn sĩ tử mà thôi.

Mùa
xuân
qua
ngõ

khó có điều gì huyền nhiệm như thiên nhiên buổi đất trời vào xuân, lúc sương làm thành màn và tiếng chim chèo béo sóm mai vén bức màn ấy lên. Hiện dần trong đôi mắt ngái ngủ của ngày tân niên là một ngõ quê với bước chân ai đó thả nhẹ trong bồng bềnh hương thơm hoa trái.

Lật tờ lịch đỏ, mặt trời đánh vài sợi nắng đầu mùa và giữ khí trạng ấy cho đến cuối ngày. Mọi thứ bắt đầu bằng sự nhẹ nhàng khoan thai của một người yêu thủy chung mỗi năm ghé về chợ tình lấy duyên một lần, rồi nhận ra món hồi môn từ mấy ngàn năm trước đã trẩy lộc: bông hoa trên cỏ nở cười, trái cây trong vườn ửng má thiện thùng, cau xòe tán làm chiếc lộng che trái đậm lời. Hình như mùa xuân đất trời bày một tiệc cưới hân hoan, thiên sứ trên cao xuống trần và bung tất cả lễ vật vừa vào đến ngõ. Tình yêu khai sinh từ một ý niệm tìm ra quả mà Adam và Eva là hai kẻ may mắn đầu tiên. Có lẽ, trái bưa ấy là vật phẩm đánh dấu mùa xuân sang.

Tôi miên man những ý nghĩ ngây ngô khi vào nhà Bảo. Một cây bưởi đứng chào ngay ngoài ngõ trong tư thế cong cành thả từng trái tròn vô tư. Vài trái len hắn

ra ngoài vòm lá và nằm rất thấp, vừa tay người chạm.
Nghe nói nếu có hơi tay người thì bưởi mau to?

Bảo cười khi nghe câu hỏi bâng quơ của tôi. Là một người đam mê cây cối, hẳn nhiên Bảo sẽ rất rành món này nhưng hắn vẫn giấu nhẹm câu trả lời. Đừng vội nghĩ đến một hành động thái quá của đàn ông. Nói một cách nghiêm túc, những kinh nghiệm chăm vườn có một sự liên hệ nào đó với việc chăm sóc người. Ví như người lớn thường xoa đầu trẻ con cho chóng lớn. Đây là sự động viên chân chính. Cũng như khi sờ bưởi thì có ý nhăn nhú rằng ta muốn có một món lê xuân dâng cúng tiên tổ, hoặc làm quà cho người thương.

Nhà Bảo nằm ngay chỗ giao của hai con đường làng. Mỗi buổi sáng mấy cô gái quê thường đi qua thả những mùi hương tóc gọi bồ kết, hay là trả tiếng cười khẽ khi gặp lời chào ban mai của chàng trai tuổi yêu. Mấy lần ngủ lại ở nhà Bảo, sáng thức dậy tôi đã nhận ra rất nhiều tín hiệu duyên dáng của ngày mới. Một chòm hoa bưởi trắng nội kết trong tàng lá xanh tự bao giờ vẫn giữ nét khôi nguyên và bung nụ như mở tấm lòng thơm thảo muốn hiến dâng. Có khi len lỏi giữa những vòm bưởi là chú chim sẻ vuốt cánh đánh nhẹ vào mấy chiếc lá, hoặc chim liếc mỏ sừng vào vỏ trái. Thành ra, trái bưởi có những chỗ bóng loáng lên như thứ gỗ được mài nhẵn. Mỗi trái bưởi hệt một khuôn mặt tròn đầy của thiếu nữ với làn da mịn màng được nuôi dưỡng bởi lớp kem sương xuyên đêm.

Bà của Bảo đang bệnh, bây giờ mỗi ngày phải dìu ông đi quanh sân nhà, ra ngõ cho ông chạm vịn vào cây cối một chốc. Lần tôi dìu ông ra ngõ, ông nắm vào cuống trái bưởi cổ gắng nân lên rồi ú ó vài tiếng không rõ. Tôi hỏi có phải lấy tre chống cho cành đừng trôi xuống không? Ông gật đầu lia lịa và rạng mắt mừng vì có người hiểu mình. Từ đó tôi biết rằng tình yêu thiên nhiên đã nâng đỡ rất nhiều cho con người. Trong nỗi bệnh tật, người ta làm bạn với cây cối, biết cách nâng niu và trân trọng sự sống thuần hậu.

Ngõ quê ít khi kín cổng cao tường, thay vào đó là một cây cho quả vắt nhành sang làm cổng và hàng cây leo dựng tường. Những loại cây leo làm phên dậu như mướp hay mùng tơi. Từ cuối mùa đông người quê rào tre làm phên và ươm hạt trong những túi nhỏ. Khi cây chừng một gang tay, bắt đầu ra tua cuốn thì xé bao đem tròng ở dưới những hàng phên. Vài bữa sau cây đã bắt ngọn leo lên và phủ xanh lá. Có nhà làm phên ngay ở hai bên lối vào, rồi bắc thêm phên ngang phía trên để tròng mướp. Đến khi mướp phủ kín, đi vào ngõ nhận ra ngay niềm hiếu khách của gia chủ, hồ như đấy là niềm hạnh phúc tao ngộ của người nhà quê.

Có lần tôi lên nhà Đăng chơi, gã chỉ tay ra ngõ và khoe cái giàn mướp mới giày tre. Vài bữa nữa nó lên xanh đẹp lắm. Rồi đôi mắt gã mơ màng nghĩ đến một cuộc hôn nhân trong kỳ mướp cho quả. Từng trái xanh non vắt xuống vừa chạm đầu nàng dâu mới. Sẽ có vài

con ong chơi trò đuổi bắt, chúng xuyên qua vòm rồi bò quanh trái muốp. Cuộc tự tình mỗi sớm mai hay khi chiều về của đôi lứa dưới vòm lá sẽ lặng lẽ biết bao. Cây còn xanh đúng mùa, ngõ vẫn chờ đúng hẹn, nghĩa là tuổi xuân của bạn còn phơi phới. Biết bao lần ngồi với Đăng trên lớp cỏ ven đê, giữa đêm trăng mọc muộn phía đầu làng để nói về niềm tin yêu cuộc sống. Và mỗi độ xuân về, tôi đều nhận ra thiên nhiên bao la đã choàng lên mảnh làng bé nhỏ của mình những gửi gắm lạc quan. Trong sợi dây leo có tình gắn kết, dưới tờ lá xanh có sự chờ che, quả đầu mùa mọc cuống vào giàn có nguồn năng đỡ. Bởi thế mà quê hương luôn hiện hữu trong từng ý nghĩ của bạn bè.

Mảnh vườn bên cạnh lối vào, người quê thường dùng để trồng rau màu, các loại rau kẹp ăn sống ăn quanh năm. Riêng cải thì chỉ thích hợp vào mùa xuân nên đến độ này, người ta ưu tiên đất để tria cải. Và không phụ lòng người trồng, cải làm màu xanh non tươi mon mòn. Hạt cải chỉ cần tria xuống độ vài hôm là có thể nhổ ăn được rồi. Đi vào ngõ nhà Đăng, vườn cải trải ra một tấm thảm xanh dịu dàng. Có lẽ đó là màu xanh ngây thơ nhất, một thứ gam màu lạnh chưa hề nghĩ ngợi đến tuổi đời của mình.



Niềm vui của người làng không phải là của cải vật chất, mà đó là vật phẩm thiên nhiên. Bởi thế nên bà

con khen nhau cái cây dây trái, cái vườn xanh tươi chứ ít khi khen của nả trong nhà. Đến chơi với nhau cũng muốn đứng ngoài sân vườn, hưởng cái bầu không khí yên tĩnh. Chén nước trà đãi bôi đói khi chưa thực sự là niềm thâm giao bằng lời mời chào của ngô cây xanh. Tôi học được điều này qua những lần đi chơi với Bảo. Cứ thấy nhà ai có nhiều cây xanh là Bảo ghé vào chơi một cách tự nhiên, rồi nói chuyện sinh vật cảnh với gia chủ y hệt bạn quen từ thuở nào. Thế đấy, cây cối đã nối một vòng tay thân thiện cho con người.

Hồi ấy tôi và Sum hay đi qua đường làng Đại Hòa, bên cạnh đình làng có một ngôi nhà rậm rạp cây cối. Hai đứa hơi sợ cái nhà này vì nó kín đáo quá. Không ngờ vài bùa sau mới biết đó là nhà Phương Oanh, một người bạn gái của tôi. Buổi tối đầu tiên tôi đánh bạo vào nhà Oanh chơi, bạn mời ngồi ở ngoài sân. Mới đầu thấy hơi buồn, nhưng ngồi một lúc thì hương cau từ ngô tràn vào thơm ngát, gió đêm lạc qua lá khẽ tiếng xôn xao. Tôi chưa kịp quở một lời nào thì Phương Oanh nói trước. Bạn đến chơi mà không có gì mời cả!

Trời ơi, cả một khu vườn với rất nhiều thanh âm triu mến và hương thơm quyến rũ như thế chưa đủ hay sao. Phải quý lấm bạn mới cho ngồi ở sân để hưởng thú ân sủng dồi dào của thiên nhiên. Chính những buổi tối như thế đã dậy lên trong tâm hồn tôi niềm yêu khôn tả. Những đêm trăng đầu xuân, ngô quê ảo mờ như dáng dấp khuynh thành mà duyên dáng, kín kẽ mà điệu đà.

Ngõ nhà gắn với nhiều kỷ niệm tuổi thơ nghịch ngợm của tôi. Hồi ở nhà còn cây vú sūa, tôi hay hái sẵn một chùm trái xoan leo lên trên chāng ba và ngồi vắt veo ở đó nhìn xuống. Đầu năm, chú tôi dắt một cô gái về nhà chơi. Tôi ngồi trên đó lặt từng trái xoan tròn búng xuống chọc. Chú tôi giận lắm nhưng không dám mắng, còn cô gái ấy chắc là không giận nên mới đồng ý lấy chú. Lần khác, đám bạn trong xóm núp sau đậu mùngtoi, đến khi có đôi trai gái đi qua thì cả lũ bạn nhảy ra hát: *Cô dâu chú rể, làm bể bình bông*. Xong, tất cả bỏ chạy để lại tiếng cười trêu đùa nơi ngõ.

Mùa xuân, đến bất cứ nhà ai chơi đều nhận thấy sự trỗi dậy mãnh liệt ngay từ ngoài cánh cửa khu vườn. Mùi thơm mộc mạc của hoa cau, hay mùi bàng phấn tuyền đặc của dạ lý hương lan tỏa như thứ men xuân đắm say. Mỗi lá cây mỗi trái ngọt đều hết mình làm tốt nhiệm vụ kế nhiệm mà tổ tiên của chúng đã gầy dựng và giao phó. Chợt nhớ đến câu văn trong sớ cúng họ tộc: “*Triệu tổ tiền bối thùy vạn cổ/ Phụng tiên tư hiếu báo tam xuân*”. Cả con người cũng phải góp phần bồi tú cho thiên nhiên để làm nên mùa xuân đẹp tươi.

Pháo
Tết
ngày
xưa

trong những hoài niệm về thuở ấu thời của mình, tôi luôn nhớ pháo Tết. Nhớ những quả pháo nhỏ móc nhau trên một sợi dây tim, nhớ tiếng nổ đêm ba mươi, nhớ màu đỏ nhuộm thắm khoảnh sân nhà sáng mùng mập. Cứ mỗi độ Tết đến, như có một âm vọng pháo ngày xưa trở về thắc thỏm bên tai.

Tháng chạp đi chợ, rau cải của mạ màu xanh, mứt gừng màu vàng, khoai tía riềng màu tím... Nổi lên giữa nhốn nháo sắc màu ấy là cái đỏ của pháo treo trong các hàng tạp hóa. Tết đến sớm hơn từ những ô chợ nhỏ, người người đi sắm hàng Tết không quên mua vài phong pháo về đốt. Nhà khá giả thì hai ba phong, nhà nghèo mấy cũng nhất thiết có một phong đốt vào giao thừa. Tết không có pháo là ông bà khó biết đường để về, ngày trước người ta quan niệm như thế.

Đi chợ những ngày cuối năm thích nhất hai việc. Thứ nhất là đến hàng mứt, o bán hàng cho một nhúm mứt dừa ăn thử, nếm cái ngọt của dừa quyện với đường như muốn lịm đi. Thứ hai là đòi mạ mua cho mấy phong pháo con, gọi là pháo tép. Pháo tép là loại pháo

đồ chơi của con nít, phong pháo dài cỡ một gang tay được nhuộm màu xanh đỏ vàng tùng chặng xen kẽ. Ngày đó mỗi phong pháo tép giá hai trăm đồng, bằng tiền mua hai cái bánh ít. Hàng bán pháo tép của o Nguyệt nằm bên trái hàng bán bánh ít của mệ Khung. Mạ cho hai trăm bạc cầm tới chố đó rồi cứ đứng thần mặt ra không biết nên mua pháo hay mua bánh vì cái gì cũng thích. Thế là o Nguyệt cho một phong pháo và mệ Khung cho bánh không lấy tiền. Hai trăm đồng đó đem về cho thằng Cưng, nó lại đến đứng thần mặt trước hàng pháo. Cả lũ con nít làng rồng rắn ra chợ rồi lại rồng rắn về nhà, trên tay có pháo có bánh. Đúng là vui nhu Tết.

Năm nào cũng thế, ngày hai nhăm tháng Chạp, mệ nội mới từ trên Lao Bảo về và mang theo những phong pháo. Tôi đi khắp xóm khoe với mấy đứa con nít là pháo nhà mình mua ở bên Lào, sê nổ to nhất làng. Tết lấy pháo làm tín hiệu, trẻ con lấy pháo so sánh nhà mình với nhà bạn ăn Tết to hay nhỏ. Pháo mua về đặt trên bàn thờ, anh em tôi cứ chạy quanh với đầu lên nhìn, cứ đếm đốt ngón tay mong Tết đến để đốt pháo.

Nhà khá giả thì chiều ba mươi cũng tất niên đã đốt pháo. Trẻ con cứ nghe có tiếng nổ là kéo nhau chạy tới coi. Khói pháo cuối năm quyện với khói từ trong bếp, buổi chiều chợt trở nên bảng lảng ngan ngát bùi ngùi xao xuyến đến lạ. Mùi pháo hăng hắc xộc thẳng vào mũi chẳng thể nào quên được.

Đêm giao thừa trời tối như bưng, nhà nhà treo pháo trên những cây cao, phong pháo dài ngoẵng dông xuống như cái lưỡi thè liếm vào đất mơn man xuân. Phút chuyển khắc, hướng đông hướng tây, xóm trên xóm dưới thi nhau pháo nổ. Việc châm lửa đốt pháo thường do người đàn ông lớn tuổi nhất trong nhà thực hiện. Ông nội tôi năm nào cũng chít áo đóng khăn từ sớm, đi quanh mấy vòng như để quay lên cái không khí mùa xuân. Ông đi ra ngõ, như thể ông đi rước tổ tiên về ăn Tết cùng cả nhà. Dạo xong ông tới chỗ cây mít, ở đó phong pháo đã móc sẵn. Ông châm lửa vào và pháo nổ lên những tiếng “Tết! Tết!”.

Đêm trù tịch ai cũng thức, người lớn trẻ con, đàn ông đàn bà cho đến lợn gà mèo chó. Có đứa trẻ làng thức không nổi nên thiếp ngủ đi lúc nào không biết, nhưng tới giao thừa nghe rầm ran pháo là tự dung bật dậy. Trẻ con và mùa xuân có gì đó giống nhau, đều được đánh thức bởi tiếng pháo. Hai anh em tôi cứ níu lấy vạt áo dài của ông nội mà nhảy, còn mấy chú thì đứng canh nhau chờ pháo nổ xong để vào nhặt. Mỗi phong pháo có vài quả pháo tống to nhất đơm xen cách trên sợi tim chính, cứ cháy đến đoạn nào gấp thì tiếng nổ to đùng lên. Tôi nhất là lú chó, quanh năm giữ nhà giữ cửa canh kẻ xấu vào ban đêm, thế mà tới giao thừa lại phải bỏ chạy ra ngoài bờ ruộng đứng hóng vào sửa inh ỏi.

Mỗi phong pháo cháy độ năm bảy phút, thế nhưng phải mất nửa giờ sau mới hết nghe tiếng nổ bởi có nhà

đợi hàng xóm đốt xong rồi mình đốt sau. Pháo tan, bước qua năm mới, ông nội nhủ anh em tôi vào ngủ, sáng mai mới được phép nhặt pháo. Hai anh em vào nằm ngủ, đứa nào cũng thò thẻ thì thầm vào tai mạ, nói sáng mai mạ thức con dậy sớm hơn nghe, để con ra nhặt pháo trước.

Đêm chuyển giao giữa hai năm dường như thời gian ngắn lại, vừa mới năm một nhoáng đã nghe gà gáy. Anh trai dậy trước, rón rén chui ra khỏi màn thật nhẹ để tôi không tỉnh giấc. Nhưng tôi biết được, thế là hai anh em cùng vùng chạy ra gốc mít. Xác pháo đêm qua vãi ra đỏ hồng một góc nương quanh cây mít. Mấy miếng giấy nhỏ nổ ra vướng lên trên ngọn cây mít như nở hoa đỏ.

Hai anh em tranh nhau nhặt những quả pháo chưa kịp nổ, chúng nằm lắn lộn giữa mớ xác pháo và hạt cối trộn muối đêm qua ông vãi sau khi cúng giao thừa. Nhét chiếc áo pul vào lưng quần xà lỏn, bụng ngực trở thành cái túi tha hồ mà bỏ pháo. Cả hai anh em nhanh tay tranh nhau nhặt. Có khi cả hai cùng nhìn thấy một quả ở phía xa, liền ùa chạy đến hót hải chụp.

Mấy quả pháo rụng xuống đất dây tim còn y nguyên thì nhặt cát đi, ra năm đem đốt. Trò chúng tôi hay chơi nhất là nắn một tượng hình người bằng đất sét, kẹp quả pháo đó vào cổ tượng và đốt. Pháo nổ, đầu tượng đứt đi văng mắt hút, chỉ còn lại thân phía dưới. Trò này gọi tên là tử hình bằng pháo. Loại pháo cháy hết tim nhưng chưa nổ, hoặc do dây tim kết không chặt nên nó

đứt thẳng trước khi lửa đến được gọi là pháo xì. Những viên pháo xì không chơi trò tử hình được mà lại bóc vỏ giấy ra lấy cái chất thuốc kẽm trắng ở trong. Chất kẽm này đem pha nước thành màu nhũ trắng bạc rất đẹp để sơn phết lung tung. Anh trai khéo tay, hay nắn tượng Phật bằng đất, phơi cho khô rồi phết màu nhũ ruột pháo lên là bức tượng y như làm bằng kim loại.

Nhặt pháo xong thì trời đã sáng hẳn, hai anh em nhìn nhau nói Tết rồi. Xong lại tranh nhau chạy vào mặc áo quần đẹp. Nhà hàng xóm không có trẻ con, cứ sáng đầu năm là hai anh em tôi chạy sang nhặt pháo. Bà cụ ra nói, chà, nhà tui năm ni có hai ông Thần Tài vô đạp đất sớm quá. Người quê rất coi trọng chuyện đạp đất (xông đất), hễ có con nít vào đạp đất là coi như năm đó an nhàn đầy đủ. Có lẽ người ta nghĩ con trẻ thì bao giờ cũng vô tư hồn nhiên, ăn no mặc đủ. Cứ thế, năm nào hai anh em tôi cũng thành những vị Thần Tài vào ban phuộc cho nhà hàng xóm. Nhặt pháo xong, anh em tôi còn được lì xì tiền và mấy cái bánh in bọc giấy ngũ sắc, ở quê gọi là bánh cộ mỗi độ Tết mới có. Con nít trong xóm ngày Tết cứ tíu ta tíu tít đem pháo ra khoe và thi coi đứa nào nhặt được nhiều hơn. Có khi mấy đứa góp pháo nhặt được lại, rồi kết thành chùm đem móc ở một cành cây ngoài đường làng và đốt.

Trong mấy ngày Tết, những nhà khá giả còn đốt pháo vào ban trưa, lúc làm lế cúng đưa đầu năm (mùng 2 hay mùng 3 Tết). Hoặc lúc có khách quý phương xa

về thì đốt pháo thể hiện sự trân trọng chào mừng. Hết cứ nghe tiếng pháo là cả lũ trẻ kéo nhau đến nhà đó, chục pháo cháy xong thì nhào vô nhặt. Có khi đang gồng tay xô nhau tranh một quả pháo thì bỗng dung quả pháo cháy ngầm rồi nổ đúng, cả mây đứa hết hồn.

Hai mươi năm rồi dân mình không được đốt pháo, trải qua chừng ấy năm mọi thứ rộn ràng hơn nhưng hồn Tết thì dường như bị nhạt mất. Có ai lục lại trong két sắt nhà mình, chỗ ngày xưa từng giấu mấy quả pháo nhặt được, xem có còn sót lại mảnh giấy xác pháo nào không? Có ai đi qua góc vườn cây mít, nơi từng móc những xâu pháo đợi giao thừa châm lửa, ngửi xem có còn sợi khói thơm mùi nao nao nào không? Có ai nằm trong đêm trù tịch lặng thính rồi hóng tai lên đợi nghe tiếng pháo đì đùng không?

Chỉ có nỗi hoài niệm trả lời cùng tôi.

Mùa
xuân
bãy
én
đồng
làng

Ai đã từng sinh ra và lớn lên ở một làng quê
hắn không thể quên cái trò bẫy én vào mỗi độ xuân về.
Ngày xưa tôi là một đứa bé mê chim chóc, mê đến nỗi
có những ngày Tết xa quê cứ thèm mình là con chim én
ấy, để được bay về cánh đồng quê hương và tình nguyện
mắc vào một cái bẫy ai đó đã đặt chờ đợi.

Con nít làng tôi lớn lên như thế. Lớn lên từ cánh
đồng mỗi mùa ban tặng một thứ sản vật, có cái cầm
được có cái không, nhưng tất cả đều đáng yêu đáng
nhớ. Mùa hạ cho thóc trảy vỏ bóc ra gạo trắng. Mùa
thu toóc rạ đốt lên khói đồng xoáy vào mắt, cay. Mùa
đông có lũ cá lội ngược nước chảy vào những chiếc
nom đặt ở cổng. Còn mùa xuân thung thăng bầy én về,
thung thăng lũ trẻ đi bẫy én. Dường như mùa xuân,
cánh đồng dành riêng cho lũ con nít.

Làng tôi là khuông đất nhỏ, không sông không biển,
được bao quanh bởi ba làng khác. Chính vì thế mà ngày
nhỏ tôi lọt giữa những ngọn lúa bờ đê và không định
vị được phương hướng. Đến một hôm mặt trời chỉ cho
tôi hướng đông - hướng tây ứng với chân trời nó mọc

và lặn. Mùa xuân năm ấy bầy chim én bay về giúp tôi biết được hướng bắc – hướng nam theo chiều bay của chúng. Tôi cảm ơn loài chim mùa xuân này, én đã dạy cho tôi bài học về sự định hướng quê nhà, để đi xa tôi không đánh mất mình giữa bốn chiều quỹ đạo mông lung. Cũng nhờ cái hướng đòn chim đó mà tôi nhận ra làng mình như một cái bẫy dang tay đón lấy mùa xuân, ôm chặt những đứa con tha hương trở về, như tôi hôm nay. Trong tuổi thơ khốn khổ, bạn bè tôi đã tự sắm ra trò để chơi và nhận lấy từ đó những bài học quý giá về địa lý, đạo lý.

Nơi mảnh làng bé nhỏ này, mùa xuân là sự phối hợp hoàn hảo nhất của thiên nhiên, đến nỗi suy nghĩ áu dai của tôi đã đóng đinh một khái niệm tuyệt đối: Quê hương. Mỗi mùa xuân cánh én bay qua, như tuổi thơ lặng lẽ ẩn mình vào ký ức, riêng quê hương luôn là nơi trở về cho chim và người. Phải vì thế mà tục ngữ Việt đã dành một câu thiêng liêng nhất cho cả hai: “Chim có tổ, người có tông”.

Mùa xuân tiềm giũ một ma lực mạnh mẽ đến nỗi mọi thú luôn muốn làm mới mình để vào hội. Hoa thời bung sắc, yến tẩy lông, chim công chuốt nõn đuôi. Riêng những cánh én lại giản dị như chưa bao giờ biết làm đẹp. Bù lại, én thể hiện mình bằng cách lướt những đường bay điêu luyện, lộn đảo vòng giữa không gian. Muốn được yêu trước hết cần phải làm cho mình đáng yêu. Có lẽ én đã học được điều này nên không những

khỏi túi phận giữa mùa xuân thiếu tà áo mới mà còn được trẻ con đem lòng mến yêu. Trên cánh đồng làng, bằng vũ điệu của mình, én đã làm một cuộc soán ngôi ngoạn mục và giữ vị thế ấy suốt những mùa giải tân niên. Chim trời luôn đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo nên thần thái cho thiên nhiên. Ở thủ đô Minsk, khi đàn chim sẻ bay lượn men theo dòng chảy sông Svislach mang nắng ấm về, là lúc mùa xuân đến. Cả thành phố náo động tiếng sẻ gọi nhau vào mỗi buổi chiều. Chính vì thế mà trước cổng chợ Kamarop có tượng con chim sẻ đậu trên đầu chú ngựa. Và đó là một biểu tượng của thành phố thể hiện sự thiện chí hòa ái.

Vào một ngày xuân năm mươi tuổi, tôi nghe sau lưng nhà những tiếng sột soạt vòn gió, chạy ra xem thì thấy mấy cánh én nhỏ về đậu trên bờ ruộng. Rồi chúng bay vút theo hướng nam sà xuống cánh đồng trước mặt nhà. Ngày sương giáng, những cánh én thấp thoáng bay qua đã dừng chân ghé lại nơi làng quê yên ả và kịp đánh một dấu nhớ trong cuộc viễn du về miền ánh sáng. Mấy tấm ruộng giêng đang xanh thắm hệt một tấm áo choàng, bỗng nhiên được đom đóm thêm những chiếc cúc đen nhỏ. Và những chiếc cúc én ấy như muốn báo với người làng một mùa ấm êm sắp tới. Đây chính là bức thông điệp mà nàng Xuân đã ý nhị nhờ cánh én mang về.

Én đậu mùa bạo dạn, chúng dừng lại rất lâu trên đồng làng, lướt cánh lượn qua lượn về trên đám lúa

non. Lúc đầu một vài con, sau là từng đàn, cứ thế chúng kéo nhau về làm hội giữa đồng làng. Có lẽ chính nhờ tính cách hồn nhiên ấy nên én là loài... chơi được. Cũng như tình bạn, luôn cần sự hồn nhiên trong sáng để chơi với nhau được lâu dài. Mỗi trò chơi của tuổi thơ luôn để lại trong trí nhớ người ta những suy nghĩ chín chắn. Nhờ chơi mà trẻ con trưởng thành lên. Học mà chơi, chơi mà học là vậy.

Ở làng có một cái hồ, tục gọi hồ ông Bá, nước luôn đầy nên dùng để nuôi cá. Mùa xuân bầy én bay qua soi mình xuống hồ như để trang điểm lại nhan sắc đã bị gió bụi đường trường làm xấu đi. Cụ già chủ hồ cá chỉ cần ngắm ảnh của con én dưới hồ là biết độ trong của nước để điều chỉnh cho phù hợp. Mai sau này tôi mới biết, trong thủy nông học gọi đây là phương pháp đĩa *séch-xi*. Bình thường, để đo độ trong của nước hồ, người ta dùng đĩa *séch-xi*, là một đĩa tròn chia làm bốn cánh sơn màu trắng đen xen kẽ. Ở giữa tâm đĩa gắn một thước đo vuông góc với mặt. Nhưng đĩa *séch-xi* xuống nước, bao giờ không còn phân biệt màu đĩa thì độ đo của thước ứng với độ trong mặt nước. Từ khi biết được phương pháp này, tôi chợt khâm phục những người dân bình dị của quê mình, họ không được học hành nhiều nhưng lại làm việc rất có căn cơ. Tôi tự hỏi, phải chăng mỗi người nông dân là một nhà khoa học với hàm lượng tri thức tiềm ẩn và vận dụng khéo léo. Sống ở quê, chơi với người quê học được bao điều.

Như chuyện làm bẫy én cũng vậy, trẻ con học theo nhau là chính. Cái bẫy én rất đơn giản. Lấy đoạn tre ngắn, một đầu chẻ ra rồi nêm vào giữa nét chẻ một hòn đá để tạo thành cái nạng chằng ba. Dùng sợi chỉ buộc qua một cái vòng thòng lọng. Mỗi bẫy én là ruồi, ruồi đen nhỏ hoặc ruồi xanh càng tốt. Bắt ruồi xong thì cột vào giữa cái vòng dây chỉ thòng lọng đó. Nhớ là phải dùng chỉ mảnh để én không phát hiện ra. Sigmund Freud từng nói: “Mỗi đứa trẻ đang chơi là một nhà thơ trong thế giới trò chơi của chúng”. Có lẽ sự sáng tạo của trẻ con luôn mang tính chất ngẫu hứng và hồn nhiên. Sau này lớn lên, nhiều lần tôi làm bẫy én cho các em nhỏ chơi, nhưng cảm xúc không còn được như xưa, nó toan liệu và khôn vanh hơn, phải cố tình làm sao để bẫy được thật nhiều én. Thế là cái bẫy én rườm rà dây chạc khiến con én sợ, không dám bay đến ăn mồi.

Hôm thằng Cung làm bẫy, mấy đứa tôi ngồi quanh xem nó vót tre buộc chỉ, rồi về nhà làm theo. Con nít ở làng chơi với nhau và học nhau là chính, tất cả những trò chơi hay kinh nghiệm làm đồng đều thế cả, một đứa biết thì tất cả biết, không giữ riêng mình làm gì. Từ những trò chơi, tình bạn đã được thắt chặt thêm. Sau này lớn lên, dẫu mỗi đứa đi một phương thì vẫn luôn nhớ nhau, như thể còn nợ nhau những bài học thuở ấu thơ.

Làm xong bẫy và nom mồi ruồi, chúng tôi mỗi đứa cầm theo độ dăm cái bẫy ra đồng, chia nhau vùng ruộng

và cắm bẫy. Bẫy được cắm giữa đồng, để cái chặng mồi cao hơn ngọn lúa chừng một gang tay. Cắm xong thì kéo nhau vào trong ngõ đứng chờ. Én về ngang đồng thường bay sà sà thấp ngang mặt ngọn lúa để tìm mồi, phải đặt bẫy sao cho đánh lừa được chúng. Giữa một cánh đồng mênh mang lúa xanh, tự dung nổi lên chấm đen con ruồi mồi, lũ én tranh nhau bay đến đớp và cái dây thòng lọng thắt lại. Có con én muốn chơi trội, bật mình lượn ngược một vòng tròn giữa không, thế là vô tình mắc bẫy.

Khi một con én mắc vào chiếc bẫy nào đó là cả lũ con nít lại réo toáng lên cùng nhau chạy ra xem. Tôi không sao quên được cảm giác đợi chờ hồi hộp khi cánh én lướt gần đến chiếc bẫy, sau này nhớ lại thấy hệt như cảm giác khi thấy bóng người thương đi qua ngõ, cứ muốn gặp lại sợ gặp rồi không biết xử sự sao. Thế nên mỗi khi có én mắc bẫy thì gõ ra, chuyền tay nhau mỗi đứa nắm giữ một lúc như cầm lấy cái may mắn đầu năm, xong rồi thả cho chúng bay đi. Cánh én được trả tự do vút thẳng lên bay lượn mấy vòng mừng rỡ. Cũng nhờ sự độ lượng nhân ái ấy mà năm nào vào mùa xuân én cũng về nhiều. Bởi chúng quý con nít làng tôi, chúng biết lũ trẻ sẽ không nhẫn tâm giết hại nên chẳng ngại ngần lấy mình ra làm trò cùng vui. Trong dân gian, chim và người thường có sự hóa thân cho nhau. Ví như Eros – vị thần tình yêu trong thần thoại Hy Lạp có đôi cánh, cô Tấm trong cổ tích Việt hóa thành chim

vàng anh. Đôi khi sự hóa thân ấy nhầm mang đến một điều báo ứng linh nhiệm. Hậu Hán thư dẫn chuyện chàng Dương Bảo đi chơi gặp con chim sẻ vàng bị con mặt cắt đánh roi, chàng đem chăm sóc rồi thả ra cho sẻ bay về trời, đến tối có một chàng trai bung bối chiếc vòng vàng đến tạ ơn công cứu mạng. Sự độ lượng với chim không chỉ là tình yêu thiên nhiên mà còn thể hiện trách nhiệm với chính số mệnh của mình.

Những thằng Cung, thằng Hụ, thằng Tí, con Xiu và tôi ngày ấy giờ lớn cả rồi. Tôi trở lại quê nhà, không tham vọng gì nhiều ngoài niềm hứng khởi được hòa mình vào cuộc sống thanh bình và nhấm nháp dư vị tuổi thơ. Vẫn cánh đồng làng của ngày hôm qua, hạt vẫn gieo mùa đợi nhận quà, én sẽ về qua bên xóm cũ, nhận lại tin yêu và khát vọng tự do.

Xưa cụ Tố Như lấy cái ý “ngày xuân con én đua thoi” để ví thời gian đòi người trôi nhanh. Còn tôi, mỗi lần nhớ về tuổi thơ thì cứ nghĩ chính trò bấy én đã níu mùa xuân đi chậm lại một chút. Và tôi ngẫu hứng lấy Kiều: Ngày xuân con én... thôi đua.

Nén
nhang
ngày
Tết

hỏi ngày Tết, người ta nhớ về cái gì đầu tiên. Có thể anh chị sẽ không trả lời, hoặc vô tình hoặc cố ý, nhưng chắc chắn trong thẳm sâu tiềm thức và bặt dập trước nhất phải là một nén nhang thấp lên ngọn khói thiêng liêng.

Ông nội đã dạy cho tôi cách thấp nhang từ rất sớm. Khi đó tay tôi vói chưa tới cái lư hương trên bàn thờ, phải kê thêm cây ghế mới được. Nhưng mà thích, không hiểu vì sao thích, chỉ biết mỗi lần cắm cây nhang vào lư là như thấy mình được lớn thêm vậy. Mới đầu phải đi khắp ba cái bàn thờ để đếm số lư hương. Lần sau thì đã nhớ, cứ rút thẻ nhang mười chừa lại một cây là vừa. Tất thể nhà mình có tám lư hương, thêm ngoài trời một cây nữa là chín.

Cuối năm có lệ phải thay cát trong bát nhang. Cát trắng từ Rú Tường Vân người ta đem lên bán rất nhiều ngoài chợ Thuận. Cuối năm đi chợ chơi, thích đứng nhìn những mảng cát trắng đặt dọc đường. Mua cát về, thỉnh lư hương xuống lau chùi sạch sẽ. Dùng một mẩu bìa cát tông khoanh tròn bằng miệng lư, ở giữa

cắt thủng một lỗ nhỏ để cắm hương. Chân nhang thấp quanh năm nhiều, phải nhổ đi bớt, chỉ chừa lại ba chân, số còn lại đem phát hỏa.

Sáng ba mươi Tết, anh em tôi vác cuốc chổi xuống cồn Mai để dọn dẹp quét tước lại lăng mộ tổ tiên. Người ta sống, cứ thích trang trí nhà cửa cho đẹp cho sang để đón Tết, nhưng đôi khi lại quên đi việc làm ý nghĩa hiếu đạo này. Sau bữa cơm tất niên cuối năm, ông nội dắt tôi xuống cồn đất làng để thấp nhang. Con đường men qua những ngôi mộ cổ may thiu thiu buồn, hình như cổ may cũng đang đứng nghiêm làm nhang cho những ngôi mộ vô chủ. Cứ đến ngôi mộ nào ông cũng nói về người nằm ở dưới. Đây là cụ cố, hay chũ lám. Kia là cụ Cao, đức độ tài trí. Dòng họ nhà mình xưa thông minh sáng dạ chăm học, nhưng do chiến tranh lưu lạc nên sau này thất học cả. Ông nói, nǎng đi thấp nhang sẽ được tổ tiên phù hộ cho đường học hành. Từ đó việc đi thấp nhang dưới cồn, ngoài việc hiếu đạo còn là để cầu mong ông bà phù hộ. Đi với ông độ ba lần là tôi thuộc hết vị trí mồ mả nhà mình. Những lần sau ông ủy thác việc này cho tôi đi cùng với mấy đứa em.

Sắp đến giao thừa, mệ nội bày mâm ra giữa trời, đặt lên đó hoa quả, ít bánh trái và một chén muối. Một chén gạo dùng làm bát nhang. Khi đó ông nội mặc áo dài đen chít khăn đóng, rút một thẻ nhang thấp lên đỏ rồi đứng giữa trời mà khấn thầm những lời mời tổ tiên về ăn Tết cùng con cháu, lời cầu mong sự ấm êm trong

năm mới. Tôi đứng bên hâu nước, ngọn gió giao mùa thổi nhẹ làm khói nhang bay vào mắt xao xuyến.

Ba ngày Tết bàn thờ rạng đèn, nhang khói không được để lạnh ngắt một phút nào. Vậy nên ngày Tết nhất thiết phải có người ở nhà tiếp khách và trực nhang trên bàn thờ. Sáng mùng một, thức dậy thắp hết một lượt nhang ở nhà, tôi lại cùng ông mệ nội lên chùa. Đầu năm lên chùa gọi là mừng tuổi Phật.

Cạnh chùa làng có o Sương làm nghề hương. O Sương bị điếc, ai nói chi chẳng nghe, cứ cặm cụi suốt ngày nhồi bột cưa lăn lăn ra những cây nhang nhỏ rồi đem phơi ở sân chùa. Ngày nhỏ tôi thích lên nhà xem o làm nhang. O bày cho cách lăn nhang quanh nan tre, nhưng chẳng bao giờ tôi làm được. Thế là chỉ biết ngồi nhìn và phụ o dán bao giấy xung quanh ốp nhang thôi. Những lần đó hai bàn tay đỏ kè vì màu giấy bọc nhang thấm ra, nhưng mà thích. Sân chùa vào tháng Chạp rợp kín những tấm phiên kê lên tầm ngực, trên đó rải nhang vừa lăn xong. Mùi bột hương lan khắp xóm. Nghe đâu làm nghề nhang cũng ánh hưởng đến sức khỏe vì cái mùi bột rất độc. Tôi chẳng cần biết nó đúng đến đâu, nhưng trong o Sương vẫn mạnh khỏe như thường. O nói làm nghề nhang là làm việc hiếu đạo, ông bà phù hộ chớ răng mà độc hại được.

Sau này có nhang điện, chẳng hiểu vì sao bà con ta lại mua thứ đó về cắm lên bàn thờ, không có khói có mùi gì cả. Ai thắp cứ thắp, nhưng nhà tôi nhất quyết

không dùng. Tại sao lại cứ phải hiện đại khi mà tổ tiên ta bao đời nay dùng nén nhang khói thơm để thể hiện lòng thành. Nhẽ nào đến cả tấm lòng cũng phải... hiện đại hóa.

Tết ở Minsk, chúng tôi đi chợ của người Việt, mua được xấp giấy tờ vàng mã và nén nhang, mừng hơn cả được tiền. Đêm gần Tết nấu xôi chè, kê bàn học làm mâm cỗ, thắp nén nhang như để vọng tưởng về quê nhà tổ tiên xa xôi. Năm nay lại không về được, thêm một cái Tết cổ truyền xa nhà. Chợt có ngọn khói nào bay về từ những ngày xưa.

Mắt

lửa

đêm

áp

Tết

Đó là thứ ánh sáng diệu kỳ được thắp lên trong những đêm cận kề Tết cổ truyền. Dĩ nhiên, không phải điều diệu kỳ nào cũng được khởi nguyên từ những thứ cao siêu, ví như ánh lửa mà tôi sắp kể ra đây được đốt lên từ những gì bình dị nhất, nhà quê nhất, thậm chí là đã phế bỏ đi nhưng vẫn có thể sáng. Cũng nhờ đó mà tôi biết rằng, ở đời này mọi thứ dù tầm thường đến đâu cũng có thể lung linh được, con người hay vật vô tri đều vậy.

Càng về cuối năm, trời đêm càng tối hơn. Chỉ cần một ánh lửa nhỏ nào đó cháy lên thì ngay lập tức bóng đen như vỡ tan đi. Trong ký ức tôi vẫn còn nhớ tiếng trẻ con hò reo khi nhìn thấy lửa đêm tháng Chạp. Thằng bạn gọi ánh lửa ấy là “mắt lửa” nhìn xuyên qua đêm. Nó nói cứ tới độ này thì tổ tiên về ăn Tết với gia đình, các ngài khai khẩn khai canh cũng về ăn Tết với làng, mắt lửa chính là mắt của hiện thân người đi trước. Trẻ con đứa nào cũng sợ ma, nhưng lại thích cái cách giải thích của thằng bạn, bởi tổ tiên mình dù mất đi rồi nhưng không phải là ma. Và những ánh mắt lửa trở nên ấm áp hơn bao giờ hết.

Bắt đầu từ giữa tháng Chạp, lú trẻ chúng tôi đi tới mấy quán sửa xe đạp kiểm cái lốp và sắm xe người ta bỏ đi, đem về giấu sau bụi chuối nương nhà, đến tối thì huýt sáo gọi nhau ra đồng làng. Chúng tôi dắt nhau men theo những chân ruộng ra tới giữa đồng, ở đây như một thung lũng lúa nhìn bốn phía đều có nhà người dân. Cầm một chiếc cọc tre cao tầm người, chúng tôi móc chiếc lốp xe lên đó rồi châm lửa đốt. Ánh lửa bắt đầu bén cháy, cả lú trẻ nhảy nhót hò reo cháy rồi cháy rồi! Màn đêm đang đen đặc bỗng dung lộ ra một đốm lửa phùng phùng lên, mắt lú trẻ trong đêm cũng rọi lên những niềm vui. Một đứa cầm tăm sắt mỏng, đứa kia cầm cái dùi tre gõ kêu thèng thèng như chiêng. Một đứa khác lại cầm cái hộp nhựa, rồi một đứa nữa cầm cái dùi đánh vào thùng thùng như trống. Tất cả đứng trên bờ ruộng, ánh lửa cháy rực lên soi sáng những khuôn mặt trẻ thơ. Cánh đồng như thể đang vào một mùa vũ hội cuối năm.

Lửa đốt lốp xe lan nhanh nhưng cháy rất chậm, chốc sau toàn cái bánh xe đã đỏ cháy tạo thành một chiếc vòng lửa giữa đồng. Đứng xa nhìn thấy chiếc vòng như một con mắt lửa tròn tria, ở giữa mắt là một cái tròng đen, xung quanh lửa hắt lên thành những sợi lông mi bằng lửa.

Bạn nói mình dùng lửa, dùng tiếng động của thùng của tôn, tiếng hò hét là để đánh thức cánh đồng làng trỗi dậy, đánh thức những cây lúa đừng ngủ quên mà

hãy cố gắng cho hạt vào mùa tới. Trò chơi trẻ con ấy thành ra một thứ tín ngưỡng tuổi thơ rất đẹp và ý nghĩa.

Đêm nào không có lốp xe thì chúng tôi đan nhũng con tít bằng rom. Ở quê, cứ xong mùa nhà ai cũng có một đống rom to và cao cỡ mái nhà, rom này dùng làm chất đốt và cho trâu bò ăn vào mùa lạnh. Trẻ con chúng tôi chạy đi rút trộm rom (nghe đâu trong tất cả các loại trộm thì trộm rom không có tội). Hoặc mỗi đứa tự về rút rom nhà mình để chơi, cái kiểu “phá nhà” của người quê đến thế là cùng. Như Hoàng Cầm trong bài thơ *Cây tam cúc* có câu “rút trộm rom nhà đi trải ổ”. Mấy đứa tập hợp lại và bắt đầu bện tít. Đan tít rom cũng gần như đan bà đan tít tóc, tức là lấy từng nắm rom rồi bện chéo qua lại cho nó thành ra một con tít to cỡ bắp chân, dài cỡ sải tay. Tít rom cháy lên có khác với cái lốp xe là khói không khét mù mà thơm, khi cháy xong nó còn lại một cục than hồng bằng rom đỏ ngòm. Nhét vào đó củ khoai thì lúc sau mùi vỏ khoai cháy ngậy lên thơm lừng, lấy khoai ra bóc chia nhau ăn.

Cánh đồng làng tôi những đêm tháng Chạp như đã biến thành một xứ sở nào đó thuộc về huyền thoại, có tiếng cười trẻ thơ, tiếng khua chiêng trống, có mùi thơm dân dã, và đặc biệt là có ánh lửa xoáy vào mắt trẻ thơ.



Trong bếp nhà người quê, từ sau ngày tết ông Táo luôn luôn có lửa, một ánh lửa khác hẳn. Cứ đến sáng ngày hai ba tháng Chạp thì mạ tôi mua về một tượng đất gạch nung có ba hình người dính liền nhau, đó là tượng ông đầu rau, hay còn gọi là thần bếp. Đến tối mạ thắp nhang, đặt bộ tượng vào trong bếp, từ hôm đó cho tới hết mấy ngày Tết thì bếp nhà tôi hầu như đỏ lửa suốt. Mạ nói mấy ông thần này mới về nên còn lạnh lầm, phải nấu nướng để các ông được ấm. Tôi biết là mạ nói đùa cho vui thôi, nhưng tôi nghĩ tục lệ giữ lửa đỏ thường xuyên trong dịp Tết là một nét đẹp của người Việt mình. Giữ lửa, ấy cũng chính là giữ gìn ánh sáng văn hóa dân tộc mãi mãi bền vững.

Càng gần đến Tết, mạ càng bận rộn hơn. Những buổi tối năm xưa, còn ánh đèn tù mù, tôi rất thích chạy xuống bếp ngồi chơi với mạ, xem mạ làm bánh thuẫn (bánh xoài), rim mứt gừng. Cái khuôn đồng đổ bánh thuẫn được đặt trên bếp than hồng, mỗi lượt bánh đổ được đúng mười hai cái. Đổ bánh thuẫn cần cảm tính nhạy để biết khi nào bánh vừa tới mà mở nắp ra, tức cái lúc mà phía dưới bánh vừa vàng rộm, phía trên bánh thì nứt vết chân chim. Bếp than đỏ rực hồng, trên cái nắp của khuôn bánh cũng được rải một lớp than mỏng để bánh chín đều. Hơi lửa than phả vào mặt ấm đến nóng ran, nhưng tôi vẫn thích được ngồi xem mạ đổ bánh. Chốc chốc, mạ cho tôi một chiếc bánh nhủ ăn thử xem đã vừa ngọt chưa. Than dùng đổ bánh thuẫn phải là

thú than tốt, khi đó nó phát ra những tiếng kêu lép tép và lửa nhói lên những ánh sao ở các cạnh hòn than.

Đêm hai chín Tết, nhà tôi soạn lá chuối, nếp, nhân đậu để gói bánh. Đến khuya thì gói vừa xong, ông tôi kê lên ở góc vườn sau bếp ba hòn đá vuông, đặt cái thùng to lên trên, xếp bánh vào, đổ nước và bắt đầu nhen lửa ở dưới. Củi nấu bánh là các gốc tre già mà ông đã đào được từ đầu tháng Chạp và đem phơi khô. Ông nói nấu bánh phải bằng gốc tre này lửa mới đượm để bánh dẻo. Những hôm đó tôi hay thức cùng ông ngồi canh bánh. Góc vườn tối um, gió chỉ thoảng rất nhẹ. Tôi ngồi trong lòng ông nội, hai tay ông đưa ra khoác lấy thằng cháu. Trước mặt bếp lửa đang cháy đỏ, tôi cảm nhận mình được bọc giữa rất nhiều những nguồn ấm áp ngày Chạp, lửa và tình yêu thương. Hai ông cháu ngồi canh nồi bánh, rồi tôi ngủ thiếp đi trong vòng tay ông lúc nào chẳng hay. Cho tới khi mở mắt thì thấy ánh lửa phía trước ập vào mắt. Nguốc đầu lên, ông vẫn thức, ông nhìn tôi cười, cả nụ cười của ông cũng như có thứ lửa hiền hậu và ấm áp không gì sánh được.



Mâm cỗ giao thừa vừa cúng xong thì ông nội phát hỏa giấy vàng bạc và đồ hàng mã. Cúng những thứ này chỉ với ý nghĩa tượng trưng thôi chứ ông nội tôi không hề mê tín, không cho phép đốt nhiều. Tôi ôm mớ vàng bạc giấy áo ra trước sân nhà. Châm lửa, đống giấy bùng

cháy sáng lên cả một vùng sân nhà. Trong khi đó, ông tôi ném muối hạt lên trên, lửa gấp muối càng cháy rực hơn, phát ra tiếng kêu lách tách.

Cấm đốt pháo đi rồi, nhũng cái Tết sau đó có buồn hơn, nhưng ánh lửa đêm trù tịch thì vẫn không tắt được. Nhang vẫn còn đỏ trên mâm cỗ giao thừa, mắt lửa đó nhìn xuyên qua năm mới với sự tin an và phước trưởng.

Những ánh mắt lửa từ trong thẳm sâu ký ức cứ mỗi độ Tết lại quay về nhìn tôi với niềm mong mỏi. Nhẽ nào lửa gọi tôi về ủ ấm tháng ngày hôm xưa.

Nét
võ
cây
mai

gần hai mươi năm tôi sống ở quê hương, cũng chừng ấy lần Tết đến lại chứng kiến những mùa hoa mai nở ra trước khoảnh sân nhà. Nhưng lạ thay, cứ như mỗi lần hoa nở thì không chỉ làm đẹp thêm cho ngôi nhà mà còn hun nênh sức lực cho cả gia đình. Tôi nghiệm ra rằng, cái thế đứng của cây mai nhà mình là một thế vô hiên ngang trước cuộc đời.

Xưa Cao Bá Quát nói một câu bất hủ “nhất sinh đê thủ bái mai hoa”, ông cúi đầu ngưỡng vọng hoa mai. Còn tôi, xin “nhất sinh đê thủ bái chi mai”, ngưỡng vọng cái thế uốn của nhành cây cho hoa vào mỗi mùa xuân.

Cây mai nhà tôi được ông nội trồng giữa sân, thú chơi cây kiểng của người lớn tuổi là thích đặt chính diện. Trồng mai ở chỗ ấy gọi là gầy mộc chính tâm theo quan điểm ngũ hành của triết học Đông phương. Con đường dẫn ngõ lối nhà đi qua độ dăm chục bước chân thì chạm phải dáng cây đứng chắn lại, ở đó lối vào nhà được rẽ theo hai hướng, nam tả nữ hữu, đàn ông con trai đi vào bên trái, đàn bà con gái đi vào phía bên phải. Cây mai trồng như thế cũng là để chắn lại một khoảng

không trước căn bảy chính diện của bàn thờ tiên tổ. Tân cây xòe ra như một chiếc khán liễn.

Người Nhật yêu hoa đào và chơi đào theo kiểu *bonsai*, trồng trong các chậu kiểng nhằm động viên con người sức sống bền bỉ mãnh liệt. Người Việt mình quý cây mai và đơn giản chỉ để vui cửa vui nhà.

Độ vào giữa tháng Mười một âm lịch, tôi lại được ông nội giao nhiệm vụ thay áo lá cho cây mai, thực ra là mình chỉ cởi áo lá cho cây mà thôi. Với tôi, dường như hái lá mai là công việc đầu tiên để chuẩn bị cho một cái Tết cổ truyền dân tộc. Thời điểm hái lá rất quan trọng bởi nó quyết định đến ngày bật nở và sắc màu của những bông mai. Hái lá, thứ nhất là vì mùa đông lạnh lẽo nên cần tập trung tất cả năng lượng sống vào thân cây và búp. Thứ hai là để những chồi búp được đón nhiều hơn ánh nắng mặt trời hiếm hoi của mùa này. Lâu thành quen, tôi rút ra được kinh nghiệm. Hết năm nào trông trời âm u mà những chồi búp nhỏ quá thì nên hái sớm, cỡ đầu tháng Mười một. Ngược lại, cứ năm nào có nắng nhiều thì để muộn hơn hái.

Mấy năm liền cây mai nhà tôi trổ hoa đúng dịp Tết, ngày nguyên đán cả cây rực một màu vàng đồng loạt. Ông nội tôi khen thằng này có mắt nhìn cây. Người trong làng thấy vậy năm sau cũng học theo, cứ hé thấy tôi leo lên cây hái lá thì y chang thằng bé con hàng xóm cũng leo lên cây nhà nó. Nhưng đặc điểm mỗi loại mai một khác, lại còn phải nhìn độ chín của búp mầm để

điều tiết thời điểm tróc lá. Coi mai là một thú chơi chuyên nghiệp của người nhà quê thì chỉ ở khía cạnh này đã có thể khẳng định lại một câu cùng tiền nhân, rằng “*nghề chơi cũng lắm công phu*”.

Nhung chơi ở mức độ đó là chơi phóng đãng, chơi vì cái đẹp của hương sắc, còn để chơi theo kiểu bậc chí nhân quân tử thì phải bắt nó uốn theo ý mình. Người xưa có câu uốn cây từ thuở còn non, dạy con từ thuở con còn ngây thơ, tức ngay khi gầy nên một gốc mai con con thì đã bắt đầu uốn cho nó một tư thế. Ông tôi chuộng võ thuật, nhờ thế mà gốc mai này ngay từ ngày mới đưa trên Khe Sanh về ông đã “dạy” cho nó một tư thế đứng, nói theo ngôn ngữ nhà binh là *truyền pháp*.

Uốn nắn một nhành cây non cũng như rèn võ cho một đứa trẻ con, vừa dễ mà lại vừa khó. Dễ là vì cây còn non nên uốn sao nó đi như vậy. Còn khó là vì phải cẩn trọng chứ không sẽ làm cho cây chết non bởi quá sức chịu đựng. Tôi đã từng trực tiếp giúp những môn đệ Thiếu Lâm xác chân ép sát xuống mặt đất, độ tuổi dưới mười lăm thì rất dễ, còn cõi trên dưới hai mươi thì ép chảy nước mắt không xuống được, do các gân dây chằng đã căng cứng. Nhiều môn đệ lớn tuổi mới đến võ đường, cách duy nhất để ép xác chân là cho uống cà phê kích thích thần kinh cơ bắp và dùng chính dây đai võ buộc vào chân rồi kéo. Uốn một cây mai đã lớn cũng như thế, phải tươi thật nhiều nước cho cành cây mọng mềm đi, rồi dùng dây buộc vào những nhánh cần nắn,

cứ mỗi ngày lại nhích gằng dây một tí. Nhưng quy luật muôn đời vốn có giới hạn, cái gì ép quá mức thường không hay, ta muốn uốn mai đẹp thì phải uốn từ lúc nhỏ. Lối uốn mai đó chính là cách trao truyền võ thuật theo kiểu gia truyền, dạy từ nhỏ lên.

Trong già tài võ thuật cổ truyền Việt Nam có bài Lão Mai Quyền, từ năm 1994 đã được Liên đoàn chọn làm bài quyền quy định chung cho tất cả các môn phái. Bài quyền này dựa vào thế uốn và cốt cách của cây mai mà phân bộ. Ngắm những điệu tác mềm mại của võ sinh, tưởng chừng như có cây mai đang đấy trong mình một sức sống tiềm tàng dù cho “*lão mai độc thọ nhất chi vinh*” - câu thiệu đầu tiên trong bài quyền Lão Mai, đại ý cây mai già chỉ có một nhánh tươi xanh. Chỉ một nhánh còn tươi sót lại ấy thôi, nhưng đã hàm chứa sinh lực phồn phát đủ đi qua mùa đông và đâm hoa trẩy lộc vào mùa xuân mới.

Cây mai nhà tôi vào đúng năm chuyển giao thiên niên kỷ mặc phải mệnh hệ này. Chừng trước đó nửa năm, một hôm có ông thầy hay chử vào nhà chơi, ông phán rằng năm nay gia đình có tang sự. Thế là cuối năm chú tôi mất. Ngày làm đám tang chú, tán cây mai choán hết một khoảng giữa sân, bác tôi định dùng rựa chặt đi vài nhánh nhưng ông nội không cho. Ông nói cây mai này được ông trồng lên sau giải phóng, hon hai chục năm qua nó chứng kiến bao biến tích thăng trầm của gia đình; nó đã thành người bạn tri âm của ông nội.

nên chặt đi một nhánh nào là ông đau hệt ai cưa đứt một phần trên cơ thể mình.

Tết năm đó buồn bã, cây mai cho một mùa hoa rực vàng như chưa bao giờ vàng hơn thế. Cái sắc đẹp đột phát ấy cũng chính là cuộc dâng hiến cuối cùng, ra năm cây bỗng nhiên chết tro troi, các nhánh khô gầy hết cả. Hôm giữa tháng ba, không thấy một mầm lá non nào khai thúc, ông tôi đưa tay bẻ thử và nghe cành cây nắc lèn tiếng rắc giòn. Cây theo chủ mà đi. Nhưng may thay, dưới gốc đã nhú lên một cành mới để ủ ấm một niềm hy vọng đợi chờ. Cành nhú ra đó chính là đường đạo đầu tiên cho bài quyền Lão Mai được bắt đầu múa lại, "*Lão mai độc thợ nhất chi vinh*".

Khi tôi hiểu biết rõ ràng về những bộ pháp trong quyền võ thuật thì cũng là lúc nhận thức về cái đẹp đối với cây cối được định hình rõ hơn. Nhánh mai sót lại đang ngùn ngụt sức sinh trưởng. Nhánh mai cứng cáp dần, rồi vươn lên nhanh nhò ánh nắng mặt trời. Cả bộ rễ cây sù sụ nằm dưới đất như một thế tấn vũng chắc để những bộ pháp chuẩn bị tung ra. Tấn pháp là yếu tố quan trọng trong việc trấn thủ hay công phá võ thuật. Gốc rễ mai dưới đất bây giờ đang định vị ở thế *trung bình tấn*, tức cân bằng lực cho các phía. Nó sẽ không đứng ở thế *trảo mã tấn* vì kiểu đó chỉ được các võ sinh sử dụng đối với các đòn nhá trong khi song đấu. Bây giờ cây mai đang đứng một mình, nó đang thiền định nên *trung bình tấn* vẫn là tư thế chuẩn nhất

xưa nay. Đường như qua những biến thiên thăng trầm của hai mươi năm sống, cây mai đã cảm thấy mình cần nghỉ ngơi, cần được tĩnh tại để chiêm nghiệm về thế sự. Cũng có thể nó muốn thiền để đúc rút ra một cung cách cho hoa với sắc màu và cánh hé điệu đà khác hẳn. Tôi chờ đợi một mùa hoa mới như trẻ con chờ đợi Tết để khoác áo thơm mùi chỉ đi khoe khắp xóm. Chừng nào cây mai cho hoa mới thì có nghĩa căn nhà mình được khoác lên chiếc áo lụa vàng để đón xuân.

Giữa tháng Chạp, một đêm trăng lên bất ngờ. Người ta đồn nhau rằng trăng mọc vào tháng Chạp là điềm lành, báo hiệu một năm sắp đến có nhiều niềm vui. Ngay trong đêm hôm đó tôi ngồi trên chiếc chóng tre trước nhà và nhìn ngắm cây mai vừa hồi sinh sau mấy năm. Nó đang biểu diễn những đường quyền đầu tiên trong cuộc đời mai cốt cách của mình. Trăng thả ánh vàng xuống một vật trước nhà, bóng cây mai lay động theo gió, vòn vòn như thể là mai đang mở nghè những động tác vào quyền.

Tôi nhẩm đọc những câu thiệu theo hướng rung của mai, “*tấn nhất đoán thói hối lão khởi/ phi nhất thác hoành khí thanh đình*”(Lui về một bước tọa liền/ luân thân tung cước trụ hình nghiêng ngang). Phút chốc, mai làm tôi nhớ đến những ngày còn nhỏ của mình, vừa nghịch ngợm hiếu động lại đầy dũng khí theo cách của lứa tuổi đáng yêu. Một nhánh cây phía tả co lại ép sát vào gốc, bẻ quặt lại và móc ngọn lên trên hệt

thế thủ trán giữ huyệt đan điền. Một nhánh phía hữu lại dong thẳng ra đánh dứt khoát về phía hướng đông, ngọn cành tỏa ra năm búp hoa nhọn như thế năm đầu ngón tay đang đánh chưởng. Cây mai lúc này đang diễn thế tả phòng hữu chiến, vừa chống đỡ đợt rét cuối cùng của năm lại vừa với tay cầm lấy những tinh khí làn gió xuân đến sớm.

Ai đã từng xem một võ sinh đánh quyền, hay tự mình đi một bài quyền võ thuật cổ truyền mới thấy sự thiêng liêng của từng đường quyền nét cước. Mỗi bộ pháp xuất thần đều đã được tổ sư nghiên cứu chiêm nghiệm qua quá trình khổ công rèn luyện và hành võ. Xưa nay người ta học võ trước hết để lấy cái Đạo, cũng như những gì mà cây mai đang bày thế ra lúc này đây chính là một đường Đạo huyền nhiệm. Đạo của tự nhiên là cái chân lý của Trang Tử.

Tôi tôn sùng một nhánh mai, như đã từng tôn sùng những thế võ cao thượng hướng thiện. Cây mai trước nhà đã dạy cho tôi một bài học lớn về cốt cách và đạo hạnh của bậc quân tử. Nó và tôi đã được ông nội uốn cho những nét võ rèn chí luyện tâm. Chính vì thế mà cây mai vừa là đồng môn, vừa là môn đệ và lại là sư huynh của tôi. Còn khi nó hóa thân vào đất trời khai thức một mùa xuân thì tôi hiểu, nó đã ân sủng cho cái đẹp muôn đời thêm một tính cách: đẹp dung.

Ngũ
sắc
bánh
in

hồi đó, hằng năm cứ đến cuối Chạp tôi đều gặp một cụ già ốm còng nhom đạp xe ngoài đường. Chiếc xe cũ kĩ, cụ chở một cái trắc đan bằng tre, bên trong đựng rất nhiều những chiếc bánh in (bánh cộ) bọc giấy xanh đỏ vàng tím. Những sắc màu ấy ngay lập tức khiến tôi thích thú kỳ lạ, đến nỗi sau này hễ cứ Tết thì tôi nhớ tới chúng trước nhất. Tôi chạy ngay vào nhà gọi ông nội ra mua bánh. Ông nội ra tới đường thì ngẩn mắt một lúc rồi bước tới ôm lấy cụ. Hóa ra cụ già ấy là vő sư phái Thất Sơn thần quyền Tăng Minh Định ở Triệu Thành, một người bạn của ông. Cuối năm cuối tháng, gặp lại bạn cũ cũng chẳng dám hàn huyên lâu, bởi cái nghiệp cơm áo nó đòi mình phải gấp gáp. Họ, những người lính thất trận đã thôi nói chuyện bắn nhau, bây giờ chỉ còn lo chuyện kiếm cơm gạo bằng những thứ nhỏ nhoi như bánh ngũ sắc.

Ông nội mua một chùm bánh in, gửi tiền cụ Định không lấy. Ông cứ giúi vào cụ, đưa qua đẩy lại một lúc thì tiền lại vào... tay tôi. Cụ Định xoa đầu tôi: Coi như ông lì xì mừng tuổi cho cháu, nghe. Rồi bánh xe hối hả trườn lắt léo trên con đường làng. Ngũ sắc trôi về

một miền xa thẳm miên viễn ký úc. Khi cụ đã đạp xe đi khuất, ông nội ngược mắt lên nhìn trời và nói một mình như đọc thơ buồn: *Ngày xưa Thất Sơn thần quyển. Böyle giờ thất nghiệp kiếm tiền nhờ bánh in.*

Ở quê hồi trước, cứ đến Tết hầu như nhà nào cũng tự làm bánh in để thờ cúng tiên tổ và làm quà dâng khách uống trà ngày xuân. Tết nhất tự túc mới vui và đầy đủ ý nghĩa. Cái rộn ràng ấm áp khi cả nhà ngồi quây quần quanh chiếc nồng cẩm, cùng nhào bột nếp, tráp khuôn, hong khô rồi bọc giấy ngũ sắc.

Khuôn bánh in được đeo bằng gỗ mít với những họa tiết hoa lá hoặc chữ Hán ngũ ý tốt lành. Những chiếc khuôn bánh hình tròn, hình vuông, hình chữ nhật nhỏ xíu vừa lòng nắm tay của một đứa trẻ con. Người chạm gỗ đẹp nhất vùng Triệu Phong hồi ấy là ông cụ Tám râu tóc bạc phơ ở làng Dương Lệ Đông. Quanh năm cụ chạm họa tiết cho các xưởng mộc, đến độ tháng Mười một thì cụ chạm khuôn bánh in.

Bột làm bánh in là bột nếp xay mịn hoặc pha bột nếp với bột đậu xanh bóc vỏ. Người ta trộn bột với đường cát thật đều, sau đó dùng khuôn nén chặt. Bánh in sau khi nén được đặt lên những chiếc nồng lót giấy báo và hong trên than hồng. Dưới cái nóng hùng vừa phải của than, đường cát tan ra trong bột như một thứ keo mịt làm cho bánh in được định hình chặt chẽ.

Công đoạn cuối cùng là bọc giấy ngũ sắc. Giấy được cắt sao cho bọc vừa kín chiếc bánh. Hò dán là nước bột lọc xin ở nhà làm bún đem về nấu quấy cho nó dẻo. Ngày nhỏ đi học, hò dán ấy cũng chính là thứ keo mà trẻ con chúng tôi dùng trong môn học cắt dán thủ công. Về sau này, bánh in được bọc bằng giấy ni-lon màu bóng. Hò dán cũng được thay bằng cách châm lửa nhang vào các mép nối giấy.

Những ngày áp Tết, hễ nhà ai làm bánh in thì y chang trẻ con chạy tới xem và phụ dán giấy giúp, không khí Tết rạo rực hẳn lên.



Cứ áp giáp Tết, tôi có thú vui dân dã là đi thăm các chợ trong vùng. Đi như để ăn Tết sớm, đi để hưởng cái không khí Tết như mạ từng nói: Trước Tết mới vui chờ ngày Tết cũng... thường. Về mạn dưới, một loạt mèt nồng rải bánh in nằm men con đường đi vào chợ Chùa ở làng Lương Kim. Lên mạn trên, chợ Sái ngày thường nổi tiếng với bánh ít lá gai thì ngày Tết nổi bật với bánh in ngũ sắc.

Nhưng muốn ngắm bánh in ở góc độ tương phản ánh sáng màu sắc thì phải đi sang chợ Hôm Ái Tử. Chợ Hôm họp tại một đình làng bên sông Thạch Hãn. Hoặc có thể đi một phiên chợ Đinh làng Bích La mùng ba Tết. Hai chợ này họp lúc trời dương tối, ánh sáng chủ yếu là đèn dầu hỏa. Những chiếc nống bánh ở đó

nhấn nhá màu ngũ sắc, gấp gô đường cạnh lắn giữa phông nền đen.

Bánh in ở quê dùng trong rất nhiều lễ lạt, như một thứ phẩm chi nghi. Cuối tháng Chạp lê làng, lê họ, lê âm hồn đều nhất thiết có bánh in. Trên bàn thờ mỗi nhà, dĩa bánh in xếp ba lớp với màu giấy đan xen, trông vào như thể đấy là một đóa hoa ngũ sắc, đẹp và trang nghiêm.

Đêm trừ tịch, nhà nhà đặt bàn thờ lộ thiên và không quên sáp lên trên một dĩa bánh in. Ông nội thường lấy bánh in đó phát cho mấy đứa cháu. Tôi nhận bánh xong nhét đầy vào túi quần túi áo, thi thoảng lôi ra ngắm nghía rồi ngửi. Ông nói cái thằng ni ngày Tết ăn không chịu ăn, cứ ngắm với ngửi như thế bùa sau không còn nữa.

Mà quả thế thật.

Kể từ ngày đó đến nay, đã qua đi rồi mười mấy cái Tết không có bánh in bọc giấy ngũ sắc nguyên bản. Vô sự họ Tăng cũng đã thành thiền cổ, ngoài đường bầy chờ tháng Chạp không còn nghe tiếng xe lọc cọc đèo cái trác tre đựng bánh in nữa. Mảnh giấy ngũ sắc ngày xưa bọc bánh in, bây giờ tôi đem ra bọc lại ký ức của mình, để cho ký ức mãi mãi được vẹn nguyên và sặc sỡ thơm tho.

Chợ
Thuận
những
mùa
Tết
cũ

Thang Chạp gió cạp môi vào tao gióng lắc lěo ra chợ cùng mạ. Con đường làng được mùa xuân mặc cho lớp áo sương nhẹ nhẹ buổi sớm. Đó là tấm áo mới mà trời đất đã may cho làng nghèo quê tôi đón Tết cổ truyền dân tộc. Không dung vẩn vơ tôi nghĩ, chả lẽ Lang Biang mùa xuân đã tràn về đây? Chả lẽ Sapa đã đạt theo chiều cánh chim bay về đây? Hắn chẳng phải thế, nhưng tôi tin mỗi độ năm hết Tết đến thì cuộc hôn phối thiên nhiên đôi miên đã hạ sinh ngay chính tại làng mình.

Lần lại lai lịch, tên chợ từng được nhắc đến trong sách *Ô Châu cận lục* của Dương Văn An: “Đây là chỗ hội tụ đông đúc nhất của Thuận Châu”. Nhiều nhà nghiên cứu còn thắc thòm mối lương duyên rằng, có phải vì nằm trong xứ sở Thuận Châu mà chợ mang tên chợ Thuận? Còn với tôi, chợ Thuận là cả cuộc đời của mạ. Đến nỗi có thể viết nghề nghiệp vào bản lý lịch của mạ là: Bán rau ở chợ Thuận.

Ô chợ nhỏ ấy đã nuôi sống biết bao nhiêu con người, vun đắp tâm hồn cho bao thế hệ. Nơi ấy mùa xuân đến sớm hơn từ những phong pháo Tết của mụ Sửu, vài

miếng cau của mệ Đíu, ít mứt gừng thơm của o Liệu... Một ô chợ nhỏ với những khuôn mặt thân thuộc mà bất cứ ai lớn lên trong vùng đều biết.

Ký ức về những phiên chợ Thuận ngày Tết như còn hiện rõ mồn một trong tôi. Thuở ấy, cứ sang tháng Chạp là chợ đã bày bán rất nhiều hàng hóa. Thường mứt được bán đầu tiên. Tôi hay đến quầy mứt chơi và o bán hàng gói cho một ít mứt gừng vụn, cay cay mà ngọt lịm. Mạ nhủ tôi đến quầy áo quần chọn một bộ tùy ý rồi mạ trả tiền sau. Lớn lên tôi mới biết rằng tiền mua áo quần cho tôi mạ phải nợ đến sang năm mới trả được. Từ bùa ấy mạ nợ chợ Thuận, tôi cũng mắc nợ với chợ Thuận.

Chợ Thuận nằm giữa ba xã: Triệu Đại, Triệu Thuận, Triệu Long. Song, đây không chỉ là nơi bán buôn trao đổi của người ba xã. Chính vì thế chợ Thuận ngày thường vốn đã đông người, đến Tết lại càng đông kín. Người ta đi chợ Thuận ngày Tết mua sắm là một nhẽ, nhưng còn để hưởng cái không khí xuân nữa. Từ trẻ con cho đến người già, ai ai cũng muốn đi một phiên chợ Tết vì nhiều lý do. Thứ nhất, chợ Tết thường đông, đi chen lấn nhau rất ấm áp, như thể truyền cho nhau tình cảm chân thành. Thứ hai, đối với người xa về thì chợ Tết là nơi gặp gỡ bạn cũ, kỳ ngộ cố nhân và hàn huyên câu chuyện ngày dài. Với tuổi trẻ thì đi chợ Tết để ngắm người đẹp, nếu có duyên thì gặp một ai đó để kết đôi. Tất cả những ý nghĩa ấy chợ Thuận đều có cả.

Sáng sớm 30 Tết, thể nào Sum cũng đến đứng ngoài ngõ ía ía gọi tôi đi chợ Thuận để ngắm con gái. Sum nói chợ Tết là nơi nhiều con gái đẹp, lại dễ bén duyên. Chen giữa chợ, thỉnh thoảng gặp một cô gái nào đó thì đá lông nheo mắt. Hoặc cứ bám theo, chờ người ta vào quầy nǎo thì mình cũng vào theo giả vờ mua. Ngày Tết ai cũng xởi lời, nên chi con gái cũng dễ tính để mình làm quen. Chợ Thuận là chợ nông thôn, con gái đến đây đều là thôn nữ thùy mị, quanh năm công việc đồng áng, có đi chợ thì cũng mua nhanh rồi về, đến ngày Tết các cô mới được cha mẹ cho thư thả để dạo quanh, biết đâu lại gặp một ý trung nhân. Chợ Thuận đâu không phải là chợ tình Sapa, nhưng cái duyên lứa đôi vẫn có.

Nơi góc chợ nhỏ nhoi này, bốn mùa cá tôm đuối bắt những đôi chân từ biển Cửa Việt chân sóng gánh lên, quanh năm cải rau xanh tíu tíu cười mắt những o con gái làng, tiếng mặc cả muôn thuở vẫn không thể lắng lại. Chợ không mặc cả còn gì là chợ. Nhưng cái mặc cả của chợ quê tôi là mặc cả đáng yêu, mặc cả như kiểu giận dỗi của đôi lứa yêu nhau, một người quay đi một người thỏ thẻ, để rồi sau đó lại đâu vào đấy.

Gió xuân về thổi qua cánh đồng, thổi bay tà áo mây o con gái. Họ rủ nhau đi chợ với má tròn ngực nở, thoăn thoắt phía sau lưng dáng vẻ đầm đang. Độ này vụ lúa đồng xuân vừa gieo đồng xong, trai tráng trong làng cũng rảnh rang nên đi chợ chơi. Bên này đám trai

đầu kia đám gái, mủm mỉm cười chumm chím phải lòng nhau khi nào chẳng biết.

Chợ Thuận những ngày cuối năm đông hơn, hàng hóa nhiều lên nghẹt cứng cả lối đi. Ngày tôi học ở Huế, mỗi bận Tết về nhà phải chen chúc mới vào được chỗ mạ ngồi bán hàng. Nhìn cậu thư sinh học xa về, mạ tôi mừng lắm, mắt mạ chỉ ánh lên cái cười mà chẳng biết nói chi cả. Khi ấy mùa xuân bắt đầu chín trong mạ, trong tôi – mùa xuân của tình yêu thương mẫu tử không bao giờ nguôi ngót. Kia mệ Đíu tóc bạc bán trầu vôi, tay mệ cứ thi thoảng quấy que tre vào hũ để vôi không đông cứng bởi cái lạnh tháng Chạp. Mùi vôi phất lên thơm thơm, o con gái chưa chồng đi qua ngửi được chợt thẹn đỏ mặt.

Tôi đến chỗ mệ chơi và hỏi thăm. Bán được không mệ. Ủ, cũng là nỗi dây cho người, Tết ni mi có cưới vợ mệ cho cau trầu đem đi bỏ lễ nhà người ta. Dạ, có o mô ưng bụng con lấy liền. Tổ cha mi. Mệ chửi một câu khiến cả góc chợ rộn tiếng cười. Chợ Thuận ngày Tết được bắt đầu bởi mớ cau trầu vôi của mệ Đíu. Cái têm vôi trắng vào ngọn trầu xanh sao thân thương quá đỗi, như thể vetyl ấy xát vào khắc khoải cay đắng ngọn-trầu-tháng-năm, để ai cũng phải rát lòng mà nhớ cho đặng.

Hàng bánh cộ (bánh in) sắc sô màu xanh đỏ vàng tím của giấy ngũ sắc bọc vỏ. Trên những chiếc nống cấm tròn to bán kính cỡ sải tay, người ta rải bánh cộ

lên như cái nong tằm. Những chiếc bánh cộ vuông có, tròn có, ú có... cứ nằm lấn lộn nhau. Trông cái nồng bánh cộ thôi đã đủ vui mắt, còn như bóc vỏ ra ăn thì màu giấy gói thấm vào bàn tay, xanh đỏ vàng tím. Đó chính là màu Tết.

Hàng rau, xanh và ngon hơn, rau khoai lang, rau cải rau ngò, ném, hành, lá lốt... Đến Tết rau được dịp đắt một lần. Vắt ngược ánh mắt lên ngọn tre nhìn xuống, có thể nhìn thấy chợ Thuận như bức tranh với màu xanh làm chủ đạo. Ngày Tết, ba tôi nhất quyết phải mua bằng được chục bó rau cải để săn ăn với cơm. Những thứ cây nhà lá vườn, người quê có gì đem đi bán nấy để sắm sửa đồ Tết. Trái măng cầu na hột đen mắt tuyền, trái bưởi bồng tròn một cặp mầu tử, trái khế năm cánh bán cúng tất niên. Người ta mua khế về đặt cúng giữa trời với niềm mong mỏi cộng cảm, như câu “em ơi chua ngọt đã từng/ non xanh nước bạc ta đừng quên nhau”. Từ phía xã Triệu Độ, những xe chở dưa hấu lên bán Tết. Làng Đại Hào thì nhiều ổi. Làng Quảng Lượng lăm khoai. Ven phía ngoài đường chính, những đứa trẻ ngồi bán cát trắng cho người ta thay lư hương. Cát trắng lấy từ rú Tường Vân lên, bán lấy công và làm phước thôi, mỗi lon hai trăm bạc lẻ.

Đặc biệt, có một thứ mà chỉ đến chợ Tết người ta mới đem bán, đó là mắm: mắm cà, mắm chêng, mắm thính... Nhà quê ăn mắm mặn mòi, vì nghèo nên phải ăn mắm. Nhưng đến Tết, mắm đem bán cũng được giá.

Chợ Tết được tô thêm bởi muôn màu của cánh hoa đang độ hé. Hoa vạn thọ vàng có đở có, đem về cúng với mong mỏi sống thọ lâu năm. Hoa lay ơn, thược dược, hoa cúc thì đem trên phố về bán. Cái khác biệt của hoa chợ quê với chợ phố là ở chỗ, chợ quê không có bán cành mai. Người nhà quê trồng mai, đến Tết cắt một nhánh đặt trong nhà, nếu cây mai còn nhiều nhánh thì đem cho bà con chứ không đem ra bán ở chợ.

Chợ Tết không chỉ là nơi gặp gỡ mua bán mà còn là dịp vui chơi tiêu khiển. Trên bức tường rào sát đường, người ta đặt một tấm ván tròn như cái mâm có sơn phết xanh đỏ từng vòng từng mảng, đó là trò chơi phóng phi tiêu. Tấm ván này được đóng lồng vào vách cao cỡ tầm ngực, có thể xoay tròn quanh tâm. Phi tiêu làm từ một đoạn tăm xe đẹp, dài cỡ gang tay, một đầu mài nhọn còn đầu kia cột vào mẩy cái lông gà để nó có thể bay khi phóng. Người chủ sẽ đứng bên cạnh và quay tấm ván. Người chơi trả tiền mua phi tiêu rồi đứng tầm xa khoảng ba mét và phóng cho trúng vào ô có màu đã đặt cược.

Trò lô tô luôn là nơi tập trung đông đúc nhất. Một anh đứng cầm loa hò theo những con số mới quay ra từ lồng sóc. Hò lô tô phải khéo, cốt làm sao để người ta ngồi nghe lâu không chán, và nhất thiết phải tạo ra sự hồi hộp đoán đợi. Người chơi mua vé, cầm viên phán ngồi dưới dò cho đến khi nào được một hàng liên tục ba cặp số thì trúng. Mở đầu một ván xổ lô tô, người

cầm loa hát: “*Lô tô lô tô quý bà quý cô. Muốn đánh lô tô thì
hãy nghe cho kĩ. Xin đừng lâng trí để lộn con cờ kinh. Lối ấy
tại mình đừng trách tôi hô lộn...*”. Cú thế, hội lô tô nhộn
nhịp hẳn cả khuông chợ làng.

Trẻ con đi chợ vào đặt tôm cua. Tôi không thích trò này vì nó mang tính cá cược ăn thua, thậm chí ngày nay người ta chơi tôm cua như kiểu làm ăn. Vậy nên mỗi Tết, tôi chỉ đặt một ván xem xấu tốt trong năm mà thôi.

Ngày nhỏ đi chợ Tết tôi thích mua những con tò he nắn từ bột lọc, cầm chơi chán thì ăn. Hoặc đến mua mấy cái bong bóng bay. Ở làng, chỉ đến dịp Tết mới có bong bóng bay, nghe đâu viết những điều ước vào giấy rồi cột vào bong bóng thả lên trời thì điều ước dễ thành. Ngày ấy tôi đã từng làm như thế. Tôi viết vào giấy rằng cho tôi được sống mãi mãi với làng quê của mình, mãi mãi với góc chợ Thuận của mình...



Tôi rủ vài người bạn cùng đi ngắm chợ Tết. Bạn nói trời rét quá, nháy đi lấm. Tôi nhắc nhủ: Nhung đây là phiên chợ Tết cuối cùng, sang năm chợ chuyển đi chỗ khác rồi! Thế là bạn đi ngay với tâm trạng chộn rộn như sợ ai đó lấy mất bao kỷ niệm của mình. Vào chợ, những hàng quán dựng từ cọc tre nay đã cũ, trông rất xưa. Bằng khuông chạm tay vào để an ủi với từng gian chợ, cũng là an ủi cho nỗi niềm của mình.

Ngẩn
tò
te

tới Tết, tôi lại nhớ về tuổi thơ của mình với những chú tò he đất giản dị đơn sơ. Từ nhỏ cho đến lớn, cứ mỗi lần đứng trước những con tò he là tôi lại... ngắn tò te. Người Việt mình thật khéo khi dùng thành ngữ “ngắn tò te” để ví von cho sự khụng lại do dồn nén cảm xúc.

Hồi tôi năm tuổi, đầu làng có một quán nước của mẹ Thiệm. Nói quán cho oai chứ thật ra chỉ là bốn cọc tre đã lèn màu mun, mái lợp bằng tranh. Mẹ Thiệm mặc bộ áo quần nâu. Cả quán hàng sầm đi một màu thời gian. Trong tất cả những thứ quà bánh của mẹ, chỉ có những con tò he là sắc sỡ màu sắc hơn cả. Lúc đó thi thoảng mạ mới cho năm muoi đồng để đi mua hàng. Mỗi lần có tờ bạc xanh là trẻ con chúng tôi chạy ngay lên quán của mẹ để mua tò he.

Năm muoi đồng chỉ mua được một con tò he thôi, thế nên tới quán rồi thì đứng ngắn ra vì con nào cũng thích. Tò he ở quán mẹ có đủ hình thù mười hai con giáp, rồi thì hình chim chóc và cả hình các nhân vật trong phim Tây Du Ký. Tất cả đều được nắn từ bột lọc

và phết màu rất đẹp. Bột lọc làm tò he được nhồi như kiểu người ta làm bánh trôi nước, nhưng phần bột chín nhiều hơn để khi ăn vào không bị đau bụng. Năm mươi đồng mạ cho đêm đi mua kẹo thì chỉ được ăn, mua còi thì chỉ được thổi, nhưng mua tò he thì vừa được thổi lại vừa được ăn. Tuổi thơ nghèo khó đã khiến trẻ con quê tôi sớm biết tính toán lo liệu.

Đầu miệng mỗi con tò he đều gắn thêm một cái kèn ống hóp. Trẻ con đặt đặt miệng vào kèn đó và thổi. Mỗi lần mua tò he xong là chúng tôi thi nhau thổi, kèn đúra nào kêu to nhất coi như đúra đó thắng. Mỗi buổi chiều, tất cả tiếng tò he của đám trẻ con làm cho làng rộn rã hẳn.

Để rồi đến tối thì má đúra mô đúra nấy đều sưng vù và đau, gọi là *đau má chàm bàm*. Ở quê có một cách chữa đau má chàm bàm đơn giản nhưng rất hiệu quả. Lấy một củ nghệ gọt vỏ. Hồi ấy nền nhà toàn là nền đất, chọn chỗ đất láng cứng và nhổ lên đó mấy bã nước miếng. Cầm củ nghệ mài qua lại vào chỗ đất cho đến khi mặt đất sủi ra một lớp mùn. Nhờ một người đàn bà mát tay trong xóm quét tay vào mùn đất rồi thoa lên chỗ má chàm bàm. Sáng hôm sau thức dậy sẽ hết đau.

Năm 1992, chùa làng xây dựng lại, quán tranh của mẹ Thiệm từ đó thôi bán. Nhưng con tò he bột cũng lảng lặng chìm vào quá khứ. Nhưng trẻ con chúng tôi đánh thức tò he dậy bằng cách tự nắn ra mà chơi. Dưới chân cầu Trầu làng Võ Thuận có một chỗ cho đất sét

rất dẻo. Trẻ con ở làng thường lên đó moi đất đem về, nhào cho nhuyễn đi và nắn hình con vật theo ý mình. Nắn xong thì dùng chiếc đũa xuôi từ miệng con vật đến bụng để làm lô kèn, sau đó đem ra phơi nắng cho khô. Đến bữa mạ nấu ăn, chúng tôi nhét con tò he đất vào bếp cho đát “chín”. Hồi đó anh Trú hay nắn tò he hình con heo, đến khi cục đất nóng đỏ y chang con heo quay. Cả hai anh em vật nhau cười. Mạ hấp gấp chạy xuống bếp nói răng hai đứa lại đập chắc. Tôi chỉ tay vào bếp. Mạ nhìn theo rồi cũng ngẩn tò te.

Dần lớn lên, những trò chơi ấu thời chúng tôi cũng gác lại. Trẻ con bây giờ nhiều trò vui khác hẳn. Ngày Tết mẹ cha cho tiền ra chợ mua những đồ điện tử bấm chiu chiu. Tôi bùi ngùi thương cho tuổi thơ thiếu thốn của mình, và cũng tiếc ngẩn tiếc ngơ những trò vui tự tạo trong sự khốn khó vật chất ấy. Chợt thèm cái bữa tranh nhau moi đất sét ở cầu Trấu, thèm ngồi bên góc sân nhà thờ họ mà nắn mà vuốt, thèm chụp lấy con tò he mới khều ra còn ấm hơi than và ập vào môi thổi. Ôi, tuổi thơ nào cũng đáng yêu đáng nhớ. Những con tò he dusk không còn chơi nữa nhưng mỗi mùa xuân, tôi vẫn nghe tiếng đất sét dậy lên, sinh sôi giai điệu tò tí te...

Ở Quảng Trị bây giờ, cứ mừng 3 Tết đi chợ Đinh làng Bích La đều có thể mua những con tò he đất. Tết 2005, tôi rất vui sướng và nghẹn ngào xúc động khi nhìn thấy lại những con tò he ở đây. Người ta ngâm tò he đất vào chậu nước để tiếng kêu được trong và thanh

hơn. Năm đó là Ất Dậu, tôi mua một con tò he hình gà, đưa lên miệng rồi không thổi được thành tiếng, vì nước mắt. Mỗi năm chợ Đinh họp đúng một lần, và những chú tò he lại được đánh thức để gáy lên trong khu vườn tâm hồn trẻ con quê hương.

Tháng 3 năm 2007, tôi có dịp vào thăm Hội An và bắt gặp gấp ở đây một con phố trải đầy những chiếc nống tò he. Hai mươi tuổi, trước thứ đất nung ấy, tôi cũng... ngắn tò te.

Tiếng
nhái
đồng
quê

Cuối thu, quê nhà lại dậy lên một thứ âm thanh quen thuộc của éch nhái. Đêm nằm trong khu vườn úa mịt kỷ niệm, cỏ trại làm một manh chiếu mềm, sương thu rót rượu, và tiếng nhái vẳng lên như người ngồi gõ phách trong cuộc hát ả đào xa xưa. Mấy năm đi xa chừ mới về, lòng tôi như quặn lên mỗi khi gặp phải tiếng quê trong đêm thanh vắng. Tiếng nhái hay là tiếng yêu thương của quê hương cứ rủ rỉ mến trùi.

Mùa thu, sau cơn mưa chiều thường có một chút trăng nhạt núp bóng mây đêm. Thỉnh thoảng trăng mới hé ra như hột mặt trong trò chơi trốn tìm của trẻ con. Và khi ấy, loài nhái ở dưới đồng kéo nhau gọi trăng ra bằng chính thứ âm thanh của chúng. Hồi còn nhỏ, có nhiều đêm đang ngủ chợt nghe nhái đồng thanh cất lên. Lúc ấy chẳng biết vì sao. Cho đến khi trở lại quê hương và nằm ngủ bên song cửa mùa thu, tôi dõi tai đưa mắt nhìn về phía nương nhà mới phát hiện ra rằng nhái là loài đi tìm tri kỷ trong đêm. Có thức đêm mới chứng kiến sự nhiệt tình và niềm mê chơi của nhái. Khi vỡ lẽ ra điều đó cũng vừa lúc tôi biết đến niềm thân giao

của tình bạn nơi miền thôn dã. Chính bạn bè tôi nơi mảnh làng bé nhỏ này đã sống với nhau như thế, trong đêm gọi nhau ra đồng và hát hết nỗi mình cho nhau nghe. Tiếng nhái là lời giảng về lối sống trong cuốn sách học làm người của quê hương.

Ngay ở cách gáy thoi đã thấy nhái rất nhiệt tình. Nó ép toàn thân để cho cơ bụng co bóp và phát ra tiếng kêu. Hầu hết tim động vật đều có bốn ngăn, riêng tim ếch nhái thì chỉ ba ngăn. Thế nhưng, liệu có loài nào nhiệt tình hơn nhái trong những đêm khuya được. Và tôi ngẫm lại một triết lý hiện huu của cuộc sống: Trái tim vĩ đại không phải là trái tim to mà là sự bao dung và nhiệt huyết.

Giữa những ngày ngồi rỗi trên cánh đồng làng, tôi luôn chờ đợi một tiếng gọi từ dưới chân cỏ, để biết mình còn có quê. Tiếng nhái đã trả lời tôi với nỗi đam mê cháy bỏng của tuổi trẻ, không gì khác ngoài tình yêu mãnh liệt với thiên nhiên và sinh vật đại.

Sâu trong mùa đông, tiếng nhái càng nghe rõ ràng và kéo dài suốt đêm cho tới tận sáng tung tưng trời. Nhiều đêm nằm ngủ, nhái chợt lôi tôi dậy chỉ để hát cho nghe cái điệu cũ rich xa xưa ấy, thế mà vẫn thích. Những giá trị phi vật thể của quê nhà luôn được giữ gìn, khó có bảo tàng nào vĩnh cửu hơn không gian bao bọc giữa lũy tre và cánh đồng. Đây chính là lý do vì sao qua bao tháng năm mà tiếng nhái vẫn vẹn nguyên.

Họ nhà nhái gáy tiếng theo kiểu của dế, kêu một hồi rồi nghỉ phút chốc lại vang lên. Nếu như dế là chàng ca sĩ cuối hạ đầu thu thì nhái là nhạc công vắt từ mùa thu sang mùa đông. Trên cánh đồng quê hương, bốn mùa đều có những âm thanh dân dã. Cánh đồng là một quán tiệc thoảng đãng và miễn phí. Sự giàu có của người quê là ở chỗ ấy, tâm hồn luôn được ướp trong dư hoa thôn dã và ru bằng tiếng gọi đồng quê.

Éch nhái có cơ chân rất khỏe, búng xa thì không bằng châu chấu nhưng độ bền lại cù hơn. Chính vì thế mà các vận động viên, các võ sinh đều luyện cơ chân bằng cách nhảy ếch, tức ngồi xuống và dùng cơ bắp búng lui tới. Con người là loài học lỏm giỏi nhất, và phần lớn những kiến thức vận động đều học từ loài vật. Chẳng thế mà hầu hết các bài quyền thuật đều mang tên loài vật. Cũng bởi điệu búng dẻo như bay đó nên dân nhậu gọi món ếch là phi tiễn. Tuy nhiên, không hiểu sao ếch nhái lại gắn với một thuật ngữ chỉ sự vụng về, người Quảng Trị đi đêm trượt chân bỗ xuống ruộng thì đều bị trêu là chụp ếch.

Thuở nhỏ, thỉnh thoảng tôi đi bắt ếch nhái cùng bạn bè. Dùng cây đèn dầu hỏa chế thành chiếc đèn soi. Mắt nhái thường bị đóng đèn nên rất dễ bắt. Đêm ra đồng, tiếng nhái vang lên từ bốn phía, đi để nghe âm thanh ấy thôi đã đủ sướng. Nhưng đến khi giết nhái mới dế sợ. Con nhái cứ chấp hay chân lại như van lạy

xin tha. Từ bạn ấy tôi bỏ luôn trò bắt nhái, bạn bè ở làng dần dần cũng không mặn mà với thú ấy nữa. Có lẽ nhờ vậy, sau bao tháng năm trôi qua, tiếng nhái vẫn vẳng lên sau hè, lang bạt giữa cánh đồng quê hương thứ âm thanh hồn nhiên thánh thiện.

Tháng

Ba

qua

đồng

thang Ba lịch nhà quê. Con đường băng ngang
đồng tự dung nhỏ như sợi dây chạc chùi buộc chặt một
miền xanh. Cỏ đượm mập cứ bóng lên từng cánh lá.
Người bước qua chưa kịp ngoái lại thì cỏ đã vùng dậy
xóa tan dấu chân. Trong miền ký niệm mà tôi mang
theo, có một mùa cỏ như thế, biết trỗi mình mạnh mẽ
và đánh động hồn người.

Đêm qua, trong khi sương giăng bãy thì tôi và Sum
lén xuống đồng Bàu cắm mấy chiếc cần câu nhỏ. Sớm
hôm sau, hai thằng băng qua cánh đồng với cái bụng
rỗng rỗng. Sum nói lát nữa được chừng nào cá thì đem
vào cồn Mai nhen lửa nướng ăn một bữa cho đỡ đói.
Nhưng hôm ấy không có con cá nào cắn lưỡi cả. Sum
quay lại trách tôi: Hình như số mi không có duyên bắt
cá. Thế rồi Sum ngắt cọng lúa nhai và rủ tôi nhai theo
cho đỡ đói. Sum nói ở làng sướng nhất là cái gì cũng
được hưởng trước thiên hạ, ăn ngay ngoài đồng. Chẳng
hạn mùa nhỏ đậu phụng thì vừa lôi gốc lên vừa bóc ăn,
mùa bời khoai thì nhỏ được củ đầu tiên ngay lập tức
đem ra mương rửa qua rồi cắn trào trạo. Đến khi lúa

làm đồng cung vây, cứ đi thăm ruộng là ngút vài chén ăn để thấm vị ngọt và mùi thơm của sūra lúa. Thực ra, việc ngắt nhai lúa sūra còn là một kiểu nghi thức nhằm động viên cánh đồng cho hạt chắc mẩy, như kiểu con gái tuổi mười lăm thèm hơi tay đàn ông để có vòm ngực đẹp. Chính nhẽ đó mà người quê đi thăm đồng thường luốt tay qua ngọn lá thời lúa còn con gái.

Tháng Ba qua đồng. Một ít gió phon nhẹ làm rung thân lúa. Đứng ngắm sē thấy cả cánh đồng cuộn lăn tăn từng gợn sóng dịu dàng. Tôi ngắn ra giữa một miền xanh và mơ màng nghĩ đến một ngày nào đó, có người con gái sē về đây theo cái dắt tay của gā nhà quê. Lại cùng nhau bước ra đồng, chân không mang dép cho cỏ được nhận tin yêu. Rồi gā nhà quê ấy sē ngắt một bông cúc dại màu vàng tặng người thương thay lời đính ước. Lối đi būra ấy cỏ cú tràn lên ôm lấy chân. Gā cúi xuống hái một nhúm cỏ cú nói với người thương. Rằng cỏ này ở quê mình nhai đắp vào vết thương để cầm máu. Nếu một ngày nào đó em lấy người khác, thì anh sē về nhai cỏ cú và nuốt. Người thương ngó mắt ra khó hiểu. Để làm gì vậy anh? Để cầm máu cho vết thương lòng.

Tôi vẫn mang theo giấc mơ của mình từ độ ấy đến giờ. Cá không cắn câu, đúng như Sum đã nguyên rủa tôi. Người thương cổ tích đã chìm vào cổ tích. Cỏ cú quê nhà càng xanh thâm một màu nuối tiếc. Būra tôi về tháng Ba, may mà lúa còn hương sūra để tâm hồn không rỗng rỗng xót xa...

Đêm

trăng

tát

nước

trên

đồng

Đêm trăng trên cánh đồng làng, một đôi trai gái với hai tay gàu. Đấy không là thơ, mà là một công việc nhà nông rất nên thơ. Múc lên, rưới vào, tung gàu nước đều đặn. Trông rất giản đơn nhưng không hề dễ dàng, hai bên phải hòa hợp nhau thì gàu nước mới không chéo dây. Bởi thế tục ngữ Việt có câu: *Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn*.

Trong gian bếp của người nhà quê luôn có một góc để đặt những dụng cụ làm đồng. Riêng chiếc gàu tát nước thì được treo ở trên cao. Chừng ấy thôi đủ biết người quê quý và trân trọng chiếc gàu đến mức nào. Phải quý là bởi chiếc gàu rất khó làm. Hồi trước gàu thường làm bằng tấm nhôm mỏng nhẹ, hoặc lấy tôn thép gò lại. Gàu dùng để tát nước từ muong vào ruộng cao, hoặc dùng để tát hồ bắt cá. Nhà bác Xưởng hồi ấy có cái gàu nhôm mà anh em Phi thường đem đi tát. Mỗi lần thấy Phi vác cái gàu đi là thế nào lát về trong gàu cũng có cá. Hỏi Phi sao bắt cá tài thế. Nó bảo có bắt đâu, chỉ đúng tát là cá tự chui vào gàu à. Biết nó nói chơi nhưng tôi vẫn tin. Tin rằng quê hương mình rất săn có, tin rằng lao động luôn mang lại kết quả.

Người quê thường tát nước ruộng vào ban đêm hoặc rạng sáng. Mặt trời gác cây sào là thoi tát vì nắng thường làm ngứa quanh lung, mà hai tay đã bận cầm dây gàu rồi, không thể gãi được.

Những mùa hè hạn hán. Cả làng kéo nhau ra đồng tát nước. Trời càng hạn đêm trăng càng sáng. Đây là sự bù đắp của thiên nhiên. Trẻ con chúng tôi vì say trăng nên cũng theo chân ba mạ ra đồng. Mỗi nhà cầm theo một chiếc chiếu với ấm nước chè. Tát đến khi nào mỏi tay thì ngồi ra chiếu, uống nước chè và ngắm trăng. Những vụ lúa gặp hạn hán như thế, cái gàu thành ra phương tiện cứu cánh thiết thực. Suốt đêm, trên cánh đồng làng chiếc gàu đã miệt mài công nước từ dưới mương lên ruộng.

Trong việc đồng áng luôn có sự phân công rõ rệt, đàn ông sức dài vai rộng thì cày cuốc gánh vác, đàn bà nhu mì khéo léo thì cấy hái chăm tia, riêng việc tát nước là nhiệm vụ chung và phải có cặp mới làm được. Ngày trước, con trai làng thích lấy con gái quê là vì thế. Cưới vợ để chiếc gối có đôi, cái giường không buồn, cái gàu không té. Mùa đông tát nước ra, mùa hạ tát nước vào. Ao đầy khoát gàu bắt cá, đìa sâu móc nước đào lươn. Trai gái tuổi biết yêu mượn cái gàu dây gửi nhớ thương. Chẳng hạn chàng trai vào nhà cô gái mượn cái gàu, nghĩa là anh đang muốn có cặp. Dưới trăng, dây gàu nối tay đôi lứa, chiếc gàu chòng chành ở giữa như hạnh phúc. Chỉ cần một bên buông tay là hạnh

phúc tuột đi. Còn nếu nắm cảng dây quá thì hạnh phúc không đầy. Chiếc gàu không chỉ để múc nước mà còn để thử lòng nhau, qua cách nắm dây lại đoán được tính người. Người quê tìm hiểu nhau là tìm hiểu từ cách xử sự trong công việc đồng áng.

Nếu trong nhà thiếu người, hoặc tát những vũng nước cạn thì không dùng gàu dây mà dùng chiếc mo nhỏ hơn, gọi là cái *nát*. Nát là tấm tôn uốn vòm chữ U, một đầu dập dính mép, gắn cây cán tre vào dùng cho một người tát.

Trong xóm có thằng Cung. Hồi ấy mỗi lần đi thăm đồng nó thường vác theo cái nát. Thấy nước trong ruộng cạn là tát vào. Gặp hố nước là Cung ngăn lại tát để bắt cá. Cái nát linh động hơn cái gàu ở chỗ ấy. Cung hồn nhiên vác cái nát đi lẳng lảng coi bộ rất yêu đời, tay cầm cái nát tát, miệng vô tư hát. Những hình ảnh của bạn bè đồng trang lứa ở làng đã phác nền trong tôi một bức tranh lao động đầy lạc quan và tin yêu. Hoặc hình ảnh một chị gái đứng tát nước luôn gọi lên mồn một khi đọc những bài văn về thuở cấp sách đến trường. Chẳng hạn có câu ca dao rất duyên nói về chuyện tát nước:

*"Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương
Nhớ ai dãi nắng dầm sương
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao".*

Và thi sĩ Bàng Bá Lân cũng có câu thơ rất tình:

*“Hỡi cô tát nước bên đàng
Sao cô múa ánh trăng vàng đỗ đì?”*

Có lẽ cô gái trong ca dao và thơ ấy đang tát nước bằng cái nát chứ không phải bằng gàu dây. Vì nếu tát gàu dây thì phải hai người, nếu cô gái đã có đôi cặp thì mắc mớ chi anh chàng trong ca dao phải nhớ cho hoài công. Và nếu tát hai người thì thi sĩ Bàng Bá Lân cũng không thể chỉ trách riêng cô gái được.

Nghề nông vốn gắn liền với thành ngữ *nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống*. Dù thủy lợi có tốt đến đâu thì vẫn cần đến cái gàu cái nát, như người ăn cơm cần cái bát cái mồi. Mỗi hạt gạo có trong đó cả mồ hôi lẫn tiếng cười, có nhọc nhằn và tình tứ. Quê hương giản dị như cái nát cái gàu là thế, nhưng hàm chứa biết bao ẩn ý sâu quyên.

Câu
chuyện
mùa
hạ

buổi trưa tôi nằm ngủ lịm đi giữa nắng chuyển mùa. Cái bùa chuyển giao giữa mùa xuân và mùa hạ thường làm cho giấc ngủ uể oải. Rồi một bản giao hưởng của nhiều âm thanh đánh thức tôi dậy. Những tiếng chim rất lạ kêu keng kéc sau lũy tre phía lưng nhà. Tôi chợt nhớ ra là đã lâu lắm rồi mới được nghe lại tiếng chim ấy, tiếng chim kể chuyện lúc mùa lúa chín. Chuyện xưa như trái đất, xưa như hạt lúa quê hương muôn thuở nuôi con người đất Việt khôn lớn. Mà sao vẫn thích.

Người nhà quê đánh giấu thời gian bằng mùa vụ. Chẳng hạn mùa xuân thì bắt đầu từ khi gieo hạt lúa vụ đông xuân. Nói như nhạc sĩ Trọng Đài thì đấy là lúc người trồng lúa “gieo niềm vui xuống đất”. Đem gửi gắm tình yêu và niềm tin vào đất mẹ, như cái cách người ta thả hồn mình cho thiên nhiên và mở rộng lòng người đón lấy tin yêu của mùa xuân. Và đến khi niềm vui kết hạt, chín mọng đầu hành, ấy là mùa hạ bắt đầu. Có lẽ cách tính lịch ấy là hợp lý nhất, khi mà thời tiết hàng năm bị xáo trộn, không tuân theo một quy luật nào cả thì nhà nông vẫn cứ tria hạt và hái về đúng tuần

tự, không có gì đổi khác. Đối với người làm ruộng, sự thay đổi chỉ có chăng trong việc cải tiến một số giống má, phương tiện máy móc, còn thời vụ và cách thức lấy công làm lai vẫn giữ nguyên. Máy đời nay người quê tôi vẫn mỗi năm hai vụ, vẫn bán sức cho trời để làm ra cái ăn cái mặc. Cái nhọc nhằn khắc nghiệt của mùa hạ miền Trung nóng nực vẫn không dễ gì làm cho người ta ngơi nghỉ, vẫn phải ra đồng trong niềm vui chín giòn như nắng.

Trong câu chuyện của tiếng chim trua nay, tôi đã nhận ra được một quãng thời gian trong tuổi hoa niên. Đây là khi bạn bè ấu thơ của tôi đương đi săn những tổ chim để hoang trên những lùm cây, đi bắt những ố gà lá xoáy giữa vật lúa. Đang hỉ hả vui sướng với những cái trứng tròn nhỏ nhất được, vội nhét vào túi quần. Thì bỗng một đúra bỏ về. Bạn bảo về phụ ba mạ đi gặt lúa. Tôi hiểu, tuổi thơ bắt đầu có những vết rạn tự nhiên, như con chim nẻ cái vỏ trứng chui ra để khôn lớn trưởng thành. Và tôi nhận ra cái trách nhiệm, hay là cái công việc sẽ theo suốt cuộc đời chúng tôi nếu còn ở trên mảnh đất quê hương. Đây là phải trở thành những người nông dân thực thụ.

Chúng tôi được ba dạy cho cách cầm vằng hình chữ V để gặt lúa. Bảng chữ cái của trẻ con quê tôi không phải bắt đầu từ chữ A chữ B mà lại bắt đầu bằng chữ V. Chữ V tượng hình trong cái góc chênh ba mà trẻ con leo trèo hái quả đào trái ổi. Chữ V thù hình trong cái

ná bắn chim. Và chū V nơi cái vàng hái gặt lúa chiều hôm ấy. Chúng tôi nắm tay vào chuôi vàng, đưa lên ngó nghiêng, vừa thích thú vừa sợ hái vì cái lưỡi cưa quá manh sắc. Ba chọn một vật lúa đứng, ở phía trên gió, làm mẫu cách nắm cây lúa, rồi đưa cái vàng cưa. Nhanh gọn, dứt khoát. Rồi ngay sau đó chúng tôi hòa mình vào cánh đồng, như bao người nông dân khác. Chúng tôi cảm thấy mình đang được lớn lên và vui sướng khi được một ai đó đi qua khen. Chà, biết gặt lúa rồi à.

Chúng tôi thường được đánh dấu kỷ niệm buổi gặt đầu tiên bằng một lát cưa vào tay chảy máu. Nước mắt úa ra. Ba nói đồ trâu đực vec đái, lo chi. Rồi ba nhai một nhúm cỏ cú đắp vào cầm máu. Vết đứt thành một cái sẹo ở ngón tay, nó đi theo chúng tôi suốt đời để nhắc nhở. Ôi, những cái vết sẹo hằn sê làm người ta xấu đi, nhưng thiếu nó, con người thường vắng bắt những ký ức. Sau những vết sẹo do leo cây ngã bổ, chơi cảng cù u trọ bị cái khăng đánh vào đầu mẻ trán, lần này chúng tôi có thêm một vết sẹo bởi vàng hái, vết sẹo bắt đầu của sự lao động.

Cơm mới. Bữa cơm đầu tiên nấu từ hạt lúa mới gặt. Trong một buổi chiều chạng vạng, bên thềm hiên, mùi cơm mới thơm hương vị cánh đồng, nguyên vị súra ngọt và cái dẻo mềm đến nỗi mỗi hạt cơm lùa vào miệng đều dính ngay ở đó. Người ta bảo cái dẻo của cơm lúa mới là để mình ngậm mà nghe, cảm nhận thành quả sau một vụ mùa. Bữa cơm mới để lại một cảm giác rất

lạ, nó vừa mang vẻ ấm cúng trong niềm hân hoan, lại vừa như những phút thư giãn sau vụ mùa tất bật. Xa xa một đám khói đang cháy trắng, vê từ dưới cánh đồng vắt ngược lên bầu trời hạ nắng.

Có ai đó đốt đồng.

Rơm

rạ

quê

mùa

Không hiểu sao tôi lại hay thắc thòm đến cái làng quê nghèo ấy. Mà nhớ nhất là lúc thấy một áng mây trời bay ngang qua, ký ức về một cánh đồng sau mùa gặt chợt hiện lên rõ ràng. Có lẽ vì cái rơm rạ đồng ấy nó nhắc khéo cho tôi về cái nghèo của làng mình.

Khi mùa hạ vừa chạm ngõ, hay tin gió phây phẩy báo mùa thì nhà nhà đều chuẩn bị tinh thần mà ra đồng. Gặt xong là có ngay rơm, rơm tươi xanh màu thâm thâm và điểm thêm vàng. Rơm ngày xưa là rơm tuốt. Những cái máy tuốt cứ thế mà cọc cách quay suốt ngày suốt đêm những khi mùa màng tới. Nhưng máy tuốt cũng không thể trảy hết hạt ra được. Vậy là sau đó lại phải quăng nấm thân lúa tuốt xong xuống đất để chà xát. Đẹp. Mòn cả chân. Tôi nhớ những ngày còn nhỏ, sợ nhất là đến mùa vì phải ra sân mà đập lúa. Đến khi lên giường ngủ thì chân lúc nãy thấm nước trên thân lúa nên ngứa ngáy khó chịu, nằm mà gãi một hồi cho đến mỏi tay mới ngủ được. Giờ nhớ lại cái chuỗi ngày đập lúa xưa kia thấy sợ, nhưng cũng đáng yêu.

Thời nay đã có máy đùn máy thổi, thậm chí là máy

gặt đậm liên hợp. Rơm ra khỏi ống máy thổi vẫn còn y nguyên cây không bị nhieu. Hạt lúa cũng được trẩy “sạch” hơn, trên đầu những nhánh rơm chỉ sót lại lè tê đôi ba hạt. Nhưng người quê vốn tần tiện. Lũ trẻ chúng tôi thường đi lật hết tất cả đống rơm vừa thổi ra, dùng tay mà rũ rũ rơm, thế nào cũng hốt được kha khá lúa đi đổi kem.

Thích nhất là chơi với rơm. Cứ đến mùa gặt, nghe đâu có tiếng xinh xịch máy thổi là cả lũ con nít chúng tôi kéo nhau đến “tắm rơm”. Máy đang ùn ùn thổi thì cả bọn đứng phía trước hứng. Rơm cứ thế phủ lên người thấy vui vui. Có đứa cố ý nằm yên cho rơm lấp kín người rồi vùng dậy. Rồi thì tung rơm chọc nhau, tay vơ tùng nắm rơm ném quẳng thẳng vào thân hình mấy đứa bạn. Rơm thổi ra chất thành một đống cao, chúng tôi thường trèo lên trên đó nhún nhún và nhảy xuống y hệt máy hiệp sĩ bay từ trên núi cao xuống vực cứu công chúa. Rơm rạ thành ra bạn của những đứa bé chúng tôi ngày ấy.

Sau mùa, rơm không phải vứt đi mà để dành làm chất đốt nấu nướng và cho trâu bò ăn trong mùa mưa. Những thân rơm được rải ra trên mặt ruộng hứng nắng miền trung vàng rộm lên. Nhớ cái trần trùng trực của ông nội cầm cái “mùng xẩy” hai chấu xốc từng ụ rơm to mà rải. Ông tôi bảo, có cái ăn thì cũng phải lo cái đốt. Vậy là đến mùa gặt ông chả ngủ trưa, hết lo sân phơi lúa thì chạy ra đồng lật trở rơm. Ba kể lại, ngày xưa quí

rơm còn hơn quí lúa gạo. Gặt là tận gốc để lấy được nhiều rơm. Mà cái hồi đó chưa có xe cải tiến thì phải khiêng từng gánh lúa từ ruộng xa về nhà. Ngày nay thì chất đốt không còn phải lo lắng nhiều nhưng ông nội tôi vẫn không thể bỏ rơm được.

Rơm phơi độ một nắng, tức một ngày, người quê hay chọn nắng làm thước đo thời gian. Phơi rơm xong chất thành từng đống nhỏ, đợi vài hôm đủ nhiều thì bắt đầu xây thành đụn rơm (cây rơm). Người quê thường dựng lên một trụ chính giữa, ba trụ xung quanh làm sườn cốt cho đống rơm. Độ chiều chiều mát, gió nam phây phẩy thì cùng nhau dùng những cái đòn xẩy mà tấp rơm vào đó.

Cánh đồng sau mùa gặt trống huơ trống hoác. Rơm rạ còn sót lại trên đồng được thu dọn bằng cách thắp lửa đốt cháy. Cách làm này vừa để dọn sạch ruộng, vừa diệt trừ mầm cỏ và mầm sâu bệnh hại. Rơm cháy xong thành tro còn có tác dụng làm tăng chất mùn cho đất mùa sau.

Từ việc này mà có nhiều nơi gọi cái khoảng thời gian sau gặt là mùa đốt đồng. Khoảng xế chiều là bắt đầu nhón mồi rơm. Lửa cháy lấm láp liếm từ từ rồi lan rộng ra khắp đồng. Ngọn lửa bốc cháy không cao nhưng cái khói bay lên thì ngùn ngụt trắng xóa cả cánh đồng.

Ngày nay người ta dùng bếp ga bếp điện, tiện nghi và không có khói. Nhưng ở quê tôi thì rơm vẫn là chất

đốt chính, vừa không mất tiền, lửa cháy ngum mà cơm lại ngon. Ông nội tôi bao giờ cũng thích ăn cơm nấu bằng rơm. Ông bảo ăn cơm nấu rơm có mùi thơm của đồng.

Chao ôi là nhớ cái khói lam chiều đốt lên giữa cánh đồng sau mùa gặt bội thu. Nhớ cái khói xông lên len lỏi mái tranh thơm mùi cơm nếp mới. Trong làn khói ấy như có cả vị ngọt vị bùi, vị nhọc nhằn trải dài mưa nắng của người nông dân. Tôi có thể tưởng tượng ra hình ảnh ông phơi trần trên đồng chǎm từng cọng rơm trưa hè, rồi hình ảnh mạ ngồi khều rơm trong bếp lửa chiều đông. Chợt như cái khều của mẹ vô tình xông lên một ngum khói lam xoáy vào mắt tôi. Cay.

Cuống

ra

cắm

vào

đất

quê

tôi trở về làng khi mùa gặt đã vãn. Những cuống rạ gói đầu hôn lên đất quê nhà. Giữa chiều bình yên màu vàng nhạt đi rồi úa theo nắng chiều. Sắc nắng tăm hết một mùa bội thu và vắt lại chiếc khăn mây bên trời cho người về muộn.

Bạn bè đã bỏ làng đi hết, còn lại tôi với rơm rạ. Những ngọn rạ đã bắt đầu hoai hoái dần và gục xuống đầm mình trên chính gốc của nó. Cuống rạ như hiển minh cho một niềm hoài thương sâu sắc: lá rụng về cội. Tôi từng nghe tâm sự của những người xa quê, rằng đến tuổi già họ sẽ về làng nghỉ ngơi rồi nằm xuống thảnh thoảng, và giờ đây tôi nhận từ chính gốc rạ sự đồng cảm. Giữa mảnh đất làng bé nhỏ này, mỗi hình tượng dù giản đơn bình dị đến đâu cũng đều có cái lý riêng của nó.

Tôi băng qua đồng, con đường dấu xưa còn nguyên màu cỏ. Ở đây tôi gặp lại bông hoa trinh nữ những ngày thơ thường hái làm cúc giả đính vào chiếc áo vải sòn của em. Cũng mới mấy bữa đây thôi, khi về thị tứ Bồ Bản uống cà phê với Nữ ở quán Mimosa, Nữ hỏi

anh biết tên quán này nghĩa là chi không? Là một loài hoa. Nhưng hoa chi mới được? Hình như Mimosa là một loài hoa dại mọc nhiều trên triền cỏ ở Đà Lạt, đúng không em. Nữ chún chím cười. Chính là hoa trinh nữ đấy anh à.*

Hóa ra là thế, không ngờ cái loài hoa hồn nhiên quê kiểng này lại mang một cái tên nghe quý phái và sang trọng đến vậy. Bất giác tôi nhìn sang Nữ và nghĩ, có khi người con gái quê nhà này cũng là một thú hoa của đất trời. Trông giản đơn thế nhưng cũng là hàng đài các, ai dám chê. Có về quê mới biết, ở đây hoa và người đều sống thật thà và lặng thầm. Có chạm vào một bông trinh nữ, gặp một người tên Nữ, mới thấm thía câu tục ngữ: Người ta là hoa của đất. Nữ e thẹn cúi xuống, như một cuống rạ ngây thơ bắt đầu biết giấu kín sự ngại ngùng. Tôi đem lòng yêu Nữ, và lấy làm vợ, như yêu một thú hoa dại quê nhà.

Tôi lại làm một đứa trẻ, đi bắt châu chấu cho con chim sáo nhỏ. Lạc giữa cánh đồng, lạc giữa những xa xăm thời gian, thuở bạn bè còn mặc quần xà lỏn ở trần trùng trực phơi nắng phơi sương. Chúng bạn đã lớn khôn, riêng những chú châu chấu thì vẫn hồn nhiên búng lung tung tùng bước cầu vòng. Tôi chộp lấy một con châu chấu, chợt như nắm phải chính tuổi dại của

* Hoa trinh nữ là cách gọi thi vị hóa của hoa Mimosia Pigra, thuộc họ Mimosaceae, khác với Mimosa vàng ở Đà Lạt, còn gọi là cây keo bạc, tên khoa học là Acacia dealbata.

mình. Mắt cháu lanh lánh cười rơi một giọt nắng gọi quá khứ trở về. Trong nắm tay bây giờ hình như đôi cánh cháu đã khép lại và còn mê man chút dĩ vãng. Tôi biết, cả tuổi thơ của mình cũng vậy, chỉ khép lại thôi chứ chưa hề mệt nhoài.

Buổi chiều đứng nhìn cánh đồng, nơi gắn với những kỷ niệm áu thòi. Con đường nhỏ len lén bay lên một làn khói trắng bùa đốt đồng. Người quê coi rơm vụ lúa hè – thu là rơm iú, không tốt, nên đem rải ra giữa ruộng làm phân hoai cho vụ sau, hoặc châm lửa đốt đi cho sạch ruộng. Ngọn khói chiều thu đưa tôi về những ngày xưa, với cuống rạ nghẹn ngào. Ngày trước, cứ xong vụ lúa này thì người ta lật đất lên luống để trồng khoai lang hoặc khoa tía. Gốc rạ được ủ hoai trong luống đất vừa để cho đấttoi, lại vừa làm một thứ phân. Ngày đó rạ rơm rất quý, người quê bảo có hạt gạo rồi cũng phải lo cái náu. Thế nên gặt lúa xong vài bùa sau lại đi bứt hết cuống rạ về cất dùng làm chất đốt.

Trở về làng vào mùa trăng chín, những hạt lúa vàng cũng đã về nhà nghiêng mặt tựa vào bồ. Đêm còn lại lát trăng mỏng như mâm ngọc ai đó vừa ném lên sau lế cơm mới, cứ chênh chênh phả ánh sáng xuống.

Ở làng còn sót lại một vài thằng bạn nặng lòng với quê không nỡ ra đi, thế là lại kéo nhau ra đồng ngắm trăng nhấm nháp rượu trăng. Bên gốc rạ, qua câu chuyện tâm tình, bạn bè cứ già đi trông thấy. Đang nói

đi mô cung là vì áo cơm chứ không bằng ở quê. Xăm thì nhất nhất quyết chí chồn chân nơi mảnh làng bé nhỏ này, vui thú điền viên. Hai người bạn như hai gốc rạ, cắm rẽ vào đất quê.

Mùa thu này tôi về quê, gặp lại gốc rạ gặp lại bông hoa gặp lại những ngày qua, tôi thấy mình như thân lúa bé nhỏ, phần ngọn có khi vứt đi rồi mà gốc rạ vẫn còn bám vào đất này.

Hạt
lúa
sau
mùa

Năm ấy thời tiết miền Trung thật lạ, đến tháng Chín âm lịch rồi mà vẫn không có mưa gió triền miên. Nhiều người bảo tiết trời thế này có khi làm thêm một vụ lúa nữa cũng được. Nhưng chẳng cần phải gieo thêm một vụ nữa, lúa vẫn trổ hạt đầy cánh đồng. Sau vụ mùa hè – thu gặt hồi tháng Sáu, các gốc rạ đã ngoi lên chen, với thời tiết tốt, đến tháng Tám lúa cho hạt. Người Quảng Trị gọi đó là *lúa chét*.

Về các vùng quê Quảng Trị dịp này, dễ thấy trên các cánh đồng lúa đã sây hạt thêm một vụ nữa. Các bà, các chị khom lưng bứt lúa chét. Có thêm vài cô bé chừng mười tuổi cũng ra đồng phụ bứt lúa chét cùng các bà các mẹ. Vì lúa chét mọc thưa nên phải ngắt bằng tay hoặc cầm liềm để bứt mà không phải dùng vằng.

Tôi cầm máy ảnh để ghi lại mấy bức hình. Bà cụ nói mệ bòn lúa chét chớ có chi mà chụp chú ơi. Bà cho biết, đi bứt lúa chét mỗi ngày cũng chỉ được chừng chục mười lăm lon lúa thôi, ít ỏi lắm nhưng thấy nó ra hạt “đỏ” đồng, không bứt thì tiếc, thôi kệ bòn cho giòn. Thế mới biết người nông dân coi hạt lúa là hạt vàng, quý trọng và chắt dành chừng nào.

Một bó lúa mà bà cụ gặt xong để ở bên chân ruộng, thấy hạt căng mẩy và không bị xếp dẹp, giống như gặt được lúa mùa vậy. Tuy nhiên, cái cục của bòn lúa chét là không có máy thổi (máy đập lúa), vì cứ xong mùa thì các máy thổi đều được cất bảo trì. Người bòn lúa chét phải ôm lúa bứt được về nhà, để ở góc sân rồi dùng chân xát để hạt rơi ra khỏi ngọn lúa, đấy là kiểu thu lúa thủ công cách đây hai chục năm.

Lúa chét mọc lên từ gốc rạ một cách tự nhiên, người nông dân không hề bỏ công chăm sóc, không bón phân đất nước, không phun thuốc phòng bệnh, thế mà cây lúa vẫn cho hạt căng mẩy. Như một thứ phần thưởng hậu hĩnh mà thiên nhiên và mẹ đất ân sủng cho nhà nông cơ cực. Cũng nhờ không bón phân hóa học nên nói như người nhà quê, lúa chét ăn rất dạn miệng.

Để xay được hạt gạo từ lúa chét, thật không đơn giản. Hạt gạo trong lúa chét bị vỏ trấu bọc rất kỹ. Trước hết phải đem lúa hấp cách thủy, rồi đem ra phơi nắng cho lúa khô khén. Sau mới đem đi xay được.

Kỳ phu và ít ỏi, thế mà người quê thường để dành gạo này đến mùa đông đem ra rang cối... ăn chơi vui. Gạo được cho vào chảo dầu nóng, rang tới khi vàng rộm thành cối, rồi ngọt ngào đường hoặc chiên với nước mắm ớt. Những đêm mưa lạnh, cả nhà ngồi quanh dĩa cối vàng rộm, ăn vừa giòn vừa ngọt và cảm nhận được vị sữa lúa béo bùi. Hạt lúa sau mùa đã chắt chiu dành dụm cho người một thứ quà quê.

Ngồi
dưới
thềm
trăng

trở về với quê trong mùa hạ, tựa đầu bên nhau ngồi dưới thềm trăng. Vui sướng biết mình có một quê nhà, giống như cái trăng có một bến Rầm, để sáng, để hồn nhiên và cả để nũng nịu với người thương.

Có một tặng vật của thiên nhiên dành cho làng quê, đó là trăng. Và mùa hạ là lúc trăng “chín”, mọng vàng lắc lèo bên trời. Người ở quê không dư dật về vật chất, nhưng họ có một vầng trăng cho đời sống tinh thần. Dù một ngày lao động mệt nhọc đến đâu thì đêm về vẫn dôi dả một khoảng thời gian và tha hồ bầu không gian tĩnh tại, thanh bình đến đắm say.

Vào những ngày thu hoạch vụ lúa, bữa cơm của mọi nhà hầu như đều muộn hơn. Cơm canh dọn ra nơi thềm hiên. Có chai xì để tráng cho ba ngồi thông chân nhấp một ly chống mỏi và ngon miệng. Tô nước luộc rau trong xanh như hồ thu vắt mùi chanh thơm sóng sánh ánh trăng.

Buổi tối tĩnh từ bữa cơm chiều. Và ngay từ lúc ấy, trăng bắt đầu làm nhiệm vụ của mình là soi sáng thay đèn. Hơn thế, trăng còn giống như một thứ gia vị, nêm

thêm vào cho thức ăn mỗi thứ một ít. Cơm sẽ dẻo hơn, canh sẽ ngọt hơn, cá đồng kho thấm thía hơn và chén rượu cũng nồng hơn.

Dường như cái oi nực một ngày miền Trung đã không còn nữa, trời dịu hẳn. Trăng lên cùng với ngọn gió phảng qua. Phây phẩy mùi hương rạ đồng.

Nhưng có lẽ cái trăng dễ thương nhất, tình tứ nhất là khi đôi lứa ngồi bên nhau. Ở quê, cứ đến tuổi đôi mươi, thanh niên có trò đi tán gái. Vài ba chàng trai cùng đến nhà một cô gái. Sau một thời gian tán tỉnh, lần lượt từng chàng tự động rút lui. Chỉ còn lại một người được nàng thích. Đó là người sẽ cùng ngắm trăng với nàng vào những đêm đẹp nhất.

Thật không còn cảm giác nào tuyệt vời hơn cái lúc họ ngồi tựa vai nhau bên thềm hiên, khi ánh trăng đổ vàng một góc vườn, rung rức mùi lá hương hoa quê nhà. Một chút lảng mạn tuổi đôi mươi, một chút thánh thiện buổi đầu chạm vào nhau. Một chút kiêu sa khi trăng chảy tràn lên mái tóc, một chút e dè dịu dàng lúc trăng núp dưới khuôn mặt cúi xuống của nàng. Tình yêu, cái gì cũng chỉ một ít nhưng gom lại thật đầy.



Theo mỗi mùa trăng, người quê lớn lên. Rồi có khi chính họ lại muốn thoát khỏi mảnh làng nghèo ấy. Họ vô tình bỏ quên ánh trăng để đến với những ngọn đèn

đường, bỏ quên cái thanh bình để tìm tới sự đô hội. Để một hôm thèm sự dân dã, dịu dàng, thơ mộng, chợt nhớ ra còn có một thèm hiên ngồi đón trăng về.

Những
cánh
xuân
trong
nắng

t háng Ba, những chiếc lá đã định vị sau mùa trổ lộc, dăm loài hoa đại đồng loạt nở trên nền cỏ. Thiên nhiên dường như đi vào kỳ ổn định và chúa xuân vừa làm xong nhiệm vụ kiến tạo. Khi ấy, trong rói nắng nguyên sơ, những loài có cánh mới bắt đầu bay lượn dạo chơi trong mùa tình đắm say của chúng.

Một ngày mới bắt đầu, không phải từ tiếng gà mà là tiếng chim sẻ ríu ran trước ngõ. Ngay dưới tán cau nhà tôi, chừng ba con sẻ ló đầu ra rồi nhanh chóng quay vào tổ. Độ này, loài sẻ không vội đi kiếm ăn, chúng luôn dành một khoảng thời gian đầu ngày để tụ lại và chuyện trò. Đây là thú sinh hoạt rất chân quê. Người làng từ bao đời vẫn thế, giêng hai nhàn rỗi, buổi sáng pha một ấm nước chè ngồi chơi. Chim học theo người và làm nên một nếp sống phía trên kia. Lát sau nắng lên, từng chú sẻ lần lượt rời khỏi cuộc mạn đàm để bắt đầu công việc ngày mới: kiếm ăn và đi tìm bạn tình.

Chim sẻ bay không cao và bao giờ cũng làm điệu bộ bằng cách đánh xòe tất cả lông cánh giữa trời. Đến khi về gần tổ, chúng lội ngược từ phía dưới thấp dọc theo thân cây cau và chui vào bẹ lá. Có khi chúng đậu rất lâu

trên xòe hoa cau và thường thức chút hương thơm còn đọng lại đêm qua.

Những lần đứng ngắm cánh sẻ ra vào tổ và hồn nhiên tắm nắng xuân, tôi lại nhớ về những ngày ấu thơ mới đây thôi mà đã vội qua. Có những buổi trưa cùng Sum đi dọc lùm tre làng rình bắt chim. Hai đứa đi suốt buổi chặng bắt được con nào, chỉ để thỏa mãn tính hiếu kỳ mà thôi. Sum vẫn hay nhắc lại chuyện này như một kỷ niệm không bao giờ quên được.

Nhẹ nhàng và mềm mại hơn là loài bướm. Trên những thảm cỏ xanh, bướm bay tà tà vừa chạm hờ ngọn lá. Có khi chúng đậu rất lâu giữa vùng hoa đợi đến nỗi cứ ngỡ đấy là một bông hoa hai cánh.

Với vũ điệu nhịp nhàng của mình, bướm vàng làm nên một giấc mơ ban ngày, áo thực lẩn lộn. Thuở xưa, Trang Tử nằm mơ thấy mình hóa bướm vàng, tỉnh giấc thấy mình là người, bâng khuâng tự hỏi mình là người hay bướm. Cứ như chính bướm được sinh ra để làm cho cuộc sống của con người bớt đi những toan tính. Và nhìn ngắm cánh bướm để nhận ra cuộc đời là hú ảo phù du mà thôi. Nhưng chính cái số phận ít nhiều mang tính truyền thuyết ấy đã giúp bướm bất diệt. Ngày trước, lũ học trò từng bắt bướm ép vào trang vở là thế.

Mùa này, đi dọc con đường làng rất dễ bắt gặp một đàn độ dăm bảy cánh bướm lượn lờ trên cỏ và bay theo đường đích dắc trớ nhau. Thậm chí nơi những khóm

cỏ hiếm hoi trên phố, bướm cũng vờn bay dung dị bất chấp sự ồn ào náo nhiệt. Có một buổi trưa, khi đang ngồi quán cà phê ven sông Thạch Hãn, tôi nhìn thấy từng tràng bướm bay từ phía trong bãi hoa màu ra mép nước. Mường tượng tới cảnh người ta đem hoa ra thả để tri ân những liệt sĩ nằm xuống mỗi dịp lễ lạc. Và không cần phải đợi đến lễ lạc, chính mùa xuân cũng đã gọi bướm về dâng hoa vàng biết ơn.

Loài bướm rất dạn dĩ, nếu ta đưa tay chộp thì nó bay đi nhưng chỉ lát sau thôi đã quay lại. Trên cánh đồng quê nhà, đã bao lần trong tuổi thơ của mình, chúng tôi từng thi nhau đuổi chộp bướm, thế mà qua mươi năm, loài bướm vẫn còn lưu luyến nơi đây. Có lẽ điều đáng trân trọng nhất của loài bướm là thứ tình cảm sâu nặng với quê hương cỏ dại. Biết ơn và keo sơn.

Ở làng, có rất nhiều loài bướm cùng về vào độ cuối xuân, song, tôi vẫn thích thú nhất với loài bướm vàng nhỏ nhắn dễ thương. Dầu chưa lần nào bắt được, nhưng sao mỗi lần gặp lại chúng, tôi vẫn cứ ngỡ làn phấn mỏng trên chiếc áo hoa điệp ấy đã bồi đắp cho cả một khuôn mặt kỷ niệm. Và sắc vàng non như báo hiệu cuộc trường xuân mãi mãi của tuổi hồn nhiên.

Khác với bướm, chuồn chuồn tham gia cuộc chơi mùa xuân một cách lặng lẽ và cô đơn. Tưởng chừng chuồn rất nhàn rỗi thong thả, bay thì chậm dừng thì lâu. Đôi cánh chuồn luôn căng ngang để cân gió, cũng là để hón hở khoe thêm một đôi tà áo lấp lánh công chúa.

Mỗi khi đậu, chuồn soi mình xuống lá và ngô cánh bóng của mình là một chú chuồn nào đó, rồi ngộ nhận đây là một người tình cho cuộc dừng chân. Tôi nhận ra rằng, chuồn là loài yêu mình hết nỗi, một thứ tình yêu ngây ngô trẻ con mà thuở còn nhỏ chính tôi cũng từng chạy đuổi cái bóng đổ trên sân.

Buổi trưa, nắng có nhạt đi đôi chút và gió vờn xao nhẹ. Nghiêng đầu nhìn qua khung cửa sổ, trước mắt tôi là cánh đồng xanh, từng cánh xuân vẫn lượn bay chập chờn. Thuở nào bạn bè ấu thơ cũng đã từng dành trọn những buổi trưa để đuổi bắt mộng mơ như thế. Đấy không phải giấc chiêm bao, mà là quê hương đã thăng hoa trong tâm hồn người.

Đất
nở
hoa

*g*iữa quê nhà, hoa lặng thầm nở, hoa ấy không tỏa hương nhưng biết rủ rê trẻ con bằng cách đánh vào sự hiếu kỳ ngây ngô. Đấy là những loài hoa mọc gần đất, gần đến nỗi tôi hồ nghi nghĩ rằng chúng không phải hoa của cây mà là hoa của đất.

Tuổi thơ đi qua, nhớ lại những cánh hoa mỏng manh như để gửi lời cảm ơn chân thành. Chính nhờ cỏ cây lá hoa mà tôi không phải tủi thân về sự cô đơn trong những ngày tất cả người thân ruột thịt đều chạy chợ hoặc ra đồng. Hoa nở ra trước vườn nhà, sau ruộng nương, chỉ cần bước qua khung cửa là tôi có ngay người bạn tên Hoa để chơi. Cả một miền quê dệt gấm cỏ xanh rồi thêu hoa thơ dại như thể lộc trời ban tặng xuống đây. Hoa đất nhạt hương và hiếm mật, vậy nên chúng không quyến rũ loài bướm hay chuồn chuồn, có lẽ đấy là những loài hoa dành riêng cho con trẻ mà thôi.



Hoa mười giờ hồng thắm và có một bố cục xếp cánh chặt chẽ. Mỗi cánh hoa mang hình của một cánh bướm đieg màu. Lối khai hoa của nó cũng bất ngờ như cách

xòe cánh họ nhà bướm. Độ gần trưa, chỉ cần nắng vỡ nhẹ thì tất cả búp bất ngờ bung ra đồng loạt. Nếu chạy đi đâu đó một chút rồi quay trở lại thì cả vườn hoa đã loát hồng lên. Từ đó tôi gọi hoa mười giờ là hoa của sự bất ngờ. Cái bất ngờ như nụ hôn của gã lưu vong từ độ nào trở về gặp lại người tình xưa cũ, chưa nói năng chi cả đã vồ lấy đôi má muồi duyên.

Tấn ở làng Võ Thuận là người bạn học cùng tôi thuở nhỏ. Hồi ấy tôi vẫn thường qua bên kia đê vào nhà Tấn chỉ để ngắm một con đường với rất nhiều dây hoa dại tràn lan từ trong sân ra tới tít ngoài ngõ. Những cọng dây mười giờ bò sam sam, tranh nhau đan chéo hai bên lối đi. Tấn dẫn tôi vào nhà rót một cốc nước lọc uống cho đỡ khát, khi quay ra thì con đường đã đỏ hồng lên giữa nắng cận trưa. Tưởng chừng hoa mười giờ rất lép lỉnh, nó không chịu nở khi người ta đứng nhìn. Có thể đây là một cái mèo tồn sinh nào đó trong giới thực vật, bí mật để được hòa đồng vui vẻ. Cũng như con người luôn giữ cho mình những điều sống để bụng chết mang theo chứ nói ra thì sợ mất lòng. Tấn lột từ đất một dây nhỏ đưa tôi: "Mi cầm về mà trồng, chỉ vài bữa nữa là nó lây ra hết, coi chừng nhổ bỏ không kịp". Tôi đem dây hoa ấy về giâm xuống vườn nhà mình, đến khi có bông đầu tiên nở thì người tôi muốn báo tin chính là Tấn. Tôi băng đê chạy ngay vào Võ Thuận thì biết tin Tấn đã đi tu, con đường trước nhà tịnh nhiên không còn một dây mười giờ nào cả, trước ngày vào chùa Tấn

đã dọn dẹp sạch những dấu tích đã hương tràn tục. Đi tu là đi bất ngờ, Tán đi tu hoa mười giờ cũng tu. Người ta lấy hương hoa ướp kỷ niệm của mối tình đầu thường hay dang dở, còn tôi dùng sắc hồng cánh mười giờ để tươi thắm một tình bạn ấu thơ chưa kịp tạ ơn.



Lan đất lại đẹp theo kiểu kiêu sa. Mỗi bông hoa chỉ từ năm đến mười cánh thôi và chúng ghép rất điệu, tất cả cánh rủ nhau chụm lại dưới cuống rồi đâm tỏa ra, trông vào cứ y như chiếc loa phát thanh.

Cánh hoa nhỏ và vuốt thon y hệt móng tay. Trẻ con mỗi đứa ngắt một bông lan đất chục cánh, rồi lại thấm nước miếng vào mỗi cánh hoa và dán lên móng tay mình để trang điểm cho trò chơi đám cưới giả. Lớp phấn mỏng ở phần đuôi cánh lan đất chính là nước mật *glucozo* đã bị nắng sấy khô nên khi thấm nước bọt vào thì nó dẻo dính như keo dán.

Có thể nói lan đất là công chúa trong hoàng cung diêm hoa ở quê nhà. Bởi lẽ, khi mà tất cả các loài hoa khác đều ít nhiều mang vẻ quê mùa cục mịch thì lan đất sang trọng đến tuyệt đối. Nó thanh túc ngay từ cuống hoa, vuốt thon và gióng thẳng đầy uy quyền. Cánh hoa trông rất sạch sẽ và tươi mát mịn màng như da những nàng khuê các. Con bé hàng xóm mà dán cánh hoa giả móng tay là mấy đứa lại trêu ê ê đí chưa tè.

Những thằng con trai làng lớn lên, đứa nào cũng đòi lấy được vợ đẹp và sang trọng. Chợt nhớ lại trò của con bé hàng xóm ngày xưa mà thương. Khát vọng làm đẹp là một nhu cầu chính đáng của nữ giới, cũng như hoa lan đất trong ký ức tôi đã tự biết hoàn thiện vẻ đẹp của mình giữa miền đất quê nhà vốn không có sẵn phấn son lụa là.



Đối với hoa, người ta hay dùng chữ thường. Thường chỉ là thường lâm vẻ đẹp bằng mắt hoặc thường thức hương thơm bằng mũi, ít khi được thường vị tính của hoa bằng lưỡi. Hoa me đất có thể giúp ta cảm nhận đầy đủ nhất cái tố chất nội hàm của nó bằng cách nhai và nếm. Cây me đất thuộc loại rau, dùng nấu canh chua với cá com nên ở quê gọi là rau me để phân biệt với cây me thân gỗ to cao.

Mỗi cọng rau me chỉ có một chiếc lá gồm ba cánh xếp đồng phẳng ở đầu cuống. Mỗi cánh lá lại là một hình trái tim hai phần cân xứng. Trẻ con thường hái một chùm hoa me đất làm trò bán hàng, khách mua cứ tự nhiên bỏ vào miệng mà nhai. Hoa me đất đã giúp cho trò chơi ngày bé sinh động hẳn lên. Đi làm đồng xa, nếu khát nước chỉ cần nhai hoa me là toàn thân mát lịm ngay. Những bữa trưa mùa hè nóng nực, tô canh rau me đặt trên mâm cơm thật sướng con mắt. Hoa me đất gửi vị chua cho vị giác ấu thời, nên chi ai đi xa nhớ về cũng thấy cồn cào.

Một loài hoa nứa mà chỉ những ai đi làm đồng mới để ý. Hoa gọi tên theo cây cỏ nở ra nó. Mà, cây cỏ ấy lại có tên rất khêu gợi: cỏ bụ (tiếng miền Trung *bụ* là *vú*). Gọi là cỏ bụ vì thân cỏ mềm cứ như thể ở bên trong chứa sữa, da ngoài mỏng và căng lên. Cỏ bụ nổi trên mặt nước ở những cánh đồng thấp trũng ngập bùn. Lội xuống ruộng, đưa tay vớt đám cỏ bụ sẽ có một cảm giác mềm mềm ọng ọng rất mê. Mớ cỏ ấy vứt lên chân ruộng. Vài bữa sau nó sẽ nở hoa màu trắng như là sữa từ trong bụ cây cỏ đã úa ra rồi đông đặc lại thành hoa vậy.

Mỗi lần đi làm đồng, nhìn những bông hoa cỏ bụ lảng lơ đứng chào hàng, tôi cũng mê mẩn. Tạo hóa sinh ra mỗi người con gái chỉ có hai bầu vú, nhưng lại cho cánh đồng quê hương này vô vàn những nhú hoa nhú ra. Hoa cỏ bụ biểu thị cho sự phồn sinh ngồn ngộn của cánh đồng. Đứng giữa một buổi chiều với rất nhiều sự quyến rũ như thế, tay cầm cuốc cầm cày nhưng làm sao cầm được lòng mình. Chân nếu giậm phải gai thì hái một nhúm hoa cỏ bụ mà đắp vào vết thương.

Mùa lũ năm nào vẫn còn lưu lại nơi tôi một kỷ niệm về hoa cỏ bụ mà nếu không có nó, chắc tôi đã bị nhấn chìm trong nước. Ấy là khi lội qua chỗ ngập nước ở cánh đồng Bàu để sang cồn hái trái phượng trời cùng Cưng. Hai đứa men theo đường chân ruộng có rất nhiều dây cỏ bụ. Những quả phượng trời no mắt khiến

tôi và Cưng ham hố hái thật nhiều, đến khi quay về thì nước đã dâng lên trắng cả quang đồng. Đường chân ruộng chìm sâu trong nước, tất cả dấu cỏ đã không còn thấy rõ, riêng cỏ bụi thì nhòe thân phao nên nó nổi lên được trên mặt. Tôi và Cưng lần theo những dây hoa cỏ bụi để về làng một cách an toàn. Chợt nhớ hình ảnh chú kiến đi kiếm ăn đã chấm những nốt chân vào đất đánh dấu con đường đi qua. Hoa cỏ bụi ấy đã thay tôi nở chấm quang đường rong chơi. Sau này, tôi biết dấu có đi đâu xa xăm thì những bông hoa ở quê nhà vẫn nhẫn nại làm cột mốc để tôi không lâng quên lối về.



Thời học trò xứ Huế, có lần tôi ở hẳn trong đó suốt một mùa xuân. Đến khi ra làng thì đã sang mùa hạ, tôi nghĩ rằng những cánh hoa dễ mến ấy chắc gì còn đợi chờ mình. Đêm trở về ngang qua cánh đồng lúa, trời tối mù, hoa mười giờ đã tàn từ chiều, lan đất cũng vừa đi ngủ, bông cỏ bụi cúi đầu nằm mơ, hoa me đất đã bớt chanh chua rệu mật thương nhớ. Tôi không nhìn rõ được một sắc cánh nào cả nhưng vẫn mường tượng ra tư thế nghỉ ngoi và cảm được hồn hoa như đang vẫn vơ đâu đây. Con đường chạy từ đầu làng băng qua cánh đồng như nao nao một “lối xưa xe ngựa hồn thu thảo”.

Tục ngữ ví von người ta là hoa của đất. Hay nói ngược lại, những bông hoa nở ra từ đất cũng mang

dáng dấp của con người với tất cả tình cảm yêu thương
giận hờn và khát vọng thể hiện mình. Chỉ vài cánh hoa
mong manh giản đơn ấy thôi, nhưng thiếu chúng, tôi
nghĩ, tuổi thơ mình sẽ hụt hengo rất nhiều.

Bầu

eo

neo

lại

hồn

quê

trở lại quê nhà sau mấy năm xa cách, điều làm tôi sững sốt hơn cả là bên cạnh cái hiện đại, thì những nét quê xưa cũ vẫn không hề mất đi. Thậm chí tôi còn gặp được những thú tưởng chừng như lâu lăm rồi, trước khi mình sinh ra nứa, mà nay được tái sinh. Đêm đặt chân về lại đất làng, chợt nghĩ còn có viện bảo tàng nào bền vững hơn thế. Quê nhà là nơi lưu giữ cho người ta mọi thứ, cả vật thể và tinh thần.

Hồi nhỏ coi phim *Tây du ký*, cứ ngỡ rằng trái hồ lô (bầu eo) là một thứ giả tưởng, làm gì có loại trái như thế, hoặc nếu có thì chỉ ở bên Tàu. Mai đến nay tôi mới được chứng kiến tận mắt. Mà không phải ở đâu xa lạ, ngay chính trên quê nhà thân yêu của mình.

Không biết ông nội lấy giống cây ở đâu, đem về ươm và trồng một giàn sau lưng nhà. Đến mùa ra quả, những trái bầu thắt eo thông xuống duyên dáng. Mẹ nội nói cái thứ quả không ăn được ông trồng mần chi? Ủ, không ăn được thì trồng chơi vậy thôi, quả hái làm quà cho người ta đem về, cũng chỉ để... chơi. Ai đến thấy ngờ ngộ cũng hái một quả mang về.

Cuối mùa sây trái năm ấy ông chỉ chừa lại hai quả, đem móc trên chái bếp. Vài būa sau trái hồ lô khô. Màu khói rơm hun vào khiến lớp vỏ vàng sẫm và bóng lên như chiếc bình cổ. Dưới mái bếp, hai trái bầu lắn giữa những chiếc mùng mệt đã bám đầy *mồ hóng*. Mồ hóng ấy như một chất keo bảo vệ cho các loại vật dụng bằng tre nứa ở quê, và cũng nhờ thế nên lớp vỏ trái hồ lô móc mấy būa thì cứng sừng lại, cất giữ được đến tận mấy năm sau. Ông moi hết phần ruột ở trong. Làm thêm cái nùi gỗ đậy phía trên. Phần bầu dưới thì đan một cái so bằng tre lồng vào. Thế là có cái bình đựng nước chè. Mỗi khi đi làm đồng, rót nước chè vào bình và mang theo ra đặt trên chân ruộng.

Ngày trước, mỗi nhà đều có một chiếc bi đồng đựng nước mang ra đồng. Có một câu vè châm biếm về sự lười biếng uể oải thế này: Tư tưởng không thông xách bi đồng cũng nặng. Böyle giờ không thể tìm thấy một chiếc bi đồng nào như ngày xưa nứa. Thì đã có bình hồ lô. Có lẽ nếu cái anh chàng nhác nhở trong câu vè mà vác bình hồ lô chắc sẽ không cảm thấy nặng đâu, vì chính cái sự ngô ngộ đáng yêu của nó đã làm cho người ta thích lao động hơn. Vật dụng phục vụ cho công việc đôi khi lại có ảnh hưởng lớn đến tinh thần người làm. Chẳng hạn ngày xưa đi cày trâu, người quê cầm một chiếc roi đuối (dây cuốc cứng) để quất vào lưng trâu. Dần dần bà con thấy cái roi nó ra vẻ uy hiếp quá nên

bây giờ chỉ dùng roi tre, thậm chí không cần roi nữa mà chỉ dùng tín hiệu *tắc rì họ*...

Mùa gieo lúa vụ đông-xuân mới đây, tôi ra đồng giữa buổi để coi ruộng nhà mình, ông nội đã ra đồng ném giống từ sớm. Đến ruộng, thấy bình hồ lô nằm nghiêng mình tựa vào lớp cỏ xanh bên vệ đường. Cứ như thể người nông phu nào đó trong một buổi làm đồng ngày xưa đã bỏ quên lại chiếc bình màu cũ và sót lại cho đến hôm nay. Một điều gì xưa rất xưa đã trở về trên lớp cỏ xanh tươi còn đầm sương sớm.

Ném nốt thúng lúa giống, ông lên bờ, ngồi bệt xuống vệ cỏ và thong thả cầm bình nước lên uống. Hả hê một ngụm chè xanh, tan hết tất cả mệt nhọc. Tôi nhận ra cái vẻ sung lon của người đi lên núi tìm sâm, sau những cuộc trèo đá gian nan nay ngồi xuống dốc ghềnh và tu một ngụm rượu từ chiếc bình bầu eo mang theo.



Bảo là một người bạn ở làng, cùng tuổi với tôi. Mới ngoài hai mươi nhưng đã nhiễm một ít cung cách sống của bậc cao niên, ví thử cái thú uống trà hoặc đam mê chơi cây cảnh. Ở góc vườn, Bảo trồng một giàn hồ lô, lá đã phủ gần kín phen tre. Chỉ vài bửa nữa là có quả rồi đấy. Bảo nói và mắt mơ màng tưởng đến những dự định sau mùa quả sắp tới. Bảo có khiếu viết thư pháp. Rồi đây có thể hắn sẽ thảo chữ nét chữ mềm mại phóng

túng lên trên lớp vỏ hồ lô sau khi đã sấy khô dưới nắng. Hoặc sẽ dùng chiếc bình ấy rót rượu vào và mang lên trên đê ngồi uống cùng bạn bè ở làng trong một đêm trăng mùa hạ tối đây.

Bảo dẫn tôi đến phía thềm sân khác, bên cạnh cũng là một vườn cây kiểng. Ở đấy đã có một lu to chứa nước. Bảo làm thêm chiếc gáo từ trái hồ lô dùng để múc. Cắt lấy phần eo dưới trái hồ lô, gắn vào đáy một thanh tre làm cán, thế là có chiếc gáo. Mới trông vào cứ ngỡ là chiếc gáo dừa, nhìn kỹ mới thấy được cái miệng thắt eo duyên dáng và lớp vỏ láng nhẵn. Nước trong lu vắt ngắn, soi rõ nguyên hình cán gáo và tán một cây cau cảnh bên cạnh. Tôi thật sự bất ngờ trước ý tưởng sáng tạo đầy vẻ dân dã của một thằng con trai làng. Và thêm một lần nữa trân trọng người bạn mộc mạc. Hình như trong con người ấy có một thứ tình yêu đối với làng quê sâu nặng.

Tối hôm đó tôi ngồi cùng với Bảo bên góc sân dân gian ấy, pha một ấm nước trà nhâm nhi. Trăng hạ huyền đậu đầu cán gáo. Tưởng tượng ra hình ảnh một cô thôn nữ ngày nào đang xõa tóc tắm trăng đêm. Ai đó có ý thương nàng nên thả vào mặt nước một vài cánh hoa hường chót đỏ mỏng mảnh, phấn hoa tan ra tỏa hương thơm cả một góc vườn. Nàng cầm chiếc gáo hồ lô múc từng ngụm nước trong lu, rồi nghiêng cán cho nước lăn chầm chậm theo suối tóc. Nàng cứ tắm như thế cho đến khi mảnh trăng nhô cao, sáng vừa soi thấy

những đường cong thiếu nữ thì thôi. Hình ảnh ấy biến mất ngay tức khắc, chỉ còn dài sáng tóc trắng vắt bên cán gáo. Và hương thơm cánh hoa hường thì vẫn vương vấn quanh chỗ tôi và Bảo đang ngồi.

Lâu lắm rồi mới có lại một không gian cổ cội, cả cái hương xưa hồn cũ nứa chứ. Mà cũng đơn giản dễ dàng thôi, bỏ ra chút ít thời gian, chịu khó suy nghĩ sắp đặt là chạm phải ngày xưa tưởng chừng đã mất đi mãi mãi. Ôi, đúng là “với tay khơi nhẹ hương ngày cũ, mường tượng như mình ngộ cố nhân” như câu thư pháp mà Bảo đã viết và treo trên tường kia.

Uống cạn chén trà, liếc sang cái gáo của bạn, tôi lại nhớ chiếc bình hồ lô hôm nào trong phim *Tây du ký*. Trái hồ lô ấy có thể thu phục và nhốt Tôn Ngộ Không vào trong. Còn trái hồ lô của chúng tôi, có lẽ sẽ gói lấy tâm hồn những người con của làng và neo lại phía quê hương.

Còn
ai
múc
nước
giếng
quê

Ngày xưa, mỗi làng có một cái giếng chung, người dân đến đó gánh nước về dùng. Dần dà mỗi nhà cũng đào được một cái giếng. Rồi đến nước giếng khoan ống bom lên. Đến bây giờ, một số vùng quê đã được đấu nối ống nước từ thành thị về. Nước có sạch hơn, tiện hơn, nhưng có lẽ cái vị ngọt của nước sẽ không còn nguyên chất nữa.

Gần nhà tôi có một cái giếng cũ, thành giếng từ dưới lên đều xếp bằng gạch thẻ đất nung. Người ta quen gọi là giếng làng nhưng thực chất đấy chỉ là giếng của xóm. Qua năm qua tháng, thời gian điểm tên mình bằng thứ rêu xanh và ít cây rêu dương xỉ len mọc giữa các nếp gạch như một minh chứng kiên trì của sự trường tồn. Tôi vẫn nhớ như in, lúc ấy hầu như tất cả các gia đình trong xóm đều đến đây gánh nước về nấu ăn. Từ sáng sớm cho đến tận khuya, chốc chốc lại nghe tiếng gác chao nước xoang xoảng. Tôi thường ra giếng chơi vì ngoài đó lúc nào cũng có người.

Lú trẻ như chúng tôi cứ chiều chiều lại tập trung ra giếng ấy cùng nhau tắm. Tranh nhau chiếc gác gai múa

nước. Một gàu nước đưa lên là cả mấy đứa chui đầu vào. Dây gàu ngắn, trẻ con chúng tôi phải uồm cong, vắt thân mình vào thành giếng, chui đầu xuống dưới mới múc được nước. Khi múc, mấy đứa đứng sau túm giũ lấy thân cái đứa cầm dây gàu. Làm như thế mới khỏi bị rơi xuống giếng. Hóa ra, trong tuổi ngày dại của mình, trẻ con đã biết đến sự đồng lòng, chung sức.

Giếng ấy còn là nơi lú trẻ thường tụ tập lại để chơi như một điểm hẹn. Bên giếng có một bụi rậm với nhiều loại cây dại mà quanh năm hầu như lúc nào cũng đơm những trái nhỏ chín vỗ về con đói áu thơ. Khi thì quả mâm xôi đỏ vồng lên, lúc trái thuồng luồng tím, hay cây cam thảo đất ngòn ngọt. Có thể nói những thứ hoa quả dại ở quê nhà là “lương thực” cứu trợ sau mỗi buổi đến lớp, trên đường về, thế nào bọn học trò cũng hái ăn. Chúng tôi hái những trái mâm xôi đỏ lựng và ngọt lịm, nếu không có trái thì bẻ láy đọt cây, bóc lớp vỏ mỏng ngoài, tựa lưng vào thành giếng và nhai một cách ngon lành.

Giữa chặng đường tôi đi học hồi cấp một, có một cái giếng của làng Dương Đông, ở đấy luôn để sẵn một cái gàu cho người nhô đường khát nước. Những trưa hè nóng nực, đường về nhà thả bộ tuồng như xa lăm, chúng tôi thường tụm lại múc lên làm một ngum cho đỡ khát rồi mới đi tiếp. Mùa đông, sau khi vượt qua đường bùn nhơ băng qua cồn Bạt, chúng tôi lại múc nước giếng để rửa chân cho sạch rồi mới tới lớp.

Có thể nói giếng làng là một tài sản chung của mọi người, về cả vật chất và tinh thần. Đôi khi đây là nơi hò hẹn của mấy o mấy chú. Chỗ này thoảng đãng, gấp gỡ không sợ điều tiếng dị nghị, lại lấy đó làm cái cớ rằng chúng tôi ra đây là để múc nước thôi. Chàng bước tới, rụt rè như sợ trơn trượt. Trong khi nàng đỏ mặt cúi xuống kiểu giả vờ mượn giếng làm gương soi. Một nhà thơ Quảng Trị đã viết rất duyên về cái tình tứ bên giếng ấy. “Em ra giếng gánh nước trong/ còn tôi ra giếng để không làm gì?*”.

Nhớ hồi nhà chưa có giếng, buổi tối mạ tôi vẫn thường gánh một triêng rau ra giếng làng, múc nước lên rồi dùng tay vẩy vẩy cho rau tươi để sáng mai đem ra chợ bán. Nước giếng trong vắt và hình như có chút sắc tố gì đó làm cho rau tươi xanh thêm. Nước ấy đem đun sôi để pha chè tươi thì nước chè cũng xanh và đậm đà. Có lẽ người xưa chọn đào giếng làng ở nơi đất tốt, hẳn vì thế mà những làng nào có cây đa bên giếng thì đều tốt tươi. Và một điểm đặc biệt nữa là những khi hạn hán, thì giếng làng vẫn luôn sẵn nước.

Đến năm 1993, nhà tôi mới đào được cái giếng riêng. Ngày đào giếng ông nội làm lễ cúng rất chu đáo. Ông nói vì làm bất cứ việc gì mà đụng chạm đến đất đai đều phải cúng, như kiểu xin phép thổ thần. Những nhà trong xóm cũng đều đào cho mình một cái giếng ở phía

* thơ Nguyễn Văn Dùng

gần bếp. Người ta đúc bốn ống bi tròn và lún xuống đất chứ không xây giếng vuông nữa. Phải công nhận người quê ít học hành nhưng giỏi tính liệu. Trong toán học, nếu cùng chu vi thì hình tròn có diện tích lớn hơn hình vuông, và vì thế cái giếng tròn chứa nước nhiều hơn cái giếng vuông (đây là bài toán đo đất của nàng Titô trong huyền thoại Hy Lạp).

Ở quê, cái bếp và cái giếng gắn liền với người phụ nữ, họ quẩn quanh đấy. Ngày ấy thường có trò “gò” gái, là cách đi tìm người thương của đám trai làng. Sau bữa cơm chiều, các cô bung cái ấm trà ra chùi rửa xong đặt vào bàn để ông cụ tiếp khách, còn mình lại ra giếng, làm gì không biết cứ luẩn qua luẩn quẩn nơi thềm giếng ấy, một kiểu “trốn” rất phổ biến của con gái nhà lành. Đám con trai làng vào nhà, ngồi uống no nước và tiếp chuyện mỏi mồm với ông bà cụ. Chỉ chàng nào có ý mới tách riêng, giả vờ xin phép đi ngoài rồi bước ra giếng. Tựa lưng vào thành giếng, tay cầm cái dây gầu nán ná mãi mà người ta chẳng nhò múc miếng nào, thì cứ múc đại lên đổ vào chậu nước cho đầy tràn. Đêm nào có trăng lại thi vị hơn nữa, bóng trăng soi chéch rót ánh vàng vào chậu nước. Cô gái nhủ anh đừng có đổ nữa, để rửa cho trăng nó yên. Anh chàng giáo ngôn, nói mô có, anh múc trăng dưới giếng lên đấy chứ.

Giếng nước nhà quê không đơn thuần chỉ để lấy nước, nó còn thêm nhiều mục đích khác rất đơn giản nhưng thiết thực. Chẳng hạn, mỗi lần tắm người ta cọ

lung vào thành giếng hoặc dùng chính cái dây gùa vắt chéo sau lưng kéo qua kéo lại. Hay những lúc người chồng nóng nảy, đòi đánh vợ. Người vợ khôn khéo không cần chạy đâu xa, cứ vòng quanh cái giếng để tró. Người chồng đuổi ba vòng không bắt được tay, nguôi giận. Vậy là cái giếng đã gọi mát sự bức bối nhất thời. Nước giếng lại như một bình điều hòa, mùa hạ thì nước mát đến lạnh, mùa đông nước lại ấm như được pha thêm. Cái tiện nghi và thuần hậu của giếng là ở chỗ ấy.



Rằm tháng Tám năm nay, tôi có dịp dự lễ cúng làng, các cụ bàn chuyện tôn tạo lại giếng làng. Hậu bối như chúng tôi được dịp ngồi nghe các cụ kể lai lịch và những chuyện thiêng liêng liên quan đến giếng. Bây giờ, trong làng còn ba cái giếng xóm, lâu ngày không ai múc nên giếng bỏ hoang. Còn cái giếng làng nằm bên cồn Sanh thì đã bị lấp đi từ lâu, hồi nhỏ đến giờ tôi chưa hề thấy. Ban hương sự của làng dự kiến sẽ khai thông lại cái giếng chính ấy. Đây là một việc làm cần thiết và ý nghĩa, để những ai đi xa về cứ soi mặt xuống đáy, có khi thấy bóng mình in giữa bóng trời sâu thẳm, thầm giữa mạch nước quê nhà. Tu một ngum thật đã rồi ngửa cổ lên trời mà hỏi: Còn ai múc nước giếng quê?

Chao
nghiêng
âu
օ

tôi lớn lên lúc nào không biết, một hôm lạc chân đi xa lắm mới thấy mình không còn là đứa bé ngày xưa. Chợt thèm cái nũng nịu nằm nôi để mà nghe tiếng ru *ạ ời* của mẹ. Nhớ cái tiếng ru vừa buồn vì cái nghèo, thương vì cái tình. Nhà quê trọng nghĩa khinh tiền cung thầm vào trong lời ru ấy. Và mỗi khi có ai đó cất lên một tiếng dỗ con tôi đều thấy hình như mình cũng đang được dự phần.

Không biết cái tiếng ru có tự bao giờ. Nhiều lúc vẫn vơ vẩn tự nghĩ chắc nó có từ cái thuở xa xưa trước khi xuất hiện âm nhạc. Và phải chăng, đó là một thứ âm nhạc tiền thân, âm nhạc của lòng mẹ dẫn dắt trẻ thơ vào thế giới của thanh điệu. Tôi thích cái tiếng ru của mẹ của bà bởi chính nhờ tiếng ru ấy mà đất nước tôi là *đất nước của những nhà thơ*. Tôi yêu tiếng ru ấy bởi trong đó mẹ đã truyền cho con những gì rất đỗi bình dị nhà quê. Tiếng bà ấm áp *đu ơ* khi miệng đang nhảm nhèm trầu đỏ hồng, phả ra cái thơm thơm cay nồng vô về giấc trẻ thơ.

Dân tộc ta có một kho tàng ca dao tục ngữ phong phú, không phải dân gian sinh ra đó để trưng đâu, cũng

không phải để sách sử ghi lại là chúng ta có một kho tàng lớn. Ca dao dân ca sinh ra cho mẹ cho bà, rồi bà và mẹ truyền lại cho chị để mai mốt chị đi lấy chồng. Cứ thế, dân tộc ta có một cuộc truyền khẩu nối tiếp qua thế hệ, bảo tồn đến hôm nay. Những bà những mẹ những chị cứ lấy dân ca đó mà hát ru.

Tiếng ru thường gắn liền với tao nôi cánh vông. Thích hình ảnh mẹ ngồi đong nôi nũng nịu con. Hay dáng bà gầy còm ngồi bên cánh vông, tay cầm quạt vừa phây phẩy vừa hát ru cháu mỗi chiều thu. Một lần nữa hình ảnh những người phụ nữ hiện lên trong ý nghĩa bảo tồn văn hóa dân gian. Cứ mỗi khi gió phây phẩy, tiếng ru đâu đó vắng lại nghe thân thương đến lạ. Nhà tôi ở làng, quanh đó lối xóm thỉnh thoảng có cưới hỏi, vậy là vài tháng sau bắt đầu bật lên những tiếng nụt nịu con. Những tiếng ru cứ thế thay phiên nhau quanh năm ru bóng tre làng. Cây lúa đom đóm, hoa cải ngồng lên vụ cũng theo tiếng ru đó.

Ông tôi có nghề đan, thực ra là “vô nghề đan thúng, túng nghề đan nia”, người quê rảnh rỗi thường bày tre ra chuốt rồi đan lát cho qua ngày đoạn tháng nên thành ra nghề. Tôi cũng được ông dạy cho cách đan, cách lén vành và núc cước. Song, cái khoản đan nôi thì chưa bao giờ ông cho làm. Đan nôi thực ra không khó, giữa đan nồng mốt chốt rìa nong hai thôi. Ông không cho tôi làm là vì quan niệm tuổi tác. Đan nôi phải là người

đúng tuổi tự tay làm, như thế thì cái hơi ấm và phước đức của người đan sẽ truyền sang cho cháu.

Có một cô bé bên kia đê làng, tuổi với tôi, tên là Nhàn, tôi nhớ rõ vì Nhàn học chung với tôi từ mẫu giáo cho đến hết cấp một. Ông tôi kể lại, ngày Nhàn mới lên ba bốn tuổi là cứ chạy ra nhà tôi chơi, rồi ở lại nhà tôi mấy hôm không chịu về. Sau này, thỉnh thoảng Nhàn ra nhà chơi, ông tôi đều xem như cháu nội. Có lẽ cái hơi tay chuốt tre đan nôi đã truyền sang những đứa bé ấy, để rồi hạp hơi mà chúng quý người đan.

Mẹ ta xưa hát ru hay hơn bây giờ. Tình mẹ thì thời nào cũng như nhau, mẹ nào cũng thương con. Nhưng cái tiếng xe cộ đổi khác thì tiếng ru của mẹ cũng không còn như xưa được. Cái đó gọi là thời thế vậy.



Một góc nhìn khác trong tiếng ru, không ở phương diện mẫu tử tình thương mà lại là sự buồn tình. Chuyện này thường xảy ra ở làng. *Khổ nhất là lấy chồng xa/ đau nhất là nghe người ta ru hời.* Vết thứ hai trong câu ca trên gắn với vết thứ nhất mới hiểu đúng nghĩa, nghe người ta ru hời tức là người yêu mình đã đi lấy chồng và có con.

Có những người yêu nhau không lấy được nhau, đến khi người yêu mình đi lấy chồng thì ngậm bồ hòn mà ngọt. Ngày xưa, dựng vợ gả chồng thường đóng khung trong khuôn khổ làng xóm. Ấy vậy nên nhiều khi người

mình thương đi làm dâu cho một nhà rất gần. Rồi một chiều, nàng cất tiếng ru con thơ khiến chàng tủi thân. Tiếng ru đến đây đánh vào cảm thức của một người lớn chứ không chỉ là ru con ngủ nuba. Vậy là tiếng ru có hai tác dụng trái ngược nhau. *Ru con con ngủ cho muối/ để anh nghe được bồi hồi mấy đêm.* Trách cái tiếng ru kia cứ khiến người ta phải nao lòng.



Khi đã đi xa, vượt ra ngoài biên giới quốc gia, cũng đồng nghĩa không còn được nghe tiếng ru của người phụ nữ Việt. Song, cái tiếng ru ấy hình như vẫn văng vẳng đâu đây để trói buộc mình với vành nôi ngày xưa. Một chút bình dị quê mùa, yên ả mà ấm áp trong lời ru mẹ. Một thoáng tình trong điệu hò của cô bé hàng xóm nựng em. Rồi cả cái ngậm ngùi của anh trai làng tản ngắn buồn hiu hắt mờ tình xưa. Tất cả những điều ấy cứ nhắc tôi về một tiếng làng.

Nếp
tranh
xưa

buổi chiều, cỏ tranh dựng đứng lên xếp thành một lũy ở bìa làng. Ngay khi rẽ cỏ còn vương dấu đất, loài tranh đã tự biết làm phên chắn gió cho một cõi linh thiêng tục gọi cồn Mai. Trong ý nghĩ của người quê, cỏ tranh biểu thị cho sự ấm áp và đôn hậu.

Hồi ấy, trẻ con chúng tôi vẫn hay rủ nhau xuống cồn Mai chơi trò trốn tìm. Nơi trú ẩn kín đáo nhất chính là giữa lùm cỏ tranh. Ở làng, người ta đồn nhau rằng trong những bụi rậm thường hay có ma, trẻ con trốn vào đó rất dễ bị ma thu. Thế mà có lần quên, chúng tôi đã nhảy vào ngay giữa lùm cỏ tranh và nằm yên rất lâu. Tưởng như không còn sự yên lành nào hơn thế. Xung quanh, cỏ tranh phủ che hết những thân hình bé bỏng. Đến khi trở dậy để ra về thì trời đã xế chiều, nắng cuối ngày vàng cháy khiến màu đỏ của ngọn cỏ tranh như được ruồi thêm dầu để tia đi. Nét độc đáo của cỏ tranh là ở chỗ nó tự biết trang điểm cho mình.

Ông cụ họ Võ ở làng Võ Thuận hay ra cồn Mai cắt cỏ tranh. Nhiều lần tôi gặp cụ lung guí một cái trác tre, tay cầm liềm, tản bộ lặng lẽ như cái bóng của người

muôn năm cũ còn sót lại. Cụ bút một trác tranh đầy rồi gùi về nhà. Thời điểm ấy, người quê hầu hết đã lợp ngói, riêng cụ vẫn giữ mối thủy chung với mái tranh. Cụ nói đi loanh quanh cho giãn gân cốt chứ ngồi một chỗ, không vận động là chết liền. Lại nữa, nằm nhà mái tranh hay lăm, mùa hè thì mát, mùa đông lại ấm áp. Tuổi này gọi là tri thiên mệnh, phải biết tự thương mình chứ trời không ngó ngàng tới nữa. Đây là một kiểu kinh nghiệm trường thọ của người già. Hơn thế, cụ đã cho tôi được chứng kiến thêm một hình ảnh, một tấm lòng nặng nắc neo giữ hồn quê.

Năm 2004, tôi theo chú vào dựng mái ngói cho ngôi nhà mới xây của cụ. Cụ đã yếu đi nhiều nhưng vẫn ngồi trước sân, sắp từng tấm tranh nhẹ nhàng như thể sợ làm chúng đau. Người tôi gặp buổi ấy đã thành thiêng cỏ, cỏ tôi về bùa ấy đã hóa thiên thu, riêng hồn cỏ thì như còn mang hơi thở của Thiên Thai thuở Lưu, Nguyễn gấp tiên. Thuở ấy, tất cả những loài cỏ còn ngủ, riêng cỏ tranh (bạch mao) thì dựng lên làm nhà cho hai chàng chung sống với tiên nữ. Có lẽ đây là túp lều tranh lý tưởng đầu tiên của nhân loại. Và căn nhà của cụ Võ là túp lều tranh cuối cùng của vùng quê này.

Cỏ tranh sau khi cắt về được trải ra phơi cho nó hơi tiu tiu lại rồi mới đem bện. Người ta chẻ tre chuốt thành những sợi lạt dài chừng một sải tay. Sau đó gấp đôi sợi lạt lại và nhét từng nhúm nhỏ cỏ tranh vào để đan. Vừa đan vừa dùng một cái dùi cui đánh vào lạt

để cho tranh được chặt, vì thế thao tác bện tranh còn được gọi là đánh tranh. Ngày trước, khi làm nhà thì mái tranh được chú trọng hơn cả. Phải bện sao cho sau khi lợp lên, qua mưa nắng tranh vẫn phải khít kín nhau. Ngay ở lúc mới dựng nhà, tranh đã gắn liền với một nghi thức tín ngưỡng. Đó là trong lễ thượng luong (tức đặt cùi đòn tay chính giữa), người ta phải treo lên cùi đòn tay ấy một tấm tranh bện tốt nhất. Ngụ ý rằng căn nhà của mình được bảo hộ ngay từ khi mới hình thành.

Tôi vẫn giữ lại cho mình hình ảnh làng quê thuở ấu thơ, khi mà chưa có viên ngói đất nung đỏ thì cả xóm đều rợp mái tranh, tường nhà là phên trát bùn trộn phân trâu. Mỗi căn nhà đều có một màu xám bình dị mộc mạc. Màu xám tuy cũ nhưng không buồn, hội họa gọi nó là màu của sự ấm cúng, như kiểu màu lông chim sẻ. Những hôm có trăng, tôi thường ra sân ngồi chơi hóng gió, ánh trăng vàng rót xuống mái tranh chảy từng đường như chuốt tóc. Bởi thế nhạc sĩ Phạm Duy đã ví mái nhà tranh là mái tóc: “Mái tóc nhà lưu luyến vạt trăng xanh” (Trở về mái nhà xưa).

Đến bữa nấu ăn, khói bếp lèn qua mái tranh và vắt ra bên ngoài một màn trăng phả lên trời. Đấy chính là cái bảng lảng mà thơ xưa thường lấy để ví cho nỗi niềm vẩn vương quê cội, hay Hàn Mặc Tử đã mượn để minh họa cho sự nồng nàn nhất buổi mùa xuân chín: “Trong làn nắng ửng khói mơ tan/ Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng”.

Chú gà trống thấy khói giốn cúng thích đùa cùng, thế là nhảy tót lên mái lều thả chân bươi bươi rồi vỗ cánh khiến vài sợi tranh run run. Thỉnh thoảng vài loài chim đồng vẫn ghé vào chui dưới mái tranh làm tổ, đẻ trứng xong lại thản nhiên ấp nở.

Nằm dưới mái tranh, ngó lên, ngó lên... ta gặp ngay ca dao. “*Ngó lên nuộc lạt mái nhà/ Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu*”. Trẻ con bây giờ đi học chắc sẽ khó hình dung để hiểu được câu ca dao này. Chỉ có mái tranh mới dùng nuộc lạt để buộc nối với đòn tay, thanh rui. Nuộc lạt thường dùng là nuộc dây mây vì nó bền, khó bị mưa nắng làm mục.

Mùa mưa, nằm ngủ dưới căn nhà tranh chẳng lo bị đánh thức, mưa rơi trên mái tranh không gây ra tiếng ồn như mái tôn hay mái ngói. Tôi vẫn nhớ như in bao nhiêu kỷ niệm về căn nhà tranh dột thuở nhỏ. Nắng lọt qua chõ mái thủng và đậm thảng xuống nền đất như một sợi cước trong veo ánh vàng. Buổi trưa nằm ngủ có khi sợi nắng ấy chiếu ngay vào mắt, người Quảng Trị gọi là *heng*. Đêm mưa thì nước cứ lòng thòng chảy như ai đang khóc, ròng rã suốt. Mạ lấy cái thau đặt giữa nền hứng nước mưa, nằm một chốc lại phải thức dậy đổ thau nước đi.

Rồi những lần cởi truồng tắm mưa, tôi đều đứng ngay trước hiên nhà hứng những giọt nước chắt qua mái tranh nhỏ xuống. Đưa lưỡi ra nếm nước mưa ấy lại thấy mằn mặn. Cỏ tranh khi tươi có vị ngọt của thực

vật, đến lúc khô thì hàm lượng muối *natri clorua* tăng lên. Các bộ lạc cổ xưa đã từng dùng cỏ tranh khô ngâm nước để chắt ra nước muối nấu ăn, hoặc các thú rừng thường liếm cỏ tranh mục làm gia vị mặn để sống.

Sang thế kỷ hai mốt, ở làng đã không còn một mái tranh nào nữa. Tôi cứ ngỡ sẽ chẳng bao giờ được gặp lại hình ảnh thân thương ấy. May thay, thời ở Huế có một nơi cho tôi tìm lại, đó là quán cà phê Vô Thường chỗ ngã sáu. Cả ba anh chủ quán là anh Hải, anh Luân, anh Quang đều có chung nỗi niềm hoài cổ nên muốn làm quán theo phong cách xưa với tường xếp gạch mái lợp tranh. Quán nằm ngay sát đường Hà Nội, chính quyền buộc phải dùng pano che phía mặt tiền, không để những sợi tranh thời ra, có vào trong quán mới nhìn thấy mái tranh. Những đêm ngồi ở quán Vô Thường, vài cây đèn dầu leo lét, tường gạch giản đơn. Tiếng Saxophon réo lên giai điệu trong bài *Xóm Đêm* của Phạm Đình Chương khiến tôi như được quay về cái xóm cũ của mình. Một chút bụi tranh rơi xuống chạm vào ký ức, rung rung trong nỗi tê dại của miềnh nhớ.

Ngẩn
ngơ
bông
khế

Mỗi lần thèm được yên bình, tôi tìm ra cây khế sau nương nhà. Nơi ấy là xứ sở muông chim tới hót, lúa đồng thơm sưa tháng ba gom về. Nơi ấy, tôi tự chơi trò trốn tìm với chính mình, và hình như còn sót một chiếc dép mộc dưới gốc khế mà tôi chưa ướm được vào chân, để bây chừ còn thắc thòm mối lương duyên với tuổi dại.

Cây khế đó là loại khế chua. Để hạn chế độ chua, ông nội nhủ hãy lấy dao cạo một khoanh lớp vỏ dưới gốc rồi quết vôi vào, mỗi khi nấu hến xong thì đem vỏ đỗ quanh gốc. Cứ thế, mấy mùa sau khế bắt đầu ngọt dần ngọt dần. Đỗ thi sĩ ví von "*Quê hương là chùm khế ngọt*" hay đã dành, nhưng nếu quê hương là khế chua thì ta cứ cách ấy mà làm. Có ai đó sợ quê hương nghèo khổ, chua chát, thì hãy cứa vào lòng mình một vết dao rồi dùng tình yêu bôi vôi vào, quê hương trong ta sẽ ngọt ngào thôi.

Mùa khai hoa của khế không rõ ràng, thường vào cuối xuân đã có chùm nụ và kéo dài cho đến tận lúc tàn trái mọng sau cùng. Nụ khế mới ngoi lên đang chụm cánh thành một ngọn bút lông viết vào bên trong nó

dòng nhạt ký đầu tiên của đời hoa, rồi tự nhủ phải khu
khư giữ kín như sợ người ta biết hết những bí mật của
mình.

Bông khế tím đậm nhất ở lõm hoa rồi nhạt dần
thành hồng và trắng muốt ra ngoài cánh. Hoa ấy là
một người con gái, giấu kín nội tâm tê tái của mình vào
trong lòng, chỉ hé một chút trinh bạch ra ngoài như
biểu thị sự ngây thơ hồn nhiên của tuổi mười ba khe
khé dậy thì.

Có một lần từ Huế ra nhà sau hai tháng ngủ mơ
giữa cõi ảo tình yêu. Độ ấy xuân dương ngả về buổi
hạ, và chính bông khế đã đánh thức tôi dậy. Tôi đi
quanh gốc cây, nhặt dăm bông dù không để làm gì, chỉ
gom lại trong lòng tay rồi nắm hờ để cảm nhận chút
dịu dàng muộn màng của em. Bông khế mong manh
như giấc mơ lúc tảng sáng, vừa mới chạm vào đã tan ra
trước khi mặt trời thức cõi. Một phần tuổi trẻ đã qua
cùng với mùa xuân vừa mới cất lời chào tạm biệt, đâu
đây vẫn còn hình ảnh một người con gái cầm bông hoa
ngơ ngẩn ngắt từng cánh chơi trò bói tình. Yêu này.
Không yêu này. Yêu nữa này. Không yêu rồi này. Cánh
cuối cùng nằm lại nơi tôi lại là một cánh hoa vô duyên
nhất, từ nội tâm đến viền ngoại cánh lan đều một màu
trắng. Không biết người ta đã học yêu như thế nào, còn
tôi, tôi nhận từ bông khế lời ngụ ngôn về lẽ vô thường
trong tình yêu thông qua sự biến đổi sắc màu một cách
chóng vánh.

Những chiều nhạt nắng, tôi đem chiếc vông dây dù mắc sau vườn, một đầu dây cột ngang thân cây khế. Ngửa mặt dưới tán lá đương mùa đượm quả, tôi ngồi mình là thằng lười nào đó đang nằm há miệng chờ... hoa. Vông chỉ chao rất nhẹ thôi là đã đủ rung bông khế rụng xuống. Bông khế lắc nhắc như mưa bóng mây thoảng qua từng đợt rồi dính đầy vào gai vông. Chiếc thuyền hoa ấy cứ trôi miên man giữa dòng sông hoài niệm dĩ vãng.

Mà cũng thật lạ, bông khế dường như không tỏa hương, hay có thì cũng rất nhẹ, phải để tâm lắm mới biết được. Ở khía cạnh du ba thì hẳn nhiên hoa khế kém hoa chanh hoa bưởi cùng nở trong một khu vườn. Có lẽ hoa khế mang nỗi lòng của những cô gái thôn quê tuổi trăng rằm, đôi khi muốn yêu rồi đấy mà không dám hé lộ, sợ người ta ngửi thấy thì ngại phải biết. Vậy nên có ai mới chớm yêu nhau mà sợ mọi người thèo lěo phá đám thì hãy ngắt một chùm hoa khế đem tặng. Nhớ nhé.

Ở làng, hầu như nhà ai cũng có trồng một gốc khế. Cây lặng lẽ ẩn dật ở sau nương chứ không trương ra trước mặt. Người quê chỉ coi khế như một thứ cây rảnh đất thì trồng ké vào thôi chứ chẳng lợi lộc gì. Bung rổ khế đi bán có khi hết buổi chợ mà chưa voi đi là bao. Khế rẻ rúng như cho không nên có bà mẹ nghèo đi chợ thì mua quà về cho con là xâu khế ngọt. Quả khế chẳng

lấy làm sang nhưng đó là món quà ân nghĩa của mẹ và quê hương đã cho ta.

Tầm chiều chiều, trẻ con chia nhau đi khắp xóm, đúra hái khế, đúra hái dái mít, đúra xin rau thơm. Sau đó đem về xắt lát mỏng, trộn thêm muối ớt vào và bóp. Gọi là làm xum. Mỗi đúra cầm một que nhỏ dùng như cái nĩa để ăn. Miếng xum kẹp một nhát khế, một nhát dái mít, một lá rau thơm dính ớt, đưa vào miệng thì luối thấm cái vị chua, chát, cay. Ăn xong mức gáo nước lạnh tu ừng ực mát cả cổ họng. Thức ăn nước uống thiên nhiên, không hề nấu chín luộc sôi, thế mà chẳng đúra nào bị đau bụng. Người nhà quê còn hái khế đem vào nấu bùa như một thứ rau quả làm dịu lại cái nóng nực buổi hè. Khế xắt lát mỏng kẹp với con sứa chấm ruốc đặc nuốt cái ượt xuống tận gan ruột. Khế dùng nấu canh chua cá lóc chan qua bát cơm, dùng đúra quấy quấy rồi lùa cả cơm cả canh vào, có khi không cần nhai. Dung là dễ như húp canh khế. Vào cuối mùa, khế chín đồng loạt, rụng trái nào là tiếc trái đó, mà ăn thì không hết. Ông nội đem khế xắt lát và rải ra phơi nắng, để dành vài bùa kho với cá biển. Nhát khế khô hút nước cá nên thấm thía, rất ngon.

Mùa hạ, gió Lào thốc về nóng nực, tôi nhét một cuốn truyện vào ngực áo rồi leo lên cây khế. Những chùm quả chi chít dung đúra nhu chào đón. Bông khế thi thoảng lắc nhắc rót vào trang sách. Tôi đã đọc

truyện cổ tích ăn khế đổi vàng ở trên cây đó. Đến đoạn con chim nói ăn một quả khế, trả một cục vàng, tôi cũng hái một trái khế im lặng ăn. Thầm nghe văng vẳng bên tai: Ăn một quả khế, là tặng một cục vàng. Đó là ân sủng quê hương tặng cho trẻ con, cũng là chuyện cổ tích tôi dành cho riêng mình.

Men
dọc
triền
đê

Những ngày ở Minsk, có đôi khi ngồi nghĩ chắc hẳn vì thiếu quê hương mà mình sinh ra nhớ, như một thoảng tình trai gái xa xôi nào đó mà thôi. Rồi đến khi trở về quê nhà, ngũ trên mảnh đất tâm hồn mới biết mình không đi đâu được nữa. Bởi vì có những buổi chiều mùa thu men dọc triền đê, lòng tôi ngô đã hóa thành hoa đại hồn nhiên vỡ ra trong nắng.

Con lú đi qua, trời lại yên và gió làm lành như cái dỗ dành thân thương sau bùa giận dỗi vô cớ. Con đê nằm vắt giữa cánh đồng, thản nhiên cho cỏ kéo tràn từ dưới ruộng lên khoác manh áo xanh. Quanh năm, chiếc áo ấy luôn đơm những loài hoa luân phiên nhau. Mùa thu, hoa xuyến chi chúng tỏ được vẻ đáng yêu của mình bằng cách đưa lá lả trong gió. Cuống hoa mảnh khảnh vươn ra soi mình xuống làn nước mỏng đã được pha sắc trời. Xuyến chi là loài hoa quá thật thà và vì thế luôn chịu sự thiệt thòi, chúng lan mọc dọc hết những triền đê nhưng ít được người ta để ý. Suốt cả tuổi thơ của tôi và bạn bè, gặp hoa ấy đã nhiều, thấy biết đẹp nhưng chưa thực sự quý. Cho đến hôm sinh nhật Bảo mới

đây thôi. Đêm khuya bạn bè ở làng kéo nhau lên đê với một ít rượu tổ chức. Đăng luống cuống ngắt một chùm hoa xuyến chi tặng Bảo. Một món quà vội vàng nhung không hề xuề xòa. Đêm ấy chắc hẳn Bảo cảm động vì nhận được sự quan tâm, Đăng cũng mừng vì đã gửi gắm được tình cảm. Nhưng có lẽ kẻ mừng nhất chính là loài hoa xuyến chi, bởi vì chúng biết từ nay đã có người để ý đến. Phải chăng cái giá trị nào cũng phải đợi chờ. Cũng như hoa xuyến chi đã đợi chờ hơn hai mươi năm để được đón nhận một sự quan tâm của chúng tôi.

Buổi chiều tôi lên đê một mình, lặng lẽ gom lại một ít hương xưa cất vào đâu đó trong sự bộn bề tuổi trẻ. Có may cứ dùng dằng níu lại. Ừ thì ngồi xuống một chút, để thấy cánh đồng dưới chân đê đang thả nắng về trời cho cỏ trầm tư. Dăm con bò còng lưng công gió, vài cánh cò nhẫn nại hóp sương. Thế là thành quê hương. Giản đơn và hồn hậu. Có ngần ấy thôi nhưng coi hoài không thấy chán. Chiều nay bạn từ xa về, bạn nói đặt chân xuống làng một cái tự dung người mình hết muối bon chen. Và không chỉ bạn của tôi, bất cứ ai về đây ngó qua cánh đồng buổi thu sẽ thấy mê. Bạn nói quê hương luôn đẹp đối với những ai biết đủ.

Con đê với người quê không chỉ để dẫn thủy nhập điền mà còn giữ rất nhiều kỷ niệm. Sẽ không bao giờ tôi quên được những đêm trăng mà bạn bè ở làng đã kéo lên chặng đê này ngồi chơi. Hoài mãi thành ra một

chốn quen thuộc. Con đê như một đường tàu chạy dài, hoa nở vẩy chào những chuyến viễn hành diệu vợi của tâm hồn, và vòng tay bạn bè kết thành cung đường đón đợi nhau.

Bức
thông
điệp
sỏi
đá

tôi vẫn hằng tin những vật vô tri luôn gửi gắm một bức thông điệp nào đó cho loài người. Ngày xưa tôi từng thả những viên sỏi nhỏ nhắn vào chiếc cốc thủy tinh của tâm hồn mình, để giờ đây chúng trả lại cho tôi một thông điệp nhiều màu sắc.

Đi bất cứ nơi đâu, hễ gặp đống sạn là ông nội dừng lại tìm và nhặt những hòn sỏi màu đỏ. Không nhiều, chỉ độ dăm ba viên thôi. Sỏi đỏ mềm, đem về mài ra màu nước làm mực đóng triện lên văn sớ cúng. Lấy một chiếc dĩa nhỏ, cho vào đó ít nước rồi cầm hòn sỏi mà mài. Một lúc sau dĩa tráng một màu son đỏ rất đẹp. Những con triện hình vuông, hình ô van có khắc nét chữ theo mô típ cách điệu kỷ hà của hội họa. Dùng ngón tay trỏ chấm vào mực son mới mài rồi thoa lên triện. Màu sỏi đỏ như một dòng máu thiêng liêng in lên tờ giấy văn.

Mỗi lần ông nội viết văn sớ là tôi ngồi bên mài sỏi. Dáng ông ngồi ngay ngắn, hai tay đặt lên tờ giấy văn màu vàng đã được xếp gấp thành những nếp cõi ngón tay cái. Ông viết chữ cẩn thận, chỉ cần sai một nét chữ thôi là ông đốt tờ giấy đó và viết lại trên một tờ mới.

Mải ngồi nhìn ông viết, hòn sỏi tay tôi mài đã mòn đi mà chẳng hay, cho đến khi ông viết xong thì cái dĩa đã đỗ ngòm. Mực son nhuốm lấm nhũng ngón tay như muốn gửi gắm cho tuổi thơ tôi một bức thông điệp về nguồn cội.



Giữa đống sạn luôn có lẩn những hòn sỏi màu trắng tinh láng mịn, gọi là đá cuội. Thú cuội này thường nhặt về thả vào bể nuôi cá cảnh. Ngày ở làng, trẻ con chúng tôi xem đá cuội là đá cẩm thạch quý hiếm. Chính vì thế mà đứa nào cũng tìm nhặt những hòn cuội để thi xem của ai trắng hơn.

Sự ngây ngô ấy không chỉ ở trẻ con, mà ngay cả đến khi trưởng thành đôi mươi vẫn còn. Nhớ dạo ở Huế đi cà phê Vô Thường với Thi. Những hòn cuội trắng đặt bên thềm cửa sổ khiến nàng thích thú. Tôi nói thích thì lấy một hòn về kỷ niệm. Rồi hình như nàng sợ. Tôi cầm một viên nhét vào tay nàng, nàng mừng rỡ như cầm được đá quý.

Trước ngày bay, tôi đem sang tặng Thi một bức đá có viết câu hát *Đi giữa mọi người để nhớ một người*. Nàng cầm khoe với bà chủ trọ. Hồn nhiên như trẻ lên ba. Bây giờ Thi có còn giữ hòn cuội trinh bạch và tảng đá ấy không. Câu hát của Trịnh khắc lên đá chính là một bức thông điệp của tình bạn: vĩnh cửu dài lâu.

Ngày nhỏ có chơi trò ổ làng, chính là cái trò ô ăn quan trong tranh cụ Nguyễn Phan Chánh. Mỗi đứa nhặt hai mươi lăm hòn sỏi nhỏ với một cục đá to. Sỏi nhỏ gọi là dân, cục đá to gọi là ổ làng. Sỏi nhỏ cũng được xem là những quan tiền, đứa nào “ăn” được nhiều sỏi thì coi như thắng. Những hòn sỏi ấy biểu hiện cho sự giàu có của tâm hồn trẻ thơ. Và có lẽ cũng chính vì tuổi thơ giàu có nên bất cứ ai lớn lên rồi vẫn cảm thấy mình mắc nợ với nó.

Những quan tiền bằng sỏi nói với tôi rằng tiền bạc chỉ là đá mà thôi, tình cảm mới thật như quê. Đó là bức thông điệp vĩ đại về giá trị cuộc đời.

Ngọn

lửa

đèn

dầu

tôi bị ám ảnh hoài với những thứ ánh sáng tuổi thơ. Một ánh trăng vàng, một con đom đóm xanh, một đôi mắt mèo đêm khuya. Nhưng ám ảnh nhiều hơn cả vẫn là một ngọn đèn dầu.

Nếu phải viết về bạn bè thì tôi sẽ chọn buổi sáng, thời điểm chúng tôi cùng nhau ôm cặp sách đi trên con đường làng phủ đầy sương mai để đến trường. Nếu phải viết về cha thì tôi chọn buổi trưa, khi cái nắng miền trung đang ráo rảnh đổ lên lưng trần và mồ hôi chảy hả hê xuống những đường cày. Riêng để viết về mẹ, có lẽ buổi tối vẫn là thời điểm ấn tượng nhất, “giữa những điều tầm thường bình dị Mạ tôi ngồi đong lửa thấp đêm lên”.

Tôi nhớ mãi những đêm xưa trong căn nhà nhỏ lợp bằng tranh dột nát, mà tôi đêm đêm cúi ngồi ở trước hiên và làm hết việc này đến việc nọ, quanh năm thế. Mùa xuân thì ngồi bó lại những ngọn rau đã hái hồi chiều ở ngoài vườn để sáng mai đem đi chợ bán. Mùa hạ mà ngồi sàng gạo đầu mùa gặt, những hạt sạn lẫn với gạo còn thơm mùi sữa đồng được mẹ tôi lồng ra. Ánh

trăng đầu hồi lọt qua nia thưa. Còn suốt cả mùa thu và mùa đông thì mạ ngồi ở hiên chè măng búp mua từ trên Khe Sanh về. Tôi đã ngồi cùng mạ qua những đêm mưa mưa như thế và nhìn rõ cái bóng đen của mạ kéo dài ra tận ngõ. Phía bên này là cây đèn dầu chong lên.

Ngồi một lúc lâu lâu mạ lại dùng vài chùi khói đèn bám trên chiếc bóng thủy tinh của cây đèn. Khi ấy tôi phải đưa hai bàn tay mình bụm xung quanh chấn gió để ngọn lửa không tắt. Và tôi hiểu, có một ánh lửa màu xanh đã thấm vào tay mình từ dạo ấy, nên mỗi khi nhớ nhà úp mặt vào hai bàn tay thì cảm thấy ấm. Thỉnh thoảng cái chụp đèn lại bị xụp dầu, lửa từ phía trên lan xuống cháy rộng ra. Lúc đó tôi chạy vào bếp vốc một nhúm gạo nhỏ rải lên cái chụp đèn.

Sáu năm đầu tiên của đời mình, tôi đi qua những đêm thấp lửa bằng thứ ánh sáng đèn dầu. Để một hôm có điện thì tôi chợt nhận ra là có quãng áu thời mình đã chịu ơn cây đèn dầu rất nhiều. Ngọn đèn dầu với tuổi thơ tôi không đơn thuần chỉ là một vật dùng thấp sáng căn nhà trong đêm, mà nó còn thấp sáng cả trí tuệ tuổi thơ. Những con chữ đầu tiên tôi biết được là nhờ có đèn soi tỏ. Nhà ở quê, ban ngày ba tôi bận đi làm đồng, mạ bận chạy chợ, chỉ khi đêm về thì mới rảnh rang để bày cho tôi học. Tôi nhớ ba đã dạy chữ cho mình sớm lắm, ngay khi đến lớp mẫu giáo làng thì tôi đã thuộc làu làu bảng chữ cái, có thể đọc viết được tất cả rồi. Đang học mẫu giáo, tôi lấy trộm sách Tiếng Việt của anh Trứ

và đọc thơ, dưới ánh đèn dầu nhỏ nhoi thời ấy tôi đã biết đến những dòng chữ nối vần nhau.

Có hôm mải ngồi đọc sách, khói đèn xông lên đèn một vật da trên trán. Lại có lần lúi húi nhìn chú, đầu tôi nghiêng vào sát đèn và lửa liếm một miếng lén mái tóc, mùi khét tóc cháy bốc lên. Vật tóc bị cháy ấy là dấu vết để ghi lại ký ức tuổi thơ của mình. Tôi nghĩ nếu không có nó, cũng như nếu không có sự mất mát nào thì người ta khó có thể nhớ được quá khứ của mình.

Ban đêm, cây đèn dùng để thắp sáng. Ban ngày thì nó được dùng vào những việc khác mà tôi đồ rằng ít người để ý. Hồi ấy nhà tôi làm thợ mộc, những họa tiết viền ở tủ thờ cần được bôi màu đen. Thế là ban ngày chú tôi thắp lên một cây đèn dầu, phía trên chấn bằng một tấm ván nhỏ. Cứ để đèn đỏ như thế chừng một buổi thì được nhùm muội khói mịn. Đem muội khói đó hòa với dầu bóng sẽ được màu đen nước rất tuyển. Có thể dùng chính màu đen đó có thể xăm vào da để được những hình thù hay dòng chữ tùy thích, khói đèn có đặc điểm là không làm cho da bị sưng phù lên. Thế mới biết ánh lửa và ngọn khói đèn dầu rất hiền lành, tính cách hồn hậu đáng quý hệt người nhà quê.

Ngày nhỏ tôi hiểu động, thích cầm dao chơi nên hay bị đứt tay. Mỗi lần như thế tôi chạy ngay vào bàn thờ, bung cây đèn xuống và nhét ngón tay bị đứt vào trong dầu. Một lát sau thì máu ngưng chảy. Hay như có khi bị kiến cắn ở chân thì phuong thuốc kịp thời nhất vẫn

là dầu hỏa, phết một tí lên chõ bị kiến cắn là hết ngứa. Dầu từ đó thành liều thuốc cho những vụng dại ngô nghịch tuổi thơ.

Trên bàn thờ tiên tổ, bao giờ ông nội cũng để sẵn những cây đèn dầu trang trọng. Ngày rằm mùng một hằng tháng tôi lại có nhiệm vụ lau chùi, rót dầu mới và châm lửa lên cho rạng. Những dịp Tết thì nhất quyết đèn đỏ suốt ngày đêm, và lâu lâu lại phải chêm thêm dầu vào. Ông tôi khuyên, những cây đèn trên bàn thờ thì nhất quyết không được đem xuống dùng ở những nơi khác. Đó là phép lê nghi mà tôi được ông dạy từ nhỏ.

Trẻ con có thể tự làm đèn dầu để học bài. Cách làm đơn giản. Dùng một lọ mực đã hết làm thân đèn. Kiếm cái nắp chai bia đục một lỗ giữa làm chụp đèn úp lên miệng lọ mực. Lấy sợi dây vải vấn lại nhét qua chụp làm tim. Thế là có một cây đèn dầu hỏa. Nhà có hai anh em, thắp chung một cây đèn ngồi học bài cho đỡ tốn dầu. Hoặc là ra hiên nhà, ngọn đèn dầu khi ấy vừa để soi rõ cho mạ làm việc, vừa để chúng tôi đọc sách.

Hồi đó thằng Cung bày cho tôi cách làm chiếc đèn soi từ cây đèn dầu. Kiếm một tấm tôn nhỏ, uốn cong hình chữ U. Dùng một mảnh gỗ hình chữ nhật cõi cái bảng con học trò làm đế và đóng tấm tôn đó vào. Đặt ở phía trong một cây đèn dầu, thế là có chiếc đèn soi. Ở quê người ta thường dùng chiếc đèn này để soi đường. Còn lú trẻ chúng tôi dùng nó để đi câu cá, đi bắt dế hay

bắt éch. Đèn dầu khi đó men theo dấu chân trẻ con ra đồng ban đêm. Hôm cuối tháng không trăng, tôi đứng giữa đồng làng và nhìn xung quanh, những ánh đèn dầu cháy lên bốn phía, bạn bè tôi đang cùng nhau đi kiếm cá cho bữa cơm gia đình vào ngày mai.

Mười năm sau ngày làng có điện thắp, cây đèn dầu dường như đã bị quên lãng khi nó không còn là vật dụng thiết yếu ban đêm nữa. Mắt tôi quen với ánh đèn điện sáng trưng nên cũng không mấy khi màng nhớ cái ngọn đèn có khói ấy. Thế nhưng sáng mùng ba Tết năm đó, tôi run rẩy suýt nữa bật khóc khi nhìn thấy cây đèn dầu ở chợ Đinh làng Bích La. Chợ làng họp mỗi năm một lần tại đình làng, thời điểm họp chợ là từ giữa đêm mùng hai rạng sáng mùng ba Tết. Năm đó tôi chở mạ đi bán rau cải lấy lộc đầu năm. Trong nhá nhem tối um um, con đường dẫn vào đình làng được soi tò mò bằng mấy ngọn đèn dầu xen giữa bao nhiêu thứ quà quê. Tôi đứng giữa chợ và cảm nhận những ánh đèn đã bọc lấy mình một cách ấm cúng, như thể chưa bao giờ tôi nhỏ bé hơn lúc này. Tôi đã nhận ra hồn dân tộc dậy lên rất nhiều từ những ngọn đèn họp chợ khuya hôm ấy.

Thời ở Huế, có những lần tôi đi lên mạn nhà thờ Phú Cam, hay là vào trong Thành Nội chỗ đường Hàn Thuyên đều bắt gặp những cây đèn dầu dùng để bán hàng. Máy bà cụ già chong đèn dầu bán bắp ngô nướng, máy bác gái thắp đèn cho khách ăn bánh canh. Chính

dưới ngọn đèn dầu ở một quán bánh canh trong đường
Hàn Thuyên, tôi đã gặp Thảo, một người con gái có
nét đẹp dịu dàng rất Huế, nàng phụ bán bánh canh với
mẹ. Tôi hỏi sao em không ở nhà, ra đây ban đêm trai nó
ghẹo phiền lắm. Thảo trả lời tại em ưa ngó mấy ngọn
đèn dầu hỏa.

Từ đó tôi biết thêm một điều nữa, là chiếc đèn dầu
dù xưa rất xưa mà mãi mãi nó không thể mất đi. Và
không chỉ có mình tôi mà cả Thảo, hay bất cứ ai đã
từng được sống thuở áu thời của mình trong ánh hắt
hiu đèn dầu đều phải nhớ. Để luôn thắc thóm và mang
chịu một nỗi ám ảnh lửa xưa.

Lời
dự
tinh
của
đê

thi thoảng trong những đêm xa nhà, tôi vẫn được nghe tiếng dế thân quen của tuổi thơ vọng lại. Âm thanh réo rắt vượt qua ngàn dặm không gian, lội băng băng từ miền sâu thẳm thời gian đến hát bên tai một bài dạ khúc rất đỗi bình dị.

Theo chân một đứa trẻ mang tên Kỷ Niệm, tôi trở về cánh đồng miên dài buổi áo quần chưa biết đến thơm tho. Tay cầm chiếc đèn tự chế từ mảnh tôn uốn vòm đóng vào tấm ván và đặt phía trong đó cây đèn dầu hỏa tù mù. Từ trong làng, trẻ con chúng tôi mỗi đứa mang theo một ngụm ánh sáng nhỏ nhói men theo con đê để ra tới bãi đất cồn chung. Sang mùa hạ, tiếng dế nỉ non như lời chào mừng kỳ nghỉ ngoi của tuổi học trò.

Tới nơi, chúng tôi tản ra mỗi đứa một hướng. Ánh đèn dầu trườn đi theo dấu chân thơ ngây, lát sau cánh đồng lấm chấm điểm những đốm sáng. Trong đêm mang đèn đi bắt dế, tôi mới thầm thía câu nói của ai đó, rằng mỗi con người đều mang một ánh sáng góp thêm vào cuộc đời. Đèn lặng lẽ cháy giữa đêm như những bông hoa vừa nở ra từ đất, cánh đồng rạo rực khai sinh một mùa mới dành cho con trẻ.

Đi bắt dế phải bước rón rén thật khẽ. Tai phải tập trung hết sức để lắng nghe tiếng kêu của chúng. Loài dế rất tinh nghịch, chúng biết cách chơi khăm trẻ con bằng cách kêu chõ này một chốc rồi trườn qua chõ khác trú ẩn. Cứ thế, cả cánh đồng như đang bày trò trốn tìm đầy ma mị, lại như một cuộc thách yêu của loài dế với tuổi đại.

Khi đã định hướng được nơi có tiếng dế phát ra, ta hạ cây đèn xuống gần đất và soi đèn rà rà về phía đó. Mắt dế cũng như mắt loài ếch nhái, đều bị ánh sáng làm lóa đi, ngôn ngữ nhà quê gọi là “đóng đèn”. Đến lúc đó thì dế đứng yên, xòe đôi cánh lên kêu reng reng như sợ sệt e lệ. Ta quỳ một đầu gối xuống đất, khum bàn tay và úp lên con dế vừa thách yêu.

Đi bắt dế, mỗi đứa mang theo một vỏ bao diêm hoặc bao thuốc lá để đựng. Chộp được dế phải đưa lên đèn soi xem, nếu là dế đực thì bỏ vào hộp thuốc, nếu là dế cái thì thả ra vì dế cái không thể đá được. Dế cánh màu đỏ gọi là dế lửa, dế than thì cánh màu đen. Dế lửa nhỏ con hơn dế than nhưng lại đá hăng hơn, thế nên đi bắt dế đứa nào cũng cố tìm cho được dế lửa. Trong đêm yên tĩnh, tiếng dế hòa thành dàn đồng ca mùa hạ, thi thoảng có đứa reo lên đây rồi khi chộp được một con dế.

Cũng có khi chúng tôi bắt dế vào buổi sớm. Ấy là những lần cả lú trẻ kéo nhau đi đá bóng. Ra tới cồn, bắt cặp chia phe xong, đứa nào thừa ra thì đi bắt dế. Bắt dế

buổi sớm mai không mang theo đèn, để nó không đóng đèn nên thường ta phải rượt đuổi theo.

Để bắt được đem về nhà nuôi trong một cái lon. Trong lon có bồ đất và trên miệng bịt bằng bao nilông chui lỗ cho dễ thở. Thức ăn chính của đế là ót trái. Ót càng cay càng tốt vì nó làm tăng độ hăng của đế chơi. Ngoài ra, phải xé thêm một lá khoai lang để đế ăn lót dạ. Sau vài trận đá đế, có đứa moi một cái lỗ dưới đất rồi bỏ hộp đế xuống và lắp lại, như thế gọi là “dầm đế”. Đế dầm dưới đất sẽ lấy lại sức rất nhanh.

Sân chơi đế được ghép bởi bốn viên gạch trên một khoảnh đất phẳng, hai đứa thả hai con đế của mình vào đó cho chúng tranh hùng. Con đế nào bỏ chạy coi như thua cuộc. Tiếp tục đứa khác thả đế của mình vào. Phần thường cho người thắng cuộc chỉ là danh dự, nhưng kẻ thua thì bị ngút đầu đế dùng để nhử tiếp trận sau. Có lần, mấy đứa chúng tôi thách nhau đứa nào thắng đế sau này sẽ làm chồng con bé xinh nhất xóm. Những trận đế vang vang tiếng hò tiếng hét càng khích thêm sự hiếu thắng con trẻ. Cô bé đã ra đi, mang theo chú đế sinh lê tông em từ buổi bụng dạ tự tiện tảo hôn. Những thằng con trai làng đứng trân trân cầm trên tay chiếc hộp giấy rỗng đựng rất nhiều lời thánh ca mặc niệm của đế.

Ông tôi kể rằng, giữa thế kỷ hai mươi, trong làng có nhà cụ Tri Thoàn phú quý và túc lê. Để khích lệ niềm hiếu học, cụ Thoàn có trò đổi đế. Trẻ con trong làng

bắt dế đem đến cho cụ thì được cụ tặng lại một tập giấy để viết. Cụ đem số dế ấy thả vào vườn, mỗi đêm mỗi sớm, tiếng dế reo vang như hồi chuông thúc giục con cái chăm chỉ học bài. Nhờ thế nên các con, các cháu của cụ sau này có nhiều người đỗ đạt. Học theo tiền nhân, trẻ con chúng tôi cũng bắt dế về thả trong vườn. Những hôm có trăng, trẻ con trải sách ra giữa trời ngồi đọc, bên vườn bầy dế đồng thanh hát vang.



Những khu vườn hôm xưa ngập tràn tiếng dế đã nhập hồn vào khu vườn ký ức mỗi đứa con làng. Ở đó, có lời dụ tình loài dế đánh thức niềm yêu, dế cùng ta học bài, lại có con dế đem ra đổi tình. Sau này lớn lên mấy đứa bầy nhau sắm “dế” (điện thoại di động) đem đi tán gái. Nhưng xem ra trò dùng con “dế” giả dối hiện đại này cũng lôi thôi rồi. Biết đâu đến một hôm nào đó ta lại dắt em về quê, cùng nhau ra đồng, bắt một con dế chân thật và tặng người thương. Dưới ánh trăng hôm ấy, chắc là dế sẽ hát lời dụ tình hay nhất.

Hoàng
hôn
quê
nhà

Mùa hạ bắt đầu bằng việc thay màu áo cho nắng, rất dễ nhận ra cái sắc vàng chín tới vào mỗi buổi chiều. Và nhất là đến khi nắng sắp tắt, mặt trời như một trái cây cuối mùa, vừa mới đây thôi đã rụng xuống góc trời phía tây một cách chóng vánh.

Những tháng năm sống với mảnh làng bé nhỏ của mình, trước khi ngày sắp tắt, tôi thường ra đứng trước ngõ nhà một lúc. Thuở nhỏ đợi mạ về. Trong chút nắng chiều sót lại, tôi chờ hình bóng mạ như cậu bé Remi trong tiểu thuyết *Không gia đình* của Hector Malot đứng từ xa dõi về căn nhà xưa cũ, chỉ mong thấy mệ là mừng. Đợi suốt buổi hoàng hôn, đến lúc ánh nắng tắt hẳn mạ mới tất tả đi về. Dù muộn, nhưng trong cái giờ xách của mạ bao giờ cũng có một thứ quà bánh giản dị nào đó. Có khi đây là một trái quýt vàng màu mặt trời ủ ấm, khi thì chiếc bánh nậm như nóc nhà tranh.

Nắng cuối ngày lướt nhẹ trên cánh đồng lúa, và cứ đi qua khoảnh ruộng nào thì nắng lịm ngay trên đó, như thể đã chìm vào những cánh lá. Mây chùng thấp xuống rồi rủ nhau dạt về phía trời tây tạo thành một

mảng bông tựa mình lên nhấp nhô núi xa. Chim gấp gáp vỗ cánh tìm về tổ sau một ngày rong chơi kiếm ăn. Một khung cảnh yên ả nhưng khiến người ta nhớ thiết tha đến nao lòng khi đi xa.

Có những buổi chiều muộn ở Minsk xa xôi, tôi một mình đứng ngắm đàn chim sẻ bay rặc qua mái nhà trên tầng 13 ký túc xá. Lòng mình như se lại, một cảm giác vừa gần gũi thân quen nhưng thoáng trôi qua nhanh khi đàn chim sẻ đã bay hết, để lại một khoảng trống hụt hẫng và thèm khát.

Cho đến khi trở lại quê nhà, mỗi hoàng hôn đều cho tôi được tắm gội lại màu nắng năm xưa, khơi gợi lại cảnh cũ. Quê hương đổi thay nhiều, nhưng cứ vào hoàng hôn thì mọi hình dáng năm xưa lại trở về, đơn giản bởi cái lũy tre bao bọc phía sau làng, hay là những nóc nhà đều chỉ còn lại một màu xám đen ngược sáng. Ngày xưa cụ Nguyễn Du cứ đợi đến hoàng hôn mới vẽ ra bao nhiêu khung cảnh quê nhà cho Thúy Kiều da diết nhớ. “Buồn trông của bể chiều hôm/ Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”.

Hoàng hôn cũng là lúc người nhà quê chuẩn bị cơm chiều hoặc đốt lá khô rụng sau khi đã gom lại góc vườn. Làn khói trắng chầm chậm bay lên, tản vào không trung một cách lặng lẽ. Dường như thời điểm cuối ngày, mọi thứ đều được gắn liền với một chữ nhớ. Thôi Hiệu xưa ngắm khói sóng trên sông lúc chiều hôm thì nhớ nhà,

"yên ba giang thương sủ nhân sâu". Và có lẽ khói ấy cũng là một món của quê hương. Nhà báo Hồ Sĩ Bình bên cạnh làng tôi, mỗi lần về quê ông đều đi gom lá tre đốt và ngủi. Ông bảo ông "sèm" cái mùi khói ấy.

Buổi chiều đứng giữa quê nhà, trong chút nắng muộn màng, tôi hình dung ra trên con đường quê như còn vẫn đó. Một trẻ chăn trâu, người đen đùi vì rong nắng suốt ngày trên đồng cỏ. Cuối buổi chiều mục đồng cuối trâu về, cởi trần vắt áo trên vai để lộ một bộ xương sườn đếm được, miệng vẫn huýt sáo hồn nhiên. Một bác hàng xóm chân lấm bùn xắn ống quần lên ngang đầu gối, vác cuốc trên vai thong thả bước về nhà. Hay là hình ảnh chị gái trong xóm gánh một trieng hoa màu lắn chập về ngõ, để lại mùi thơm ngò quế hòa vào chặng vọng. Khép lại một ngày lao động, hoàng hôn là lúc người quê trở về với tâm hồn mình và lắng nghe một tiếng chuông chiều thảm thoι.

Chuyện
xâu
lõi
tai

Đã từ lâu, người Việt có tục xâu lỗ tai cho các bé gái để đến khi lấy chồng, các cô gái có chỗ đeo đôi khuyên vàng quà cưới. Đấy là cách mà các bà mẹ gửi gắm ước vọng hạnh phúc lứa đôi cho con gái mình từ thuở con còn bé.

Ngày trước, người ta thường dùng cây kim hoặc gai bưởi để xâu tai. Theo quan niệm của người nhà quê thì vào Tết Đoan ngọ là dịp xâu lỗ tai hợp lý nhất. Có thể vì thời tiết độ này phù hợp để vết xâu chóng lành, an toàn cho các bé.

Không phải ai cũng có thể làm được việc xâu lỗ tai cho bé. Thường thì mỗi làng có độ dăm ba người biết làm và dám làm. Biết làm tức là phải có kỹ thuật xâu tai sao cho bé ít đau và vết thủng đừng gây nhiễm trùng. Dám làm có nghĩa là người đó phải bạo gan, giống như bác sĩ tiêm thuốc hay phẫu thuật phải vững tâm vậy. Bởi rất khó tìm được người có khả năng xâu lỗ tai nên nếu bà cô nào được nhờ cậy, thì đứa bé khi lớn lên phải mang ơn suốt. Thỉnh thoảng, cô cháu gặp nhau lại cười, bảo ngày xưa cô xâu tai cho cháu đấy nhé, lúc nào lấy chồng nhớ chùa cho cô cái bánh lá gai.

Các bé gái chừng năm tuổi thì được xâu lỗ tai. Buổi chiều nào đó, bé sang nhà hàng xóm chơi, thấy cô bạn có cái lỗ nhỏ nhô nhô xinh xinh bên da tai, về đòi mẹ xâu cho mình một lỗ y như thế. Nghe nói xâu lỗ tai để đeo tassel đúra nào cũng háo hức, nhưng đến khi bà cô xâu lỗ đến, đưa cái kim ra thì khóc toáng lên. Phải dỗ dành thật lâu, mua bánh mua quà cho rồi mới xâu được. Đôi khi người mẹ phải ôm lấy bé, kể chuyện cho bé nghe, cho bé ăn một trái chuối trong lúc đang xâu tai để bé quên đau.

Về sau có dịch vụ bấm lỗ tai. Người ta đạp xe dọc đường, chuông leng keng như bán cà rem, miệng rao rất vui: “Mẹ ơi con muốn bấm tai/ mai này con lớn có hai chiếc tassel”. Người mẹ bế con chạy ra, gọi người vừa rao quay lại, tìm một bóng cây mát. Đúra bé chưa hiểu con có gì thì người thợ đã bấm cái tách, nhẹ tơng. Đúra bé cũng chỉ khóc thét lên một chút rồi thôi. Hỏi đau không? Bé trả lời, nhức như bị con kiến cắn.

Bây giờ thì không xâu, không bấm nữa mà bắn. Dụng cụ thực hiện y như khẩu súng, đầu nòng đính vào cái đinh nhỏ. Người mẹ cũng nhanh nhảu bế con ra. Cái súng bấm chít một tiếng khẽ, đúra bé chẳng khóc, chẳng đau. Mà cái đinh đã bám vào da tai. Rất nhanh chóng và an toàn.

Cái lỗ xâu tai bé bé xinh xinh. Mẹ yêu con sắm cho đôi tassel đeo vào để tập cho bé biết làm đẹp làm duyên.

Và không chỉ riêng con gái, mà con trai đôi khi cũng

được bấm lỗ tai. Trường hợp này rất ít. Đó là những thằng cu “khó nuôi”, hay khóc bướng, thường lên sỏi. Người ta quan niệm bấm lỗ tai cho thằng cu thì nó sẽ được an lành hơn. Hoặc có gia đình không sinh được con gái mà lại có ba thằng con trai. Tam nam bất phú, sợ vậy nên chọn lấy một đứa để xâu lỗ tai giả làm con gái.



Đây là chuyện xâu lỗ tai hồi trước, nó gắn liền với quan niệm sống và văn hóa tục người. Bây giờ nhiều chàng thanh niên không dung đang yên đang lành cũng bấm lỗ tai để chơi trội, bấm quanh cái vành tai đến ba bốn lỗ. Rồi đeo cái vòng tằm to tướng vào dái tai cho oách, thể hiện ta đây là đại ca, là công tử ăn chơi. Ra đường đó thằng nào dám lên mặt uy hiếp. Bỗng dung một nét đẹp dành cho phái đẹp lại bị cánh mày râu lợi dụng.

Và cũng từ đó, có chuyện giật bông tai trên các đường phố. Hai chàng côn đồ rà rà xe theo sau một cô gái, một chàng nhanh lẹ chụp cái khuyên tai rồi phóng xe đi, để lại phía sau là cô gái vừa đau đớn vừa khiếp sợ. Các cô gái vốn thích làm đẹp, một nhu cầu tự thân chính đáng, đành phải phải hâm lại chuyện trang sức để bảo toàn của cải và an toàn tín mạng.

Các cô đành chỉ biết... chờ thời cơ. Đó là dịp đám cưới được mẹ chồng đeo tặng đôi tằm đôi khuyên, vinh

dự, hạnh phúc, sung sướng, nhưng xong lễ cưới phải tháo ra cất ngay. Mà đám cưới mỗi đời người chỉ một lần. Một lần hiếm hoi được đeo bông tai. Thế mà cái lỗ bấm tai ngày xưa mẹ gửi gắm hạnh phúc lại mang suốt đời. Vành tai cong và cái lỗ bấm tạo thành một dấu chấm hỏi: Vì ai?

Phố
đêm
nồng
nàn
hoa
sữa

Có lẽ hoa sữa là tặng vật của ông trời dành cho mùa giá rét, vì cứ cuối thu thì những chùm hoa bặt hương và đến lúc sang đông, nó ngan ngát cô đặc lại cả phố phường. Thị xã Quảng Trị nhỏ lắm, nhỏ như vành môi người tình mà hương hoa sữa là cái hôn đầu nồng nàn da diết.

Hồi sống ở làng, tôi thích nhất là mùi dạ lý hương của những đêm xuân, nó cứ thoang thoảng và có thể ngồi chơi với hoa suốt đêm mà không sợ ngạt. Đến khi ở phố, thì chính hoa sữa cho tôi gặp được người bạn vô hình áu thời với hương thơm gần gần như dạ lý. Thầm cảm ơn hoa sữa đã nối lại tuổi thơ của mình và kéo dài tuổi trẻ qua thêm một mùa đông.

Phải nói ngay rằng, hoa sữa thuộc về phố xá bởi cái phong cách tỏa hương phủ đầu của nó hợp với lối sống luốt qua. Ai đứng lâu dưới gốc hoa sữa thì khó mà chịu thấu. Chính nhẽ đó mà gốc hoa sữa không phải là nơi hẹn hò tâm sự của lứa đôi. Nếu cần một chút hương vị cho dạ tiệc yêu, thì tốt nhất nên dắt tay người tình thả bộ chậm chậm dưới tàng hoa sữa bên đường. Tình

yêu là một thứ hương hoa sữa, đừng giữ chặt tay nhau quá mà ngạt, chỉ nắm hờ để biết rằng người ta vẫn đi bên cạnh mình thôi. Cũng như hoa sữa ấy thả dọc con phố để cho mình mặc sức chọn một nơi vừa phải mà thưởng thức.

Thời ở Huế, tôi chỉ nhận ra được một cây hoa sữa duy nhất ở chổ đường Lâm Hoàng bên Vỹ Dạ. Chúng tôi học ở nhà khách đại học Huế cuối con đường ấy. Ban ngày đến lớp thì chẳng để ý làm gì, vì những chùm hoa sữa ở tít trên cao. Chỉ đến buổi tối, khi sang nhà bạn gái mới nhận ra một mùi hương đêm nồng nặc. Lần đầu chạm phải mùi hương ấy, thú thật tôi chẳng hiểu nó tỏa ra từ đâu và của loài hoa nào. May thay, người bạn gái ấy biết và nói cho tôi hay, đó là hoa sữa. Sáng hôm sau, tôi đi tìm thì nhận ra cây nằm trong một khu vườn sinh vật cảnh bên đường, lè loi như một gã si tình sống độc thân trong căn phố nghèo của Huế xưa.

Kể từ bùa hoa sữa nở hương, tôi bị mắc ghiền cái xóm nhỏ ấy. Mà người bạn gái chỉ là bạn bình thường thôi, chưa bao giờ vượt lên một chút dù nhỏ. Hai đứa thường đi cà phê đêm, tối gần khuya mới rời quán. Tôi đưa bạn vào ngõ, hít một hơi thật sâu hương hoa sữa rồi mới yên tâm trở về. Có lần, người bạn ấy hỏi tôi có biết đi dưới mùi hương hoa sữa là sao không? Tôi cười, thì nó cũng giống như đi dưới sương đêm, có uớt át một chút thôi. Bạn nói không phải đâu, đấy là con đường

của tình nhân. Và đó là lần cuối cùng hai đứa đi chung con đường hoa sūa ở Huế.

Sau bận ấy tôi để ý hơn đến những loài hoa, lưu tâm và cẩn thận hơn với những mùi hương. Vì hình như đối với tuổi trẻ thì mỗi thứ hương hoa cũng có thể thay lời muốn nói. Mà tôi thì chỉ nghĩ đến tình bạn, có biết đâu hoa sūa không phải tặng vật của thứ tình cảm bằng hữu. Hoa sūa đã cho tôi biết về tình yêu, hay đúng hơn là hoa sūa nhắc khéo để rồi giấu đi một khoảng trời xuân mộng cho người ta mãi kiếm tìm.

Thi thoảng đôi lần trở lại Huế, tôi vội vàng đến quên mất việc tìm lại gốc cây ngày hôm qua. Chỉ biết rằng người bạn gái không còn ở hẻm ấy nữa, thì mùi hoa sūa đâu có nghĩa gì nơi con phố điểm vắng tên nhau.

Bây giờ tôi lại ở phố, thị xã nhỏ đến mức có thể nhớ hết mỗi góc đường có loài cây nào, nở hoa gì. Nhưng mùa đông này tôi chỉ để ý đến hoa sūa. Đi trong lòng phố, mơn man mùi hoa miên man nỗi nhớ. Hương tràn kín con đường và trải thảm giữa lòng người, để bước chân ai một lần lạc qua trái tim cũng thấy vương vướng. Hoa lát nhát rơi trong đêm, cứ mỗi nhịp rơi là một lần vọng lên tiếng thở phào thanh thản vì nụ hoa đã trút hết hương yêu cho nội thị.

Tôi đã đếm được hai cây hoa sūa trổ bông, một là ở quán cà phê Sông Xanh bên bờ Thạch Hān, và cây thứ hai ngay trước cửa phòng của mình. Sáng thức giấc thấy

bác bảo vệ cầm chổi quét hoa rụng đêm qua, vừa quét
vừa nói hoa chi mà buổi tối nồng nặc không cho người
ta ngủ, sáng dậy đã gói ghém giấu đi. Có lẽ đây là hoa
của tình yêu, khiến đêm thao thức và ngày giấu tăm.

Chút
xuân
giữa
ngày
đông

Có một buổi sáng giữa ngày lạnh, thị xã ùa về một loáng sương nhẹ đậu trên những bông nhất chi mai đỏ chót, rồi ngắn lại thành giọt đánh tí tách xuống khu vườn mùa đông. Rét se se như thể bàn tay của gã thiên sứ ân cần vừa lội mây xuống đây và áp vào đôi má. Cuối con hẻm cũ, ai đó vừa thắp nén nhang khiến cả góc phố dậy thơm mùi một mâm cỗ xuân.

Tôi chợt nhận ra rằng đã lâu mình quên mất việc đi dạo phố vào mỗi sớm ban mai. Đi thật chậm thật khẽ để không phải run lên giữa mùa đông với rất nhiều cảm giác kỳ lạ. Sáng nay, những bước chân đã trả lại cho tôi thói quen loanh quanh đâu đó, trong một khoảng không rất nhỏ thôi, rồi tự để mình lạc đi lạc ra phía bờ sông Thạch Hãn. Tôi vẫn thấy tiếc vì những cây ghế đá đặt dưới mấy gốc bàng mà thời cấp ba mình hay ra ngồi nghỉ trưa thì nay không còn nữa, thay vào đó là dăm bông cỏ dại mọc lạc loài bên vệ đường.

Chị gái dưới quê lai chiếc xe đạp chờ phía sau một chiếc mùng con vun đầy lên mó rau ráng hoa màu, đi vội vàng dọc con đường, tưởng như đang chạy cho kịp

phiên chợ Tết. Thứ hương thơm đồng nội ấy tràn vào phố, thoang thoảng qua, lèn chặt lại thị xã bằng chút dư vị râm ran của rau quế cay, hương ngò ngào ngọt.

Bầu trời nhè nhẹ trăng như màu nước gạo đã qua một đêm ủ trong cái rét chín mùa. Cả một màn trăng mênh mang như thế, không cách nào tìm thấy đám mây, chỉ có một khóm hứng hồng nhói lên nơi phía mặt trời đang trốn rét. Thị xã yên ắng hơn, đầm thắm dịu dàng giống một người con gái mặc áo tơ trăng đứng ngại ngần bên lối hẹn hò, để rồi đánh thức dậy trong trái tim tuổi trẻ nỗi xôn xao của một mùa xuân sắp sửa.

Cụ ông mặc áo ấm, đội chiếc mũ len chấn vừa ngang chân mày, cẩn thận trảy từng chiếc lá mai cho búp nở nhằm dịp Tết. Tiếng tách lá rồn rảng ròn ròn thích thú của những chiếc cuối kỳ xanh búng vào không gian thành nhịp gõ đều đặn. Người già bao giờ cũng chu đáo, họ chuẩn bị Tết từ rất sớm; đúng ra họ muốn kéo dài quãng thời gian của những mùa xuân sau cùng trong một đời người. Với kinh nghiệm chơi mai mấy chục năm, cụ đoán được độ căng chồi búp để lựa chọn thời điểm hái lá cho phù hợp.

Với thị xã, thì mùa xuân bắt đầu từ những ngày se se thế này. Dọc con đường ai ai cũng bước đi với một kiểu cách thung thăng du xuân. Mỗi người chọn cho mình một cách tận hưởng cái Tết sớm, ngoi ngóc ló ra giữa ngày lạnh. Và biết rằng mùa đông cũng thật đáng yêu.

Mặt
sông
rực
sáng
những
mặt
người

tôi có sở thích chọn cho mảnh đất nơi mình trú ngụ một điều gì đó để đánh dấu sự khởi đầu, giống như người ta thường chọn nụ hôn làm cái mốc hợp duyên cho một mối tình chặng hạn. Mùa xuân này thị xã Quảng Trị dim mắt trong cơn ngái ngủ gió mùa, những chồi lộc gọi màu xanh muộn màng hơn. Tôi phải đợi đến nửa Giêng mới bắt gặp được dấu hiệu của nàng Xuân, nhưng không ngoài chờ thiên nhiên ban phát, mà chính là con người đã tự làm nên những ánh lửa để thắp sáng mặt sông và thỉnh cầu sự ấm áp cho năm mới.

Đã qua mấy lần đi xem thả hoa đăng trên sông Thạch Hãn, tôi vẫn chưa thực sự hiểu hết trọn vẹn ý nghĩa của lễ hội này. Bởi hình như cứ mỗi lần tổ chức thì lễ hội được nhân lên thêm một ý nghĩa khác, mới mẻ hơn, thiêng liêng hơn, thành kính hơn và đầy đặn hơn về văn hóa. Nếu như để thỏa mãn trí tò mò thì đơn giản, cứ đến đấy mà xem, thậm chí nhảy lên một con đò cùng thả đèn hoa xuống dòng sông. Nhưng chắc gì ta đã hiểu một cách thâm sâu. Phải sống ở địa xứ ấy, gắn

bó với mảnh đất ấy, yêu lấy con người nơi ấy mới mong đạt được sở nguyện.

Tôi không phải là dân thị xã chính hiệu, chẳng qua vì cơ quan nằm ở đây, làm việc dần rồi tự ý gán cho mình cái mác dân thị xã, kể ra đây cũng là một vinh hạnh. Mà dân ở thị xã bây giờ cũng chẳng được mấy người là dân gốc. Những ngày khói lửa tang thương đến cỏ cây cũng thiêu rụi thì làm sao con người trụ lại đây nổi? Sau khi thị xã được giải phóng, người cũ trở về đất xưa cùng với người mới đến chọn đất này trú ngụ, chung tay gầy dựng lại cơ đồ trên nền tảng đổ nát. Thị xã hôm nay tuy không đô hội, không nhộn nhịp, nhưng thử đổi chiều lại với những bức ảnh cách đây ba bốn chục năm thì sẽ thấy có một bước tiến dài đầy nỗ lực của biết bao thế hệ.

Trên bản đồ địa chính, thị xã Quảng Trị tuy chỉ là một mảnh đất nhỏ như hình viên phân của vòng tròn xứ Đăng Xương khi xưa thôi, nhưng nơi đây lại gom về ba địa danh lịch sử. Ở giữa lách một nhánh sông Thạch Hãn chảy duyên dáng theo hình suối tóc nằm mơ, phía bắc là Ái Tử nơi chúa Tiên Nguyễn Hoàng từng dừng lại dựng nhà lành (dinh cát) trên con đường nam tiến, phía nam là Thành Cổ cỏ xanh non giấu lửa và máu đỏ trong lòng. Người làm nên lịch sử, lịch sử lại bồi tạc nên hồn đất. Người xây ý niệm trời, rồi thiên linh tạo dựng hồn hoa. Chính nhẽ đó mà qua bão táp phong ba người và hoa còn mãi như một cặp phạm trù sóng đôi:

người ta là hoa của đất. Để rồi cứ mỗi dịp tri ân dòng sông mang nặng oan nợ kiếp người thì hoa lại nghiêm nhiên thành một vật phẩm tưởng thưởng.

Thạch Hãn tuy là con sông nhỏ nhưng lưu giữ dưới đáy cát êm, trong mạch nước ngọt biết bao nhiêu máu xương đổ xuống của những người súng gươm một thuở. Lính “bên này” hay lính “bên kia”, bên nào cũng là chiến sĩ và cùng ngã xuống, hòa chung dòng huyết đỏ trong một con nước. Chính điều đó mà năm trước, cũng vào một đêm bên sông Thạch Hãn, anh Trần Bình, một cựu quân nhân đã nói với tôi rằng mình đi thả hoa phải tâm niệm thả cho tất cả những người ngã xuống đây, chứ đừng phân biệt.

Thật là một ý nghĩa đầy tình cảm và nhân hậu, đúng nghĩa đồng bào. Hay một lần khác, đó là dịp thả hoa đăng 30.4.2011, khi con đò cắm sào giữa dòng thì ông Phan Văn Phong, chủ tịch Ủy ban Nhân dân thị xã bấy giờ, thiết tha đề nghị người cầm chèo:

- Chú cho đò qua bên kia thêm chút nữa nghe!

Hai chữ “bên kia” không chỉ nói đến đôi mạn dòng sông mà còn hàm ý về những người lính bên kia chiến tuyến. Họ cũng ngã xuống cho một lý tưởng, hay nói đúng hơn, họ phải gửi lại máu xương là vì chiến tranh thôi chứ chẳng ai muốn như thế. Và cũng cần phải dâng hoa tưởng nhớ, sẻ chia với họ. Tất cả đều là nạn nhân của súng đạn. Bởi họ cũng là con người, bây giờ lại còn chung một dòng đầy thôi.

Chiến tranh đã qua đi gần bốn mươi năm. Chừng ấy thời gian chưa đủ để xoa dịu biết bao nỗi đau mất mát. Dòng nước ngày ấy dẫu đã đi về phía đại dương tít tắp nhưng đáy sông chưa gột rửa hết nỗi bi thương. Thế nhưng rồi người ta cũng sẽ khéo léo để quên đi những tang thương mất mát đó xuống trên dòng sông này, quên đi những lần ranh thù hằn mà hòn đạn mũi tên vô tình gây nên. Nói như thế không có nghĩa hậu thế là kẻ bội công, mà tôi chỉ muốn nhắc lại lời của Eruado Heriot, rằng văn hóa là cái còn lại sau khi người ta đã quên đi tất cả. Để rồi chính cái văn hóa đầy nhân văn còn lại ấy đã đánh thức dậy tình thương, lương tri, sự cảm thông và thấu hiểu, gắn kết hơn nữa giữa những thế hệ.



Buổi chiều tôi ngồi nhâm nhi với Bảo và Thệu ở một quán cóc bên tháp chuông Thành Cổ, từ vị trí này có thể trông ra bến thả hoa và nhìn rõ ràng dòng chữ “Đêm hoa đăng. Tri ân các anh hùng liệt sỹ”. Tôi nói với bạn là tối nay quyết tâm phải chụp cho được bức ảnh những ánh đèn hắt sáng trên sông, chứ mấy lần trước chụp đều hỏng cả. Chụp ảnh đèn hoa trên sông đêm quả thật rất khó, phải là dân săn ảnh chuyên nghiệp mới bắt được ánh sáng kiểu ấy. Chẳng thế mà hôm bữa tôi có hỏi anh Lê Ngọc Vũ, trưởng phòng Văn hóa – Thông tin thị xã về những bức ảnh hoa đăng anh

đưa lên trang. Anh Vũ nói mấy bức đó anh tìm trên mạng internet rồi mượn về minh họa. Còn lúc này, Thệu lại nói với tôi:

- Có khi lý do anh không chụp được cũng như bùa trong Thành Cổ.

Nguyên là lần trước tôi vào Thành Cổ chụp mấy lần ảnh vẫn không được, trời nắng đẹp, ánh sáng tốt, thế mà vào ảnh màu sắc cứ tái tái đi. Bất chợt tôi rùng mình nghĩ, có thể do tâm mình chưa thành nên chụp ảnh những nơi thiêng liêng như thế này không đẹp. Nghĩ đến đây thì cuộc rượu chấm dứt, tôi cầm máy ảnh giục bạn chạy về phía bờ sông. Đang loay hoay chụp ảnh trên bờ thì điện thoại rung, một cán bộ cùng cơ quan gọi nói anh xuống đây mau, đò sắp rời bến. Tôi nhảy vội xuống đò của chi đoàn Văn phòng Ủy ban Nhân dân thị xã Quảng Trị, vừa lúc cây sào tre chống mũi dời ra.

Khoang thuyền xếp chặt những búp đèn kết từ giấy hồng điều ở giữa đinh nến. Đò chêch mũi đi ra giữa sông, ngược lên phía thượng nguồn rồi cắm sào. Các cán bộ đoàn viên trẻ châm nến thắp đèn và lần lượt hai tay hai cây đèn, thành kính thả nhẹ xuống mặt sông. Nâng đèn trên tay, mỗi người lại cầu nguyện một điều ước cho mình. À, thì ra lễ thả đèn vào dịp Tết Nguyên tiêu còn có một ý nghĩa là cầu may. Thế mà lâu nay tôi không hề biết, cứ tưởng lễ nào cũng giống nhau. Hóa ra trong cái chung còn có cái riêng. Mà ước nguyện trên

dòng sông lịch sử này chắc là linh thiêng lắm. Bất giác tôi nghĩ đến một lễ hội văn hóa có tính chất tập tục cho thị xã, đấy là *Hoa đăng cầu may Rằm tháng Giêng*. Một kiểu mô thức lễ hội giống như chợ Đinh làng Bích La ở huyện Triệu Phong láng giềng. Rồi đây người ta sẽ đến đây đông hơn, đò sẽ được bố trí nhiều hơn để đưa tất cả những ai muốn ra sông thả đèn cầu may. Mặt sông sẽ càng lấp lánh ánh lửa hồng.

Được biết, bắt đầu từ năm nay, cứ vào đêm mười bốn âm lịch hàng tháng thì dòng sông Thạch Hãn lại được thả 8100 cây đèn. Nguồn kinh phí thực hiện chương trình này do các doanh nhân thành đạt tự nguyện đóng góp nhằm tri ân, niệm ân và báo ân các anh hùng liệt sĩ. Người dân thị xã lấy làm vui mừng rồi đánh vào trong trí nhớ mình mỗi tháng một ngày đến bên sông thưởng ngắm hoa đăng. Để nhận lấy niềm tin đầy từ tâm như kiểu người Phật tử đến chùa mỗi hôm rằm nguyện cầu an thái.

Bên cạnh đó, lãnh đạo thị xã đã có quyết sách đẩy mạnh phát triển du lịch hành hương hoài niệm chiến trường xưa và đồng đội, một hướng phát triển bền vững nền kinh kế địa phương. Thị xã này nhỏ, với lợi thế về lịch sử tâm linh thì lấy văn hóa làm kinh tế quả là một sự lựa chọn tốt. Hơn nữa, một khi làm kinh tế trên nền tảng văn hóa thì lợi nhuận được nhân đôi, bởi còn thêm ý nghĩa vô hình đó là tạo đức tin cho con người. Và một khi văn hóa hưng tồn thì kinh tế tăng trưởng. Nói như

thể cũng là một sự nhắc khéo rằng, làm văn hóa khoan nghĩ đến vụ lợi mà hãy để mọi thứ tự nhiên, cái này tín át hẳn cái kia tiến.

Con đò yên vị trên mặt sông hay là đang trôi rất nhẹ chẳng biết nữa. Chắc là do nay giờ tôi lan man theo những ý nghĩ của mình và mắt mải mê nhìn những bàn tay thả nến cầu may mà quên để ý đến chiếc đò. Ngày xưa có lần Bác Hồ đi bàn việc quân trên sông, đến khuya về hứng một thuyền áp đầy trăng ngân. Đêm nay chúng tôi đi đò không ai bàn việc quân, cũng chẳng ai để ý đến trăng Nguyên Tiêu tròn to trên cao kia. Có thể là do mặt sông đã lấp lánh quá nhiều ánh lửa, mỗi chùm đèn như bàn tay xòe hoa tưởng thưởng, vừa tri ân vừa chúc mừng các chiến sĩ đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử giao phó. Như thế thì cũng coi như tuổi trẻ hôm nay đã góp phần làm việc quân rồi.

Và điều quan trọng hơn khi người đi xem hoa đăng đêm nay lãng quên ánh trăng không phải vì quên Nguyên tiêu, mà bởi một khi con người vun vén thấp lửa cho mình thì thiên nhiên tự rút lui. Đúng như quan niệm của người Phương đông xưa thì trong bộ tam Thiên - Địa - Nhân, con người là trung tâm của vũ trụ. Điều đó cũng đúng với học thuyết mô hình Anthropocentrism ở châu Âu, con người “tin tưởng vào sức mạnh toàn năng của mình” (V.I. Samokhvalova). Chính con người sẽ tự thân mang lại niềm vui và ý nghĩa sống cho mình chứ không ngồi chờ ông trời. Ánh trăng không làm nê hội rầm mà phải là người hát tình ca.

Đêm nay, mỗi khuôn mặt bừng sáng như một mặt trăng gợi lên trong tôi nỗi xôn xao về một mùa Giêng đơm đầy những chồi lộc dệt từ hàng ngàn ánh nến. Nó khơi dậy trong trái tim tuổi trẻ niềm yêu đời và cả lòng tin nơi xứ sở mà mình đang sống. Nếu đứng ở trên bờ nhìn xuống, thì thật khó nhận ra giữa dòng sông ấy đang có thuyền hoa chở người. Cứ như bao nhiêu khuôn mặt đã thành bấy nhiêu bông đèn chấm đỏ hòa lẫn trên mặt nước.

Sông đêm dùng dằng, níu lại đôi bờ gần hơn khiến hai nhà thả hoa ở bờ nam bờ bắc như úp mặt vào nhau, đối diện theo kiểu một bên là hình, bên kia là ảnh trong nghi thức soi gương của những kẻ cầu toàn luôn muốn chau chuốt cho mình. Thị xã đã tự làm đẹp mình lên bằng cái vốn liếng săn có là lịch sử, rồi mỗi thế hệ đi qua đắp bồi, điểm phấn hoa thơm và tô son lửa hồng. Những gợn sóng đánh loáng màu lửa tạo cho mặt sông thành một thảm vàng rực rõ.

Thuyền cập bến sau khi đã thả nốt những ngọn đèn cuối cùng. Mọi người bước lên bờ với nỗi khoan khóai toại nguyện, dường như ai nấy đều cảm thấy mình vừa được tham gia vào một lễ hội của ánh sáng. Và họ mang về nhà khuôn mặt rạng rõ của mình như một chút lộc đầu năm mà dòng sông và ánh lửa đã trao gửi.

Thị
xã
ôm
Thành
cổ
vào
lòng

thị xã ôm vào lòng một Thành Cổ Quảng Trị, thị xã hôn lên dòng mồ hôi đá Thạch Hán, thị xã liếc mắt đưa tình sang cầu Ái Tử. Tôi muốn dành những động từ âu yếm nhất để nói về thị xã nhỏ bé này, giản dị hiền lành đến nỗi cái tên cũng phó mặc cho quê hương – người ta gọi là Thị xã Quảng Trị.

Ba giờ sáng, từ Khánh Hòa một chị gái mới quen *chat* và nói với tôi rằng chị ước được về Quảng Trị một lần. Để mần chi? Để đi vào thăm Thành Cổ, chị thích bài hát *Cô non Thành Cổ* của nhạc sĩ Tân Huyền. Tôi lặng người đi sau câu nói của chị, và cảm thấy như cái khoảng cách vô hình mà internet tạo ra được xóa trăng để kéo con người ta lại gần nhau hơn. Trong rất nhiều những bài hát về quê hương Quảng Trị thì *Cô non Thành Cổ* là bài tôi ít khi hát nhất, bởi nó có một đoạn nhạc lên rất cao. Hơn nữa, mỗi lần hát tôi lại chạm vào nỗi buồn của thế hệ đi trước, lại thấy mình như có lỗi với đất cỏ quê nhà. Nhưng hôm nay tôi sẽ mượn lời cô để hát về thị xã của mình, hát bằng vĩ

thanh của tiếng đàn mà ngọn gió phon qua lá để lại từ những năm về trước.

Ngày nhỏ tôi hay lên về thị xã Choi, khi thì với bạn, lúc đi với ông, và nhiều lần thì một mình ngắn ngo vừa đi vừa ngắm như chú dế du ca. Tôi đi theo con đường nối thị xã Quảng Trị với vựa lúa Triệu Phong quê mẹ. Ký ức về thị xã những ngày ấy còn lại trong tôi chỉ là một trường Bồ Đề hoang tàn đổ nát, những dấu bom vết đạn đã đục thủng đi rất nhiều trên vách đá, rêu mọc lên xanh một màu buồn buồn.

Sau này tôi có ba năm liên tục lên về thị xã ngày ngày để học phổ thông. Mỗi sáng đạp xe chín cây số lên trường, trưa lại đạp chín cây số về nhà. Một đoạn đường Lý Thái Tổ ngắn chưa đầy năm trăm mét dẫn từ đường chính vào trường, đó cũng là đoạn đường chạy ngang trước Thành Cổ. Tôi còn nhớ mấy câu thơ viết thời lớp mười thế này: “mỗi buổi chiều nắng về tha thiết/ tà áo ai vương vấn gốc đường/ trắng xôn xao trong lòng Thành Cổ/ áo dài bay bay khắp muôn phương”. Đó là cái thời còn vụng dại ngây ngô, nhưng chí ít tôi biết thị xã của mình có một Thành Cổ đáng để nhớ, để ghi tạc vào thơ vào lòng. Có nhiều buổi trưa ở lại để chiều học tiếp, tôi đi vào Thành Cổ, thả chân trên cỏ và hình như đã vô tình giảm phải điều gì đó quá huyền nhiệm mà mãi mãi tôi không tự mình lí giải được. Sau này tôi viết vào thơ mấy câu thắc thỏm: “Quảng Trị ơi!/ Không

lí giải cho tôi nỗi đau/ Máu và hoa hòa nước sông ôm chầm Thành Cố”.

Hồi đó tôi học trường Trung học Phổ thông Thị xã Quảng Trị, trước đây có tên là trường Nguyễn Hoàng. Tôi cũng không hiểu vì sao một cái tên trường thiêng liêng lịch sử như vậy lại bị/ được đổi đi, trong khi ai cũng biết chúa Tiên – Nguyễn Hoàng đã từng chọn Ái Tử để đóng dinh phủ. Thầy giáo đứng lớp kể rằng cái thời trường mình còn mang tên trường Nguyễn Hoàng ấy, cứ đi vào Huế thi mà thấy đeo bảng tên Trường Nguyễn Hoàng là thí sinh xứ khác rất sợ. Khi tôi đi thi đại học sư phạm Huế, tôi mặc chiếc áo trắng có tấm bảng tên đề trường Trung Học Phổ Thông Thị Xã Quảng Trị và thấy những ánh mắt là lạ nhìn mình. Một giám thị cuối giờ thi đến gặp tôi bắt tay nói hẹn gặp lại cậu tại giảng đường. Tôi ngó mặt ra không hiểu. Vị giám thị nói học sinh trường Thị xã Quảng Trị thi phải đỗ chor rằng nūa. Và tôi đỗ thật. Ngày vào nhập học tôi vẫn mang chiếc áo đó, cái bảng tên chū đỏ vẫn trên ngực, tôi cảm thấy tự hào. Bây giờ trường đã được xếp chuẩn Quốc Gia. Lại nghe đâu hội cựu học sinh Nguyễn Hoàng ở Đà Nẵng đang chuẩn bị kiến nghị hoàn quy lại tên trường. Tôi không đủ khả năng phân tích để có ý kiến thuyết phục, nhưng tôi nghĩ rằng điều đó là cần thiết.

Năm tôi học lớp 11, có dạo bà con thị xã nhao nhao lên chuyện tìm thấy nhiều hài cốt liệt sĩ dưới những

nhà dân. Điều đó chẳng có gì kì lạ, bởi sự thật cay đắng mà lịch sử để lại trên mảnh đất này đã chứng minh, từ đó tôi mang theo nỗi ám ảnh bi thương của thị xã. Khi đọc nhà văn Nguyễn Quang Lập viết về chuyện ma ở thị xã Quảng Trị thì tôi tin là có thật. Tôi cũng đã từng thắc thòm không rõ vì sao nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường lại chọn thị xã Quảng Trị để làm trụ sở tòa soạn tạp chí Cửa Việt mà không phải là Đông Hà. Cho đến khi đọc bút ký “Đêm chong đèn nhớ lại...” mới vỡ lẽ ra là bởi mảnh đất Thành Cổ quá thiêng liêng, ở đó có âm vọng của những liệt sĩ đã anh dũng nằm lại vẫn thắc thòm ngày ngày gửi lên những tín hiệu tâm linh.

Có nhiều trưa tôi lên chợ ăn một đĩa cơm bụi hai nghìn ruồi rồi về ngồi bên bờ sông Thạch Hãn sau lưng thị xã. Gió chạy ngoài sông vào hát mấy câu thơ của nhà báo Lê Bá Dương. “Đò lèn Thạch Hãn ơi chèo nhẹ!/ Đáy sông còn đó bạn tôi nằm/ Có tuổi hai mươi thành sóng nước/ Võ yên bờ mai mai ngàn năm...”. Sau này có dịp được nói chuyện với bác Dương, tôi càng thẩm thía hơn nỗi lòng của một người lính xứ Nghệ nguyện yêu Quảng Trị đến vô cùng. Đọc bờ sông là con đường nhỏ nằm hứng lá bàng, dưới đất mọc lên rất nhiều những cây bàng con; và tôi hiểu rằng sau khói lửa chiến tranh thì thị xã lại vươn lên mạnh mẽ, cả cây cối thiên nhiên và con người.

Hằng năm, cứ vào dịp lễ 27/7 sông Thạch Hãn lại mở hội – hội của dòng sông và hội của lòng người.

Đêm hôm đó tôi đứng bên bờ, bấy giờ đã được bồi kè bằng bê tông, thế nhưng cỏ vẫn rợp triền sông, cỏ chen vào giữa những kẽ nứt xi măng và rung lên theo từng đợt gió đêm. Từ trên phía cầu Ga, những ánh lửa đèn hoa được thả trôi về, rồi ánh lửa lan ra khắp mặt sông cứ lặp lò lặp lò chạy chầm chầm về, chầm chầm vào... lòng người. Nghe như dưới đáy sông kia tiếng của các liệt sĩ đang hát khúc quân hành, lại như có câu hò ở bên kia, hò rằng “À ơi! Mẹ thương con ra cầu Ái Tử”.

Thuở đó tôi quen bác Tình bán quán ở đầu đường Lý Thái Tổ. Bác Tình thương binh, cụt một chân. Quán bác thực chất chỉ là một cái chòi xe dùng để bán mì xíu và vé số kiến thiết. Tôi hỏi xưa bác đi chiến đấu, giờ bác bán mì với ước mong bà con no đủ và vé số để kiến thiết lại quê hương, đúng không? Bác nói đó là một nhẽ, nhưng cái quan trọng là bác thích ngồi ở đây để chỉ đường cho những ai tìm về thăm Thành Cổ. Bất giác tôi ngoái đầu nhìn, sau lưng là khung trời hòa bình, Thành Cổ nằm sau lưng mình rồi, sau lưng nhưng không thể nào có thể lãng quên được.

Thời sinh viên, cứ mỗi lần về nhà, tôi đi trên chuyến tàu chở từ Huế, ra tới ga Quảng Trị tàu dừng. Tôi dắt xe xuống và đạp thư thả dọc con đường ngang qua thị xã, hồ như những giọt sương ban mai đang lúng liếng nhìn mình, tôi nghe được những tiếng rao bán đậu hũ, cả tâm hồn của thị xã sau mấy tháng trời gấp lại, mỗi lần như cứ khắc sâu thêm.

Đến lúc sắp bay đi học, tôi lên thị xã bắt xe ra Hà Nội, buổi chiều hôm ấy nắng buồn buồn. Hay là chính là tâm trạng tôi đang buồn. Mắt tôi ngô như nhòa đi giữa một chiều mùa hạ không có lấy một hạt mưa. Tôi nhủ anh trai chạy xe chầm chậm để được ngắm một lần cuối cùng thị xã của mình, nước ngoài sông Thạch Hãn như đang vỗ sóng vào sâu thẳm lòng tôi. Trong lúc chờ xe, tôi ngồi ở chỗ ngã ba nối đường Quốc Lộ với trực đường chính của thị xã. Phía trời tây, hoàng hôn sửa soạn chấn mây gói núi chuẩn bị đi ngủ. Và từ dưới Thành Cổ chợt có một tiếng chuông ngân lên rồi kéo dài mãi mãi...

Dưới
vòm
cây
nguyệt
Ước

trong khuôn viên những ngôi trường mà tôi đã học, thật may mắn là luôn có những gốc phượng. Tuy chỉ độ dăm ba gốc thôi, nhưng cứ sang hạ chúng đồng loạt khai thị những bông hoa đầu tiên chấm đỏ giữa nền trời xanh. Khi tiếng trống vân hồi niên học, phượng mới bung nở hết sức như để nhắc khéo rằng, những ai vội bỏ quên tuổi học trò của mình thì có nghĩa sẽ phải nuối tiếc một sắc màu đượm thắm kỷ niệm.

Từ độ mùa xuân chín, ở quê có rất nhiều loài hoa dại nở rặc khắp những miền cỏ. Suốt quãng đường đi học, lũ trẻ chúng tôi mải mê cúi xuống ngắm hoa một cách hồn nhiên. Tất cả loài hoa ấy đều được phủ cánh bằng gam màu lạnh, như xuyến chi thì trắng, hoa me lại tím... Cho đến một ngày, khi ngẩng đầu ngược lên mới bắt gặp một màu hoa nổi bật - chói灼 đến nao lòng. Cánh hoa xòe ra như con hồng điệp vừa nhón chân đậu xuống cành, đầu cánh lại lá loi với gió như sắp bay. Một chút gì đến rất vội rồi luống cuống thúc giục người ta phải ngắm nhanh kéo vùt đi mất. Hoa ấy ngày xưa người ta đặt tên là Phượng và sau này chúng tôi gọi theo một cách khác là hoa Nguyễn ước. Đơn

giản bởi những ngày tháng cuối cùng của tuổi học trò, chúng tôi được dịp ngồi lại với nhau lâu hơn để chuẩn bị cho kỳ thi tốt nghiệp và tuyển sinh đại học. Dưới tảng phượng, ghế đá, tiếng thầm thì và ước mơ. Có đứa chẳng ngại ngần lấy mảnh chai khắc vào gốc cây những lời hứa hẹn, cả cái ngày cụ thể sẽ gặp nhau cũng in hẳn vào sâu trong thân phượng. Bất cứ một gốc phượng nào trong sân trường cũng đều có những dòng chữ, con số. Mà thật lạ, qua mấy năm sau dấu vết ấy vẫn còn vụn nguyên như lời ước nguyện mãi xanh cùng năm tháng.

Búp phượng chìm khuất trong vòm lá rất khó nhận thấy. Đến khi bung nở thì cái vỏ bọc màu xanh xòe ra tạo thành đài hoa. Trông vào rất giống một bàn tay thon thiếu nữ, duyên dáng nhưng đủ tin cậy để nâng niu những cánh hoa mềm. Vườn trường bùa đó chỉ độc một loài hoa đỏ ấy thôi. Thỉnh thoảng gió thổi qua, một đàn lá nhỏ nhẹ rơi xuống cùng với dăm cánh chín sớm tựa đầu lên sân. Mỗi đứa chúng tôi đều tự chọn cho mình một bông hoa và gửi vào đấy ước mơ của mình. Trường cấp ba của chúng tôi, trước đây có tên là trường Nguyễn Hoàng. Trong những bức ảnh trắng đen còn lưu giữ lại, dễ dàng nhận ra những gốc phượng, ngày ấy và bây giờ vẫn còn đây. Mỗi thế hệ học sinh đi qua cổng trường, ít nhất đều gói gắm mang theo một vài cánh phượng nhiệt huyết, cũng như gửi lại đôi ba cánh phượng truyền lửa. Chính cánh phượng tươi rói ấy đã gợi cho tôi hình ảnh về những cánh buồm đỏ

thăm trong cuốn tiểu thuyết của Alechxandre Grin. Cô bé A-xôn trong truyện đã nói với người đốt than rằng: *Hãy biết ước mơ, vì chúng ta là con người*. Một chân lý giản đơn vậy thôi. Và chúng tôi, những cô cậu học trò cuối cấp đã đứng dưới những cánh phượng đỏ để ước nguyện.

Không chỉ riêng trong sân trường, cả hai bên con đường chính của thị xã Quảng Trị cũng đều có những gốc phượng, tuổi đã già mà lá vẫn xanh, và mùa hè nào cũng cho hoa đều đặn. Buổi sáng đi qua, trong màn sương màu hoa đỏ ngoi ra nhò nhạt. Đến khi tan trường, về lại cũng con đường ấy thì màu đỏ hiện rõ rệt dưới nắng và thấp lên trên cao. Những cánh phượng như tranh nhau bung hết mình rồi lấy láy láy cánh mềm mòi gọi. Có một người bạn đam mê môn lịch sử đã giải thích về sắc đỏ tột cùng của những cánh phượng nơi đây. Rằng bởi mảnh đất này là nơi diễn ra những cuộc súng đạn khốc liệt nhất của chiến tranh, không sao quên được mùa hè đỏ lửa năm 1972 tại chiến trường Quảng Trị, 81 ngày đêm thức với Thành Cố. Nên sắc đỏ của cánh phượng hôm nay đã được nhuộm thêm trang sứ hồng đầy máu và lửa hôm qua.

Mùa hè cuối cấp, chúng tôi biết rằng tuổi học trò đã đi trên chuyến xe sau cùng. Và như một người hành khách vội vã, tôi luống cuống giật lấy một tấm vé hình trái tim. Khung cửa sổ nơi chỗ tôi ngồi, ngày ngày có gương mặt của một người con gái tên T đi qua dưới

Mục lục

| | |
|------------------------------|-----|
| Nhen lửa nướng khoai | 5 |
| Chòi sĩ tử | 13 |
| Mùa xuân qua ngõ | 22 |
| Pháo Tết ngày xưa | 29 |
| Mùa xuân bấy én đồng làng | 36 |
| Nén nhang ngày Tết | 44 |
| Mắt lửa đêm áp Tết | 49 |
| Nét võ cây mai | 56 |
| Ngũ sắc bánh in | 64 |
| Chợ Thuận những mùa Tết cũ | 69 |
| Ngẩn tò te | 77 |
| Tiếng nhái đồng quê | 82 |
| Tháng Ba qua đồng | 87 |
| Đêm trăng tắt nước trên đồng | 90 |
| Câu chuyện mùa hạ | 95 |
| Rơm rạ quê mùa | 100 |
| Cuống rạ cắm vào đất quê | 105 |
| Hạt lúa sau mùa | 110 |
| Ngôi dưới thềm trăng | 113 |

- Những cánh xuân trong nắng 117
Đất nở hoa 122
Bầu eo neo lại hồn quê 130
Còn ai múc nước giếng quê 136
Chao nghiêng ầu ơ 142
Nếp tranh xưa 147
Ngẩn ngơ bông khế 153
Men dọc triền đê 159
Bức thông điệp sỏi đá 163
Ngọn lửa đèn dầu 167
Lời dụ tình của dế 174
Hoàng hôn quê nhà 179
Chuyện xâu lỗ tai 183
Phố đêm nồng nàn hoa sữa 188
Chút xuân giữa ngày đông 193
Mặt sông rực sáng những mặt người 196
Thị xã ôm Thành cổ vào lòng 205
Dưới vòm cây nguyên ước 212

KHÓI SẼ LÀM MẮT TÔI CAY

Hoàng Công Danh

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tông biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Giám đốc - Phó Tông biên tập NGUYỄN THÉ TRUẬT

Biên tập và sửa bản in:

LÊ HOÀNG ANH

Bìa:

KIM DUÂN

Kỹ thuật vi tính:

NGUYỄN MAI KHANH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 39316289 – 39316211 – 38465595 – 38465596 – 39350973

Fax: 84.8.38437450 – E-mail: hophubandoc@nxltre.com.vn

Website: <http://www.nxltre.com.vn>

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Số 21, dãy A11, khu Đàm Tráu, p. Bạch Đằng, q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (04)37734544 – Fax: (04)35123395

E-mail: chinhanh@nxltre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: 08 35261001 – Fax: 08 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

Khổ 13 x 20cm, số: 2020-2013/CXB/9-264/Tre.

Quyết định xuất bản số: 1214A/QĐ-Tre, ngày 31.12.2013.

In 2.100 cuốn tại Công ty Cổ phần In Gia Định,
9D Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2014.

Cơm mới. Bữa cơm đầu tiên
nấu từ hạt lúa mới gặt. Trong
một buổi chiều chang vặng,
bên thềm hiên, mùi cơm mới
thơm hương vị cánh đồng,
nguyên vị sữa ngọt và cái dẻo
mềm đẽn nỗi mỗi hạt cơm lùa
vào miệng đều dính ngay ở đó.
Người ta bảo cái dẻo của cơm
lúa mới là để mình ngậm mà
nghe, cảm nhận thành quả sau
một vụ mùa.

Bữa cơm mới để lại một cảm
giác rất lạ, nó vừa mang vẻ ấm
cúng trong niềm hân hoan, lại
vừa như những phút thư giãn
sau vụ mùa tắt bật. Xa xa một
đám khói đang cháy trắng, vẽ
từ dưới cánh đồng vắt ngược
lên bầu trời hạ nắng. - Câu
chuyện mùa hạ

Buổi chiều tôi lên đê một mình, lặng lẽ gom lại một ít hương xưa cất vào đâu đó trong sự bỗn bã tuổi trẻ. Cỏ may cứ dùng dằng níu lại. Dăm con bò còng lưng công gió, vài cánh cò nhẵn nại hộp sương. Thế là thành quê hương. Giản đơn và hồn hậu. Có ngần ấy thôi nhưng coi hoài không thấy chán. Chiều nay bạn từ xa về, bạn nói đặt chân xuống làng một cái tự dung người mình hết muôn bon chen. Bạn nói quê hương luôn đẹp đối với những ai biết đủ.

... Trên hoang thảo miền của tôi, người làng cứ đi qua, in lên đó bao nhiêu dấu chân hình trái bí đao. Nhưng có thì ngàn năm vẫn xanh, như buổi chiều đã xưa lắm rồi mà kỷ niệm còn tươi mới. Tôi sẽ về nhặt lại, một củ khoai còn sót dưới chân cỏ dĩ vãng, một nhúm phân bò khô trong hanh nắng thời gian, một cọng khôi ngủ quên trên khung trời cổ xưa. Và chắc chắn là khói sẽ làm mắt tôi cay.



facebook.co
nhaxuatban

ISBN 978-604-1-02998-9

www.tuluc.com



0025365

Price: \$12.00

Set: 1 ; Loc: B6